

Các bài suy niệm LỄ HIỂN LINH – Năm A

Lời Chúa: Is 60,1-6; Ep 3,2-3a.5-6; Mt 2,1-12

MỤC LỤC

1. Ra đi.....	2
2. Ngôi sao dừng lại.....	4
3. Thiên Chúa tỏ mình.....	6
4. Ánh sao đạo đức - ĐTGM. Ngô Quang Kiệt.....	7
5. Suy niệm của ĐTGM. Giuse Ngô Quang Kiệt.....	8
6. Con đường đức tin.....	10
7. Tìm gặp Thiên Chúa giữa lòng đời.....	13
8. Gặp Chúa – Lm Jos Tạ Duy Tuyền.....	15
9. Suy niệm của Lm. Đaminh Trần Đình Nhi.....	16
10. Cuộc hành trình đức tin.....	19
11. Gọi tên ngày lễ - ĐGM Vũ Duy Thống.....	22
12. Niềm tin: một chuyến đi - ĐGM Vũ Duy Thống.....	24
13. Ánh sáng và bóng tối – Thiên Phúc.....	26
14. Những con mắt hiển linh.....	27
15. Tìm Đức Kitô.....	29
16. Ba vua.....	30
17. Hãy đứng lên, hãy tỏa sáng ra – R. Veritas.....	31
18. Tìm gặp Chúa.....	32
19. Từ bỏ.....	33
20. Tỏ mình.....	35
21. Suy niệm của JKN.....	37
22. Lễ Hiển Linh.....	40
23. Lễ Giáng Sinh của muôn dân.....	42
24. Ánh sao lạ.....	45
25. Dân ngoại đứng trước Đức Vua của người Do thái.....	46
26. Chú giải của Noel Quesson.....	53

1. Ra đi

(Trích từ 'Manna')

Suy Niệm

Thiên Chúa không chỉ tỏ mình cho dân Israel. Ngài còn tỏ mình cho các dân tộc khác, vì Ngài muốn cứu độ mọi người chẳng trừ ai.

Các nhà chiêm tinh vùng Babylon là đại diện cho dân ngoại.

Đối với họ, bầu trời là một cuốn sách, các vì sao nói về những biến cố trên địa cầu. Có thể Thiên Chúa đã muốn dùng sự xuất hiện của một vì sao để báo hiệu Con Ngài chào đời.

Thiên Chúa chấp nhận dùng thứ ngôn ngữ đầy khiếm khuyết đó để mời họ lên đường đi gặp Đấng Cứu Độ.

Hôm nay, Ngài vẫn ngỏ lời với những ai chưa biết Ngài bằng muôn vàn cách thức khác nhau, khiến họ hiểu được.

Thiên Chúa vẫn làm sáng lên muôn ánh sao, không ở trên trời cao, nhưng ở trong lòng người.

Ánh sao có thể là một lý tưởng, một khát vọng mãnh liệt: khát vọng sự thật, tự do, ấm no, hạnh phúc?

Ánh sao đưa con người lên đường tìm kiếm, và Ngài không ngừng ban niềm vui trong suốt cuộc hành trình.

Các nhà chiêm tinh đã phải ra khỏi nhà, ra khỏi mình, ra khỏi những định kiến, để đón tiếp cái bất ngờ.

Họ chỉ mong được bái lạy vị Vua mới sinh. Nhưng vị Vua này chẳng ở Giêrusalem cao sang, mà lại ở vùng Bêlem bé nhỏ.

Vị lãnh tụ dân Israel chỉ là một hài nhi bình thường, sống trong một căn nhà bình thường.

Hêrôđê bối rối lo sợ khi nghe tin sinh hạ Vua Do thái.

Các thượng tế và kinh sư tuy biết rõ nơi Ngài sinh, nhưng họ không muốn lên đường tìm kiếm.

Các nhà chiêm tinh chỉ có một cái biết mơ hồ, nhưng họ đã can đảm ra đi, tích cực tìm kiếm, tin tưởng sắp mình bái lạy và cung kính dâng lễ vật.

Vẫn có đám đông những người không phải là Kitô hữu đang miệt mài nghiên cứu trong mọi lãnh vực, khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật, tư tưởng..., đang gắng công tu tập trong các tôn giáo, hay đang tận tụy làm cho trái đất được tốt đẹp hơn. Có ánh sáng nào soi chiếu nẻo đường họ đi. Họ đã chấp nhận bao hy sinh từ bỏ, để nhẹ nhàng, thanh tịnh mà tiến bước.

Các nhà chiêm tinh ngày xưa đã gặp được Đấng họ tìm.

Hôm nay, còn bao người vẫn trên đường dong ruổi. Thiên Chúa đồng hành với họ mà họ chẳng hay. Họ đã ở gần Chúa ngay khi chưa gặp Ngài.

Lễ Chúa Hiện Linh mời ta nhận ra và trân trọng hoạt động của Thiên Chúa nơi anh chị em ngoài Kitô giáo.

Có khi chúng ta giống các thượng tế và kinh sư tự mãn với cái biết lý thuyết của mình về Thiên Chúa, nên chẳng muốn lên đường gặp mặt Ngài.

Ước gì chúng ta không coi mình như người đã tìm thấy, nhưng khiêm tốn học hỏi nơi những người đang tìm kiếm.

Gợi Ý Chia Sẻ

Bạn có nhìn thấy Thiên Chúa đang hoạt động nơi những anh chị em ngoài Kitô giáo không? Bạn có quen ai làm bạn cảm phục không?

Thiên Chúa đến với bạn qua những đại lộ (là Thánh Lễ, các Bí Tích...) Nhưng Ngài cũng đến với bạn qua các ngõ hẻm (một biến cố, một bài báo, một câu nói băng quơ...). Đó là những ngõ hẻm Chúa thường đến với bạn?

Cầu Nguyện

2.

Lạy Chúa Giêsu, xin cho con trở nên đơn sơ bé nhỏ, nhờ đó con dễ nghe được tiếng Chúa nói, dễ thấy Chúa hiện diện và hoạt động trong đời con.

Sống giữa một thế giới đầy lọc lừa và đe dọa, xin cho con đừng trở nên cứng cõi, khép kín và nghi ngờ. Xin dạy con sự hiền hậu để con biết cảm thông và bao dung với tha nhân. Xin dạy con sự khiêm nhu để con dám buông đời con cho Chúa. Cuối cùng, xin cho con sự bình an sâu thẳm, vui tươi đi trên con đường hẹp với Ngài, hạnh phúc vì được cùng Ngài chịu khổ đau. Amen.

2. Ngôi sao dừng lại

(Trích từ 'Manna')

Suy Niệm

Người Do Thái đợi chờ Đấng Mêsia từ bao thế kỷ. Đấng Mêsia được ví như một vì sao từ nhà Giacóp (x.Ds 24,17).

Nói một cách thi vị, chờ đợi Đấng Mêsia là chờ đợi một vì sao xuất hiện.

Hình ảnh vì sao gợi lên trong lòng người Do Thái niềm nôn nao đợi chờ Đấng Cứu Độ cho dân tộc mình và cho cả thế giới (x. Ds 24,7).

Nhưng không phải chỉ người Do Thái mới biết đợi chờ. Theo các sử gia đáng tin cậy ở thế kỷ đầu, cả dân ngoại cũng tin rằng Đấng cai trị thế giới sẽ được sinh ra từ xứ Giuđê.

Phải chăng đó là lý do khiến các nhà chiêm tinh từ vùng Ba tư, Ả rập xa xôi đã lặn lội đến Giêrusalem để bái yết tân vương, khi họ thấy trên bầu trời xuất hiện vì sao lạ?

Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều phản ứng khác nhau trước sự hạ sinh của Vua dân Do Thái.

Hêrôđê thì sợ hãi vì thấy ngai vàng bị lung lay. Ông dò hỏi về nơi sinh và ngày sinh của vị Vua mới để âm mưu loại trừ một đối thủ.

Các thượng tế và kinh sư ở Giêrusalem lại có thái độ dửng dưng thụ động. Họ rành rẽ Kinh Thánh và biết rõ nơi sinh của Vua Mêsia, nhưng họ chẳng buồn cất bước tới Bêlem.

Còn các nhà chiêm tinh là đại diện cho dân ngoại, đã hăm hở lên đường, lao vào cuộc phiêu lưu tìm kiếm. Họ làm tất cả miễn sao gặp được Đấng quân vương. Dù Đấng ấy chẳng uy nghi ngự trong lầu vàng điện ngọc, nhưng họ vẫn vui mừng đón nhận với cả lòng thành.

Lễ Hiến Linh nhắc chúng ta về việc truyền giáo.

Các nhà chiêm tinh đã đến gặp Chúa nhờ ánh sao. Con người hôm nay nhờ ánh sáng nào mà gặp được Chúa?

Mỗi môi trường cần một thứ ánh sáng riêng. Mỗi con người nhạy cảm với một loại ánh sáng. Chúng ta phải tìm hiểu xem đâu là thứ ánh sáng thu hút được lòng con người.

Ánh sáng của sự chân thành, của phục vụ yêu thương;

Ánh sáng của niềm vui an bình, của can trường bất khuất.

Một nụ cười, một ánh mắt, một lời khích lệ cũng bùng sáng rực rỡ chẳng kém một vì sao.

"Giữa một thế hệ sa đọa, anh em hãy tỏa sáng như những vì sao trên vòm trời" (Pl 2,15).

Chúng ta chỉ là những vì sao sáng khi chúng ta để mọc lên trong lòng chúng ta (x. 2Pr 1,19) ngôi sao mai là chính Đức Kitô (x.Kh 2,28).

Ước gì mỗi Kitô hữu trở thành một ánh sao: ánh sao nói được điều gì đó với người đang chờ đợi, ánh sao đồng hành với nhân loại trên mọi nẻo đường, ánh sao ngừng lại trước nhà của Con Thiên Chúa để Con Thiên Chúa và thế giới hôm nay gặp nhau.

Gợi Ý Chia Sẻ

Những người dân ngoại ở xa có thể gặp Chúa, còn những kinh sư thông thạo Kinh Thánh ở sát Bêlem lại không gặp được Ngài. Theo bạn, để gặp được Chúa, cần có thái độ nào, điều kiện nào?

Ở môi trường bạn đang sống và làm việc, người ta cần thứ ánh sáng nào? Bạn có thứ ánh sáng đó không?

Cầu Nguyện

Lạy Chúa Giêsu,

Tạ ơn Chúa đã cho chúng con ánh sáng mặt trời, mặt trăng, và ánh sáng từ những nguồn năng lượng trên mặt đất.

Tạ ơn Chúa vì Chúa đã gọi chúng con là ánh sáng.

Đó là vinh dự và cũng là một trách nhiệm nặng nề.

Xin cho chúng con có khả năng đẩy lui bóng tối của hận thù và bất công, của buồn phiền và thất vọng. Xin cho chúng con biết giữ gìn ngọn lửa mà Chúa đã thắp lên trong lòng chúng con, và biết vâng theo những soi sáng của Chúa qua từng phút giây của cuộc sống.

Lạy Chúa Giêsu,

cuộc chiến giữa ánh sáng và bóng tối vẫn còn tiếp diễn trên thế giới và trong lòng chúng con.

Ước gì chúng con đừng chỉ lo nguyên rửa bóng tối, nhưng can đảm thắp lên những ngọn lửa, để cả trái đất ngập tràn ánh sáng Chúa.

3. Thiên Chúa tỏ mình

Ngày hôm nay Thiên Chúa tỏ mình ra cho ba nhà đạo sĩ đến từ phương Đông, nghĩa là những người ở ngoài dân Chúa và bị người Do Thái xếp vào hàng dân ngoại. Chính vì thế lễ Hiển Linh có thể được coi như là lễ Giáng sinh của người ngoại. Tuy nhiên, qua phụng vụ chúng ta thấy được tính cách bí mật của chương trình cứu độ như thánh Gioan đã diễn tả: Ngài đã đến nơi nhà Ngài mà các người thân đã không tiếp nhận Ngài.

Thực vậy, Isaia đã đưa ra những lời tiên đoán đầy phấn khởi về Giêrusalem vào ngày Đấng cứu thế xuất hiện. Ngày ấy, Giêrusalem sẽ trở thành trung tâm ánh sáng và mọi người từ bốn phương trời sẽ tiến về đó với muôn vàn lễ vật. Nhưng trớ trêu thay, vào ngày Con Thiên Chúa giáng sinh làm người, theo như lời tiên tri Isaia loan báo, ánh sáng đã chiếu trên Giêrusalem, nhưng lại chỉ có những người ở ngoài mới nhận ra ánh sáng ấy, còn dân trong thành thì vẫn tiếp tục sống trong u tối. Giêrusalem đã có thể chỉ rõ nơi vua dân Do Thái mới sinh ra, nhưng lại chỉ có những người ở ngoài mới tới thờ lạy Ngài.

Một ngôi sao xuất hiện trên bầu trời thì có chi đáng quan tâm. Nhưng tất cả cuộc hành trình kỳ diệu lại khởi đầu từ đó. Đêm hôm ấy, hẳn cũng đã có nhiều người nhìn lên trời, ngắm những vì sao nhưng lại không thấy được vì sao của Ngài. Cũng thế, những biến cố, những sự kiện diễn ra hằng ngày trên đường phố, trong xã hội. Chúng ta cũng có thể đọc được những sự kiện, những biến cố ấy trên cùng một trang báo, qua cùng một chương trình thời sự, nhưng có mấy khi chúng ta thấy được trong một biến cố, trong một sự kiện dấu chỉ về một đòi hỏi của Chúa?

Tuy nhiên, các nhà đạo sĩ đã không chỉ bằng lòng với việc thấy được vì sao của Ngài. Các ông còn chuẩn bị lễ vật và hăm hở lên đường với một cuộc hành trình mang tính cách phiêu lưu, tiến tới một nơi vô định mặc dầu có ánh sao dẫn lối. Tin Mừng cho thấy là cũng đã có lúc không còn ánh sao nữa và các ông đã phải hỏi thăm về nơi các ông phải tới với những người không quen biết. Và không phải là không có những chạm bẩy. Hêrôđê có đó với tấm lòng nham hiểm đằng sau những lời nói đầy vẻ ân cần. Vượt không biết bao nhiêu dặm đường để rồi cuối cùng đứng trước một hải nhi yếu ớt, nhưng các ông cũng đã sắp mình thờ lạy, và dâng lễ vật với lòng hân hoan toại nguyện. Phải chăng đó chính là thái độ của một lòng tin đích thật. Các thượng tế và luật sĩ, mặc dù thông hiểu Kinh Thánh, nhưng vẫn ngồi yên tại chỗ. Sự hiểu biết của họ như đã không đủ sức để lay chuyển họ. Là những người ở trong, họ đã tự đặt mình thành những kẻ ở ngoài. Trong khi đó, những người vẫn bị xếp vào hạng ở ngoài, vì đã đi theo tiếng gọi của Chúa, mà đã trở thành những người ở trong. Những điều chúng ta thấy và hiểu biết về Tin Mừng, về Đức Kitô, về Nước Trời, về ơn cứu độ, có đủ sức lay chuyển chúng ta đi theo tiếng gọi của Chúa hay không?

4. Ánh sao đạo đức - ĐTGM. Ngô Quang Kiệt

Hôm nay, Ba Vua trên đường tìm đến thờ lạy Chúa Cứu Thế Giáng Sinh. Ba Vua là những người phương xa, không có đạo. Các Ngài tìm đến Chúa theo ánh sáng của ngôi sao lạ. Theo ngôi sao, các Ngài đến được Giêrusalem và được nghe giải nghĩa Thánh Kinh. Theo ngôi sao đưa đường dẫn lối các Ngài đã gặp được Chúa. Ánh sao đã chiếu sáng bầu trời đen tối, giúp các Ngài nhận định được hướng đi. Lời Thánh Kinh là một ánh sao chiếu soi tâm hồn giúp họ sáng lên niềm tin. Nhưng chính Đức Giêsu mới là ngôi sao mai dẫn họ đi vào một con đường mới, con đường chói ngời ngọn lửa đức mến.

Ngày nay có nhiều người đang tìm kiếm Chúa. Nhiều người muốn biết Chúa để theo Chúa. Nhưng họ không biết đường biết hướng. Cũng như Ba Vua, họ cần có những ánh sao soi đường dẫn lối.

Tìm đâu ra ngôi sao xưa đã soi đường cho Ba Vua? Ngày nay, Chúa không dùng ngôi sao xuất hiện trên trời, nhưng muốn mỗi người chúng ta trở thành một vì sao soi dẫn mọi người đến với Chúa.

Là ngôi sao có nghĩa là phải có ánh sáng. Ngôi sao chỉ chiếu sáng khi chính bản thân nó có ánh sáng. Người Kitô hữu chỉ chiếu sáng khi chính cuộc sống của họ mang ánh sáng, phản chiếu ánh sáng nhận tự nơi Thiên Chúa.

Người Kitô hữu phải chiếu lên làn ánh sáng hy vọng. Niềm hy vọng vào ơn cứu độ của Chúa giúp ta vững bước trên đường lý tưởng. Niềm hy vọng vào một trời mới đất mới cho ta thêm sức mạnh góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp. Niềm hy vọng vào hạnh phúc thiên đàng giúp ta đánh giá đúng mức của cái vật chất đời này. Hy vọng là ánh sáng làm tươi đẹp con người và cuộc đời.

Người Kitô hữu phải chiếu lên làn ánh sáng tin yêu. Tin yêu Chúa và tin yêu người. Tin yêu để xây dựng một cuộc sống chan hoà tình người. Tin yêu để tha thứ hoà giải. Tin yêu để vượt qua mọi bóng tối thù hận, chia rẽ, bất hoà. Tin yêu là làn ánh sáng ấm áp làm cho thế giới trở nên gần gũi, con người trở nên thân thiện, cuộc đời trở thành đáng yêu đáng mến.

Người Kitô hữu phải chiếu lên làn ánh sáng công bình, bác ái. Niềm hy vọng, niềm tin yêu được chứng minh bằng đời sống công bình, bác ái. Tin Chúa được biểu lộ qua sự công bình trong đời sống. Yêu Chúa được thể hiện qua tình bác ái với tha nhân.

Tất cả những làn ánh sáng nói trên góp lại thành ánh sáng đạo đức. Đắm chìm vào vật chất sẽ khiến con người rơi vào bóng tối tuyệt vọng, không lối thoát. Nghi ngờ con người sẽ khiến cuộc đời chìm vào bóng tối cô đơn. Thiếu công bình bác ái sẽ phủ lên thế giới một bóng tối phi nhân, tàn nhẫn. Chỉ có ánh sáng đạo đức mới đủ sức phá tan những bóng tối ấy. Chỉ có ánh sáng đạo đức mới làm cho thế giới thành vui tươi hạnh phúc.

Thế giới đang mong chờ ánh sao dẫn đường. Chúa đang mời gọi chúng ta trở thành một ngôi sao chiếu lên làn ánh sáng đạo đức. Chính qua làn ánh sáng ấy, mọi người sẽ nhận biết và yêu mến Chúa.

Lạy Chúa, xin giúp con sống xứng đáng là người con của Chúa sự sáng. Amen.

KIỂM ĐIỂM ĐỜI SỐNG

1. Bạn nghĩ gì về cuộc tìm kiếm của Ba Vua? Bạn có kiên trì tìm Chúa như Ba Vua không?
2. Bạn nghĩ gì về bốn phận làm chứng cho Chúa? Bạn có mong ước trở thành ngôi sao dẫn đưa mọi người đến với Chúa không?
3. Đâu là những ánh sáng người Kitô hữu phải có để dẫn người khác tới Chúa? Trong năm mới này, bạn sẽ làm gì để làm chứng cho Chúa?

5. Suy niệm của ĐTGM. Giuse Ngô Quang Kiệt

THÀNH TÂM THIỆN CHÍ SẼ GẶP CHÚA.

Lễ Hiển Linh là lễ Chúa tỏ mình ra. Việc Chúa sinh ra được loan báo cho mọi người biết dưới nhiều hình thức khác nhau như: lời các ngôn sứ loan báo từ nhiều thế kỷ trước, đạo binh thiên thần ca hát, ngôi sao lạ xuất hiện... Tuy nhiên không phải ai cũng gặp được Chúa.

Có *những người không gặp Chúa*, dù biết rõ những chỉ dẫn về Người.

Đó là những *kinh sư, biệt phái*. Họ hiểu biết Thánh Kinh. Khi ba nhà đạo sĩ đến hỏi thăm, họ đã đọc vanh vách lời ngôn sứ loan báo Đấng Cứu Thế sinh ra tại Bêlem. Nhưng họ không gặp được Chúa, vì họ hiểu biết lý thuyết mà không thực hành. Ngồi một chỗ mà không chịu lên đường. Chỉ chú ý tới chữ nghĩa sách vở mà không chú ý tới cuộc sống con người. Chỉ tìm trong sách vở mà không tìm những dấu chỉ trong đời thường.

Đó là *Hêrôđê*. Bạo vương này muốn tìm Chúa nhưng không gặp Chúa, dù ông có binh hùng tướng mạnh trong tay. Ông không gặp Chúa vì ông tìm Chúa không phải vì Chúa mà vì quyền lợi của ông. Ông tìm Chúa không phải để thờ lạy nhưng để giết chết. Ông tìm Chúa không phải để tôn vinh Chúa nhưng để tôn vinh bản thân. Ông tìm Chúa không phải để làm theo ý Chúa nhưng để bắt Chúa phải theo ý ông. Vì thế Chúa đã vượt thoát khỏi tầm tay của ông. Vĩnh viễn ông không gặp được Chúa.

Những người xem ra gần gũi nhất, hiểu biết nhất, có phương tiện nhất đã không gặp được Chúa. Trái lại, những người có vẻ nghèo hèn, thiếu thốn phương tiện, xa xôi cách trở lại gặp được Chúa. Đó là *các mục đồng và đặc biệt ba nhà đạo sĩ* mà ta nhớ đến trong thánh lễ hôm nay.

Họ đã gặp Chúa vì họ đã *lên đường*. Dù không biết lời tiên tri loan báo, không biết lời hứa, không thuộc Thánh Kinh, nhưng khi thấy ngôi sao lạ, họ đã lên đường ngay tức khắc. Lên đường nói lên thái độ ngoan ngoãn tuân theo ơn Chúa soi sáng. Lên đường nói lên thái độ dấn thân. Lên đường nói lên lòng cương quyết đi tìm. Lên đường là chấp nhận gian khổ để đạt được điều mơ ước.

Họ lên đường và đã gặp Chúa vì lòng họ *khao khát*. Khao khát chân lý nên đêm đêm họ không ngừng quan sát bầu trời tìm kiếm ánh sao, vì thế cả một bầu trời bao la, chỉ một ánh sao lạ xuất hiện, họ đã nhận biết. Khao khát chân lý nên khi Chúa vừa tỏ mình qua dấu hiệu ngôi sao, họ đã vội vã theo sát dấu ánh sao đi tìm. Khao khát gặp Chúa nên khi ánh sao vụt biến mất, họ đã không nản lòng, quyết tâm dò hỏi cho ra.

Họ đã gặp Chúa vì tâm hồn họ *đơn sơ thành thực*. Đi tìm Chúa chứ không tìm bản thân. Đi tìm Chúa để thỏa lòng khao khát chân lý chứ không để thỏa mãn những tham vọng đen tối. Đi tìm Chúa để thờ lạy Chúa chứ không vì lợi lộc cá nhân. Với tâm hồn đơn sơ, họ đã nhận ra ý Chúa, dù ý Chúa chỉ nhẹ nhàng qua một ánh sao. Với tâm hồn đơn sơ, họ đã nhận ra chính Chúa, dù Chúa có ẩn thân dưới hình dáng một em bé yếu ớt nghèo nàn, trong khung cảnh rất tồi tàn của chuồng bò hôi hám.

Đời sống đạo của tôi cũng là một cuộc đi tìm Chúa. Tôi sẽ chỉ gặp được Chúa nếu tôi noi gương ba vua, có tâm hồn đơn sơ thành thực, có lòng khao khát Chúa vì chính Chúa, và dấn thân thực hành những điều Chúa truyền dạy, đặc biệt là giới răn bác ái, phục vụ Chúa trong những anh em nghèo khổ.

Lạy Chúa, xin chỉ cho con đường lối của Chúa. Amen.

KIỂM ĐIỂM ĐỜI SỐNG

- 1) Tại sao những kinh sư, biệt phái và Hêrôđê không gặp được Chúa?
- 2) Có những người ngoại đạo thành tâm thiện chí như ba vua. Bạn đã gặp ai như thế chưa? Bạn nghĩ gì về họ?
- 3) Muốn gặp Chúa, bạn phải làm gì?

4) Ba vua nhờ ngôi sao dẫn đến gặp Chúa. Bạn phải làm gì để trở thành ngôi sao đưa người khác đến với Chúa?

6. Con đường đức tin

(Suy niệm của Thanh Thanh - Tinvui.org)

I. Chú giải

- **Địa lý:** Belem, nơi Chúa sinh ra là một thôn làng nhỏ cách Giêrusalem 6 dặm về phía nam. Itrael thời ấy bị đế quốc Rôma đô hộ. Hêrôđê được Rôma bổ nhiệm cai trị xứ Palétin 40 năm trước công nguyên. Ông nổi tiếng là người tàn bạo.

- **Dân chúng:** thời đó họ tin rằng mỗi người có một ngôi sao chiếu mệnh. Ba nhà đạo sĩ đến từ vùng Tiểu Á. Họ là những người thông thái. Sở trường của họ là nghiên cứu về khoa chiêm tinh và được xem là cố vấn của nhà vua về đời và đạo. Họ theo ánh sao đi tìm sự xuất hiện của một Đấng Cứu Thế.

- **Lễ vật:**

. Vàng: thời xưa, vàng có tính cách quý báu và cao sang, chỉ dành cho vua chúa. Vàng có ý nói hài đồng Giêsu là Vua.

. Nhũ hương: trầm hương chỉ dùng trong việc tế lễ. Hơn thế nữa, trầm hương ở đây nói lên sự ca ngợi và thờ lạy. Trầm hương có ý nói Chúa hài đồng là Thiên Chúa.

. Mộc dược: mộc dược dùng để chữa lành người bệnh và tắm liệm thi thể người chết thời đó. Mộc dược nói lên nhân tính của hài nhi và cái chết sau này của Chúa Giêsu.

II. Con đường đức tin

1. Hành trình của các đạo sĩ là hình ảnh minh họa cho hành trình cho mọi người tin:

- Đường đức tin đầu bằng một điều gì đó lạ lùng khiến người ta chú ý, như ánh sao lạ chẳng hạn, dấu lạ này mời gọi ta từ bỏ nếp sống đã quen để dần thân đi tìm một cái gì đó cao hơn, tốt đẹp hơn.

- Kế đến là những bước thăng trầm trong cuộc hành trình, như ánh sao có lúc sáng tỏ trên bầu trời, có lúc nó vụt biến mất. Nhưng nếu ta kiên trì tiến bước thì cuối cùng ta sẽ gặp được Chúa.

2. Tiến bước

Có người ngồi một chỗ như Hêrôđê. Nhưng cũng có người đi tìm kiếm như đạo sĩ, lên đường như Abraham.

Chúa ở đâu? Ở khắp mọi nơi: trong làng quê heo hút, trong xóm làng, trong gia đình nghèo khó, trong những người ta gặp gỡ hằng ngày, nhất là những người đói khát, bệnh tật. Thiên Chúa ở nơi những người biết mở lòng đón nhận Ngài. Muốn biết Ngài ra sao thì: "Khi Ta đói các ngươi đã cho Ta ăn, Ta khát các ngươi đã cho Ta uống... Ta bảo các ngươi: mỗi lần các ngươi làm cho một trong những kẻ bé nhỏ nhất là anh em Ta đây, là các ngươi làm cho chính Ta" (Mt 25,35-40).

Các luật sĩ, các thầy thượng tế hiểu kinh thánh lắm chứ, nhưng họ chỉ biết trung dẫn, còn thực hành thì không. Hay Hêrôđê thì dùng Kinh Thánh để tìm cách giết Hài nhi, còn các đạo sĩ thì, bản thân chẳng biết Kinh Thánh, chỉ được Hêrôđê chỉ dẫn, đã lên được tìm kiếm Đức Giêsu và họ đã gặp Người

3. Khó khăn và thuận lợi

Nhà đại thiên văn Kepler khám phá ra rằng vào năm Chúa Giáng sinh, có một hiện tượng bất bình thường xảy ra giữa các vì sao. Ông nói về hai ngôi sao Jupiter và Saturn rằng: Bình thường chúng vẫn quay cách đều nhau. Năm đó chúng sáp lại gần nhau đến độ ánh sáng của ngôi sao này cộng hưởng với ánh sáng của ngôi sao kia, tạo ra một luồng sáng khác thường và kéo dài đến cả mấy tháng.

"Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Người xuất hiện bên phương Đông" (Mt 2,2).

Người xưa cho rằng ngày ra đời của các vĩ nhân thường được báo hiệu bằng sự xuất hiện của các ngôi sao lớn. Các chiêm tinh thường nghiên cứu những chuyển động của các vì tinh

tú để đoán biết định mệnh con người. Vì thế, khi nhìn thấy ngôi sao lạ, các đạo sĩ đã nhận ra sự sinh hạ của Đấng Cứu Thế, Vua dân Do thái.

Thực sự, người Do thái đã trông đợi Đấng Cứu Tinh từ nhiều thế kỷ, Đấng ấy được ví như một vì sao từ Giacóp, như có lời trong Kinh thánh: "Một vì sao xuất hiện từ Giacóp, một vương trượng chồi dậy từ Israel" (Ds 24, 17). Tiên tri Mikha cũng đã tiên báo: "Hỡi Bêlem Épratha, người nhỏ bé nhất trong các thị tộc Giuđa, từ nơi người, Ta sẽ cho xuất hiện một vị có sứ mạng thống lãnh Ítraen" (Mk 5,1).

Thiên Chúa đã dùng cột mây cột lửa để hướng dẫn dân Do thái đi trong hoang địa về đất hứa, thì Người cũng có thể dùng ngôi sao dẫn đường cho các đạo sĩ đến Belem để gặp Đấng Cứu Tinh. Thế nhưng, thật trớ trêu là: vị Cứu Tinh xuất hiện sau bao thế kỷ đợi chờ, dân Do thái lại thờ ơ lãnh đạm, các thượng tế và kinh sư thì đứng đưng thụ động, cho dù họ hiểu Kinh thánh và biết rõ nơi sinh của Đấng Cứu Thế. Hêrôđê lại còn hoảng hốt vì sợ ngại vàng của mình bị lung lay.

Đại diện cho lương dân, là đạo sĩ hăng hái lên đường tìm kiếm. Nên sau này, Đức Giêsu đã phải thốt lên: "Từ phương Đông phương Tây, nhiều người sẽ đến dự tiệc cùng các tổ phụ Ápraham, Isaac và Giacóp trong Nước Trời. Nhưng con cái Nước Trời thì sẽ bị quăng ra chỗ tối tăm bên ngoài" (Mt 8,11-12).

Lễ Hiển linh hôm nay giúp ta nhìn lại chính mình:

Nếu ta đang đi trong bóng tối của gian dối, hận thù, thì hãy trở thành ánh sao của chân thành, phục vụ và yêu thương. Nếu thế giới đang chìm đắm trong bóng tối của buồn phiền, thất vọng thì ta hãy là những ánh sao của niềm vui, an bình và hy vọng.

Chúa gọi ta: "Chúng con là ánh sáng thế gian" (Mt 5, 14), thì đó là một vinh dự vô cùng lớn lao, nhưng cũng là một trách nhiệm nặng nề. Ta đừng nguyên rủa bóng tối, nhưng hãy dẫn thân thấp lên những ngọn nến sáng của tin yêu và hy vọng, của bác ái và vị tha, để cả trái đất này tràn ngập ánh sáng tình yêu Chúa.

Ta hãy tin vào Lời Chúa. Tin là dựa vào Chúa để dẫn thân và vượt qua gian nan thử thách.

Các đạo sĩ khi nhìn thấy ánh sao lạ, họ đã tin tưởng vào một Đấng Cứu Tinh mà ngôi sao là dấu chỉ, họ vội vã lên đường mà không biết ngôi sao sẽ dẫn đi đâu. Khi ánh sao biến mất họ không thất vọng, không bỏ cuộc, nhưng dò hỏi kiếm tìm. Hành trình của họ là hành trình Đức tin, con đường của họ là con đường thánh giá. Để trải nghiệm đức tin, cần phải xem phản ứng lúc đau khổ và thử thách, chứ không phải lúc đời lên hương, thuận buồm xuôi gió.

III. Truyện minh họa, ông vua thứ tư

Có một truyền thuyết cho rằng những người khách từ phương Đông tìm đến thờ lạy Chúa Hài Đồng là 3 vị vua, tên là Gaspar, Balthasar và Melchior. Có một truyền thuyết khác lại cho rằng ngoài 3 vị ấy, còn một vị vua thứ tư nữa, tên là Artaban. Sau đây là truyền thuyết về ông vua thứ tư ấy.

Cũng như 3 vị vua kia, Artaban thấy ngôi sao lạ. Sau khi chuẩn bị lễ vật gồm một viên bích ngọc, một viên hồng ngọc và một viên ngọc trai, ông lên đường đến điểm hẹn cùng 3 vị kia. Tuy nhiên dọc đường ông gặp một người bị thương nặng nằm bên vệ đường, ông dừng lại đưa người đó đến một quán trọ và nhờ người chăm sóc. Khi đến điểm hẹn thì 3 vị kia đã đi mất rồi.

Đến Bêlem cũng trễ, Thánh Giuse và Đức Maria đã đem Chúa Hài đồng lánh nạn sang Ai cập. Artaban đành tìm một quán trọ để nghỉ đêm. Trong quán ông gặp một người đàn bà bế một đứa trẻ mới 1 tuổi đang sợ hãi trốn tránh cuộc lùng bắt của đám lính Hêrôđê. Dù vậy, cuối cùng đám lính cũng tìm tới. Artaban ra cửa gặp chúng và đưa viên hồng ngọc để chúng khỏi vào trong quán. Ông rất buồn vì lễ vật định dâng Chúa Hài Đồng chỉ còn có mỗi một viên ngọc trai. Viên bích ngọc cũng đã đổi lấy lạc đà để đi qua sa mạc.

Ông tiếp tục lên đường tìm Chúa Hải Đông. Nhưng ông luôn bị trễ: nghe tin Đức Giêsu đang ở đâu ông đều tìm đến, nhưng khi đến nơi thì Ngài đã đi nơi khác. Khoảng 30 năm sau, ông đến Giêrusalem. Ông hốt hoảng khi nghe tin người ta sắp đem Đức Giêsu đi đóng đinh trên đồi Golgotha. Ông vội vã tìm đến, hy vọng là với viên ngọc trai còn lại, ông có thể cứu sống Ngài. Tuy nhiên trên đường đến Golgotha, ông gặp một cô gái đang bị quân lính rượt bắt. Cha của cô thiếu nợ quá nhiều nên người ta định bắt cô để bán làm nô lệ trừ nợ. Artaban đưa viên ngọc trai ra, và quân lính để cô gái được tự do. Giờ đây Artaban chỉ còn đôi bàn tay trắng.

Chiều hôm ấy, khi mặt trời bắt đầu lặn, một cơn động đất khiến các nhà cửa đều rung rinh. Một viên sỏi rơi trúng đầu ông. Thế là ông chết trước khi đến được ngọn đồi Golgotha. Ông đã không gặp được Đức Vua mà bao nhiêu năm qua ông đã khổ cực tìm kiếm.

Vâng, tuy không gặp được Chúa theo cách thức mình muốn, nhưng xét về đường đức tin thì Artaban đã thực sự gặp được Chúa, vì bao nhiêu năm nay Ngài đã ngự trị trong lòng ông. Ngài đã làm cho lòng ông thành quảng đại, dạy ông làm những việc bác ái và luôn duy trì niềm hy vọng trong suốt cuộc hành trình của ông.

7. Tìm gặp Thiên Chúa giữa lòng đời

(Suy niệm của Lm. Ignatiô Trần Ngà)

Chính những Lời Chúa dạy là ánh sao sáng, còn sáng hơn sao Bê-lem năm xưa, soi sáng cho chúng ta biết Chúa đang ở ngay trong gia đình, trong làng xóm chúng ta.

Theo ánh sáng của ngôi sao lạ, ba nhà chiêm tinh đã tìm đến cung điện của vua Hêrôđê để thờ lạy kính bái, vì nghĩ rằng nếu có vị vua mới sinh thì ắt vua đó phải sinh ra nơi cung vàng điện ngọc, nơi chốn cao sang. Nhưng thực ra không phải thế. Khi ba vị đến ngay cung điện vua Hêrôđê và hỏi: "Đức Vua dân Do-thái mới sinh, hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi đến bái lạy Người," thì vua Hêrôđê tỏ hết sức ngạc nhiên. (Mt 2, 2)

Bấy giờ "nhà vua liền triệu tập tất cả các thượng tế và kinh sư trong dân lại, rồi hỏi cho biết Đấng Kitô phải sinh ra ở đâu. Họ trả lời: "Tại Bê-lem, miền Giu-đê, vì trong sách ngôn sứ, có chép rằng: "Phần ngươi, hỡi Bê-lem, miền đất Giu-đá, ngươi đâu phải là thành nhỏ nhất của Giu-đá, vì ngươi là nơi vị lãnh tụ chăn dắt Ít-ra-en dân Ta sẽ ra đời." (Mt 2, 4-6)

Thật bất ngờ, Chúa Cứu Thế không sinh ra trong cung vàng điện ngọc mà lại sinh ra trong nơi quê mùa heo hút, nơi làng Bê-lem là phần đất nhỏ bé của miền Giu-đá.

Như thế, nhờ ánh sáng từ Kinh Thánh soi sáng mà vua Hêrôđê, cả triều thần của vua cũng như ba nhà chiêm tinh biết được nơi Chúa Cứu Thế giáng sinh. Cũng nhờ ánh sáng này, ba nhà chiêm tinh tiếp tục đến tận nơi để thờ lạy và dâng lễ vật cho Người, tại một nơi nghèo nàn tầm thường mà ba vị không ngờ trước được.

Hôm nay, không có ngôi sao lạ nào xuất hiện trên bầu trời để soi đường cho chúng ta đi tìm Chúa, nhưng chúng ta có một ánh sáng khác rực rỡ hơn giúp ta tìm gặp Người. Đó là ánh sáng của Lời Chúa, như lời Thánh Vịnh: "Lời Chúa là ngọn đèn soi cho con bước, là ánh sáng chỉ đường con đi." (Thánh vịnh 119, câu 105)

Vậy ánh sáng Lời Chúa soi đường cho chúng ta tìm thấy Chúa nơi đâu? - Ở nơi mà không mấy ai tin là có: Ở ngay trong nhà, trong xóm chúng ta. Thật quá bất ngờ!

Ba nhà chiêm tinh ngày xưa ban đầu cứ ngỡ rằng vua mới ra đời ắt phải sinh ra trong cung điện Hêrôđê, không ngờ Lời Chúa lại chỉ cho họ tìm gặp Đấng Cứu Thế mới sinh tại một làng quê Bê-lem heo lánh, trong hình hài một trẻ sơ sinh yếu ớt, tại một túp lều nghèo nàn đơn sơ.

Chúng ta cũng thế, ban đầu chúng ta cứ tưởng Chúa chỉ ngự trên chôn trời cao, Chúa chỉ hiện diện trong Bí Tích Thánh Thể, chỉ ngự trong các thánh đường... Nào ngờ Chúa cũng hiện diện trong chính gia đình chúng ta, trong thôn xóm nghèo nàn của chúng ta.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, trong tâm thư gửi các gia đình đã viết: "Thiên Chúa đồng hoá với con người, với những người trong gia đình. Thiên Chúa là một với người cha, người mẹ, người bạn trăm năm, người con cái trong gia đình."

Qua dụ ngôn dụ ngôn về ngày phán xét cuối cùng trong Tin Mừng Mátthêu, Chúa Giêsu tỏ cho thấy những ai cho những người đói khát đầu đường xó chợ một bát cơm thì Chúa nói là họ cho Chúa ăn. Những ai cho người rách rưới hoặc mình trần một manh áo, thì Chúa nói là họ đã cho Người mặc. Những ai cho người sa cơ thất thế không nơi nương tựa được trú ngụ một thời gian thì Chúa nói là họ đã cho Chúa trọ nhà... Nói như thế, Chúa Giêsu tự đồng hoá mình với mọi người chung quanh. Nói khác đi, bất cứ ai cũng được Chúa Giêsu nhìn nhận là chính Người. (xem Mt 25, 31-46)

Khi chưa nhận biết Đức Giêsu là Thiên Chúa, Phaolô ra tay bách hại các môn đệ của Người dữ dội. Vì thế, ông đã bị quật ngã trên đường Đamát và có tiếng Chúa Giêsu vang lên giữa thình không: "Sao-lô, tại sao ngươi bắt bớ Ta?" Phaolô hết sức kinh hoàng: "Thưa Ngài, Ngài là ai?" Có tiếng từ trời đáp: "Ta là Giêsu mà ngươi đang bắt bớ". (Cv 22, 6-9). Chính từ hôm đó, Sao-lô (tức thánh Phaolô tông đồ) mới nhận ra các tín hữu cũng chính là Chúa

Giêsu nên người thường nhắc nhở mọi người ghi tâm khắc cốt lời này: "Nào anh em chẳng biết rằng thân xác anh em là phần thân thể của Đức Kitô sao?" (I Cr 6, 15).

Chính những Lời Chúa dạy trên đây là ánh sao sáng, còn sáng hơn sao Bê-lem năm xưa, soi sáng cho chúng ta biết Chúa đang ở ngay trong gia đình, trong làng xóm của chúng ta, để chúng ta đến hầu hạ phục vụ và dâng lễ vật cho Người.

Lễ vật của chúng ta không phải là vàng, nhũ hương và mộc dược nhưng là một tấm áo cho cha, một bát cơm cho mẹ, là sách vở bút mực cho con cái học hành, là sự ân cần săn sóc cho những người đau khổ chung quanh chúng ta. Đó là những lễ vật quý báu mà Chúa Giê-su đang thiết tha chờ đợi. Ước gì chúng ta mau mắn và quảng đại hiến dâng cho Người.

8. Gặp Chúa – Lm Jos Tạ Duy Tuyền

Một cậu bé lần nọ quyết định sẽ đi gặp bằng được Thiên Chúa. Cậu biết rằng chuyến đi sẽ dài và vất vả lắm nên xếp vào túi xách bánh và thức uống.

Khi đã đi qua ba dãy phố, cậu bé gặp một bà lão. Bà ngồi trong công viên, đôi mắt dừng lại ở những chú chim bồ câu. Cậu bé đến ngồi cạnh bà và mở túi xách của mình. Hình như bà lão đang đói, cậu bé nhận ra điều này và mời bà một chiếc bánh. Bà lão cười với cậu. Nụ cười dịu dàng đến nỗi cậu bé muốn nhìn thấy nó hiện ra một lần nữa. Cậu lại mời bà thức uống. Nụ cười lại hiện ra trên khuôn mặt phúc hậu của bà làm cậu cảm nhận được sự ấm áp. Họ ngồi suốt buổi chiều ăn uống và không nói một lời.

Mãi đến khi trời sụp tối cậu bé mới rời chỗ. Rồi bất ngờ cậu quay lại, chạy đến chỗ bà lão và ôm lấy bà từ biệt. Món quà mà bà lão đã tặng cho cậu là nụ cười đẹp và rộng mở nhất của mình.

Khi cậu bé mở cửa vào nhà, người mẹ vô cùng ngạc nhiên vì nét rạng rỡ còn ngập tràn trong ánh mắt cậu: - Điều gì hôm nay đã làm con hạnh phúc vậy?

Cậu bé đáp:

- Con đã ăn trưa với Chúa. Mẹ biết không, Chúa có nụ cười tuyệt đẹp trên đời!

Trong khi đó bà lão cũng bừng tỉnh với niềm vui và trở về nhà. Đưa con trai nhận ra vẻ thanh thản trên gương mặt mẹ và hỏi:

- Điều gì hôm nay đã làm mẹ hạnh phúc?

Bà lão đáp:

- Mẹ đã ăn bánh cùng với Chúa bên cạnh những chú chim bồ câu. Con biết không, Chúa trẻ trung hơn chúng ta nghĩ rất nhiều.

Khi làm người, Con Thiên Chúa đã sinh ra trong thân phận người nghèo. Ngài đã chọn chôn hang bò lừa làm nơi đẻ sinh. Ngài đã chọn gia đình nghèo làm gia đình của mình. Ngài đã hoá mình như bao người lao động nghèo làng quê Nagiaret. Ngài đã sống một cuộc đời nghèo khó đến độ không có nơi gối đầu. Ngài còn tự đồng hoá mình với những mảnh đời bất hạnh lầm than. Ngài còn hứa ban hạnh phúc Nước Trời cho những ai đón nhận Ngài qua những người đói, rách, tù đầy . . .

Cậu bé trong câu chuyện đã tìm gặp Chúa nơi bà lão nghèo ngoài công viên. Và bà lão cũng tìm gặp được Chúa qua tình yêu của cậu bé dành cho bà. Có thể nói tình yêu đã nối kết họ nên một trong tình yêu Chúa. Tình yêu đã giúp họ nhận ra Chúa nơi người mình đang tiếp xúc. Ước mơ của cậu bé là mong được nhìn thấy Chúa đã thành hiện thực khi cậu trao ban miếng bánh thơm ngon cho bà lão. Cậu cũng đâu ngờ rằng tình yêu của cậu làm cho bà lão nhận ra Chúa đang hiện diện nơi tấm lòng nhân ái của cậu.

Năm xưa, ba nhà đạo sĩ đã tìm gặp Chúa không phải nơi cung điện nguy nga, nhưng lại là nơi đồng hoang mông quạnh. Họ đã gặp vị quân vương vừa mới hạ sinh nơi máng cỏ hôi tanh của đám bò lừa. Họ đã bái quỳ trước một hài nhi bé nhỏ con của một gia đình nghèo khó. Họ đã dâng cho hài nhi những lễ vật quý giá là vàng, nhũ hương và mộc dược, tượng trưng cho quyền bính của vị quân vương.

Hôm nay, Chúa vẫn đang hiện diện giữa chúng ta qua tha nhân là hình ảnh của Chúa. Chúa còn hiện diện cách đặc biệt qua những người nghèo khó, những người già neo đơn, những người đau yếu đang sống trong cô đơn tuyệt vọng. Chúa vẫn đang mời gọi chúng ta dâng cho Chúa tình yêu hiến thân phục vụ tha nhân một cách quảng đại. Chúa vẫn đang mời gọi chúng ta hãy nhận ra Chúa nơi anh em đang sống bên cạnh chúng ta. Chúa vẫn mời gọi chúng ta hãy dâng tặng cho Chúa món quà quý hoá nhất chính là tấm lòng biết yêu thương.

Ước gì mỗi người chúng ta biết dâng tặng cho Chúa món quà của yêu thương để mang lại niềm vui và hạnh phúc cho tha nhân. Amen.

9. Suy niệm của Lm. Đaminh Trần Đình Nhi

Lễ Chúa Hiển Linh là cao điểm của mùa Giáng Sinh. Ta đã có dịp suy niệm Lời Chúa về ý nghĩa của biến cố Ngôi Hai làm người sinh xuống và ở giữa nhân loại. Sự hiện diện của Chúa Giêsu trong thế giới luôn luôn là một dấu chỉ, một ngôn ngữ để Thiên Chúa nói với loài người. Vậy qua biến cố Giáng Sinh, Thiên Chúa muốn tỏ mình ra, muốn “lộ diện” với nhân loại, để nhân loại thấy được Thiên Chúa vô hình và kế hoạch ân sủng của Người (xem Ga 1,18).

1. Vinh quang của Thiên Chúa chiếu tỏa trên nhân loại (bài đọc Cựu Ước – Is 60,1-6)

Qua cái nhìn của ngôn sứ I-sai-a, Giêrusalem không còn là thủ đô của dân tộc nhỏ bé Ít-ra-en nữa, nhưng nó đã trở nên “đô thành của Thiên Chúa” và trung tâm cứu độ của toàn thể thế giới rồi. Từ bao lâu nay, thế giới nằm dưới ách thống trị của bóng tối và mây mù tội lỗi. Tình trạng của Giêrusalem cũng không hơn gì thế giới, vì cũng ở trong tối tăm và chẳng dân tộc nào nhận ra nó. Nhưng khi Giêrusalem được mặt trời công chính ngự đến thì chỗ đứng của nó hoàn toàn thay đổi. Giêrusalem đã được chọn làm nơi “vinh quang của Đức Chúa như bình minh chiếu tỏa”. Vì thế ngôn sứ kêu gọi Giêrusalem hãy đứng cao lên để toàn thể thế giới nhận được ánh bình minh của Đức Chúa. Giêrusalem sẽ chứng kiến tầm quan trọng của nó vì nó trở nên nguồn sáng lôi cuốn và hướng dẫn toàn nhân loại đến một vương quốc mới.

Ngôn sứ I-sai-a sử dụng hình ảnh giàu có phong phú của một quốc gia tràn thế để diễn tả một thực tại thiêng liêng là vương quốc ân sủng của Thiên Chúa. Theo quan niệm Do-thái, một quốc gia hùng mạnh là quốc gia đông dân cư và giàu sang, với cửa cải vàng bạc từ các nước thiên hạ đổ về qua đường biển, hoặc qua đường bộ và chở đầy trên lưng đàn lạc đà không sao đếm xuể. Hình ảnh ấy tượng trưng cho sự sung mãn ân sủng Thiên Chúa ban cho nhân loại khi Con Một xuống thế làm người tại Giêrusalem mới. Muôn dân nước “đều tập hợp, kéo đến” để nhìn nhận “vinh quang của Thiên Chúa”.

Nhưng vinh quang của Thiên Chúa phải chăng là quyền năng cao cả của Người? Đúng vậy. Tuy nhiên hơn thế nữa, quyền năng cao cả ấy được biểu hiện qua việc làm yêu thương của Thiên Chúa khi Người ban cho ta Con Một. “Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này: Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian để nhờ Con Một của Người mà chúng ta được sống” (1 Ga 4,9). Thiên Chúa có cả một kế hoạch để chiếu tỏa vinh quang của Người trên Giêrusalem mới, tức là kế hoạch ân sủng được thực hiện một cách lạ lùng qua Đức Giêsu Kitô và thánh Phaolô Tông đồ gọi đó là Mầu nhiệm Đức Kitô.

2. Mầu nhiệm Đức Kitô được mặc khải cho cả Ít-ra-en lẫn dân ngoại (bài đọc Tân Ước – Ep 3,2-3a.5-6)

Thần học gia Phaolô cho ta một cái nhìn thật rõ ràng về kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. Kế hoạch cứu độ, những từ này nói lên công việc Thiên Chúa làm và sự rỗi của ta là đối tượng của công việc ấy. Những từ này nhấn mạnh về phía Thiên Chúa chủ động. Nhưng đối với thánh Phaolô, việc cứu rỗi không phải là việc làm của mình Thiên Chúa, mà còn phải có sự đáp trả của ta. Thiên Chúa ban ân sủng cứu độ, nhưng ta là kẻ được lãnh nhận cần phải cộng tác tích cực, sử dụng ân sủng đó để sống như con cái Thiên Chúa hầu đạt tới mức sung mãn trong Đức Kitô. Do đó, thánh Phaolô gọi kế hoạch đó là “kế hoạch ân sủng”, vì Đấng ban ân sủng cũng như những kẻ lãnh nhận ân sủng sẽ cùng cộng tác với nhau mà đến với nhau và làm cho quan hệ đôi bên được vững bền muôn đời. Ta không thể tưởng tượng nổi tại sao Thiên Chúa lại chọn cách thế như vậy để đến với nhân loại và cứu độ con người. Quả thực là một mầu nhiệm! Trong tiếng La-tinh, mầu nhiệm cứu độ thường được gọi là “kế hoạch cứu độ” (economia salutis). Mầu nhiệm này được Thiên Chúa tỏ ra và thực hiện qua Đức Kitô nên thánh Phaolô gọi là “Mầu nhiệm Đức Kitô”.

Thánh Phaolô cho ta một định nghĩa đầy đủ về mầu nhiệm này. “Mầu nhiệm đó là: trong Đức Kitô Giêsu và nhờ Tin Mừng, các dân ngoại được cùng thừa kế gia nghiệp với người Do-thái, cùng làm thành một thân thể và cùng chia sẻ điều Thiên Chúa hứa” (Ep 3,6).

Vậy Thiên Chúa muốn tỏ cho ta biết những gì qua “Mầu nhiệm Đức Kitô”? Có ba điểm cốt yếu trong chân lý mầu nhiệm này. ***Trước hết Thiên Chúa muốn mọi người không trừ ai, Do-thái cũng như dân ngoại, đều được cùng hưởng phần phúc gia nghiệp của Người,*** tức là lời hứa được cứu độ. Mầu nhiệm Đức Kitô khẳng định tính cách phổ cập của ơn cứu độ. Dù thuộc bất cứ dân tộc nào, nền văn hóa nào, hoặc giai cấp nào trong xã hội mọi người đều được mời gọi đón nhận ơn cứu độ của Thiên Chúa, vì đây là kế hoạch ân sủng dành cho tất cả nhân loại. Nhờ chia sẻ cùng một bản thể nhân loại với Đức Kitô nên ta được mời gọi lãnh ân sủng Thiên Chúa ban cho ta trong Đức Kitô.

Điểm thứ hai mầu nhiệm Đức Kitô cho ta thấy ***vai trò quan trọng của Đấng thực hiện kế hoạch ân sủng là Đức Kitô Giêsu.*** Thiên Chúa không đặt kho tàng ân sủng cứu độ ấy ở trên trời hay một địa điểm đặc biệt nào đó dưới thế gian, vì như thế làm sao con người có thể tìm kiếm được. Nhưng Người đặt nguồn ơn cứu độ ấy “trong Đức Kitô Giêsu”, Đấng được Chúa Cha sai đến “làm người để chuộc tội cho thiên hạ” (Rm 8,3). Đức Kitô vừa là Thiên Chúa vừa là người phạm, cho nên khi Đức Kitô thực hiện kế hoạch ân sủng cứu độ qua bản thể nhân loại và bản thể Thiên Chúa của Người, thì tất cả những lời giảng, việc làm, cái chết và sự phục sinh của Người đều có giá trị của Thiên Chúa và có khả năng cứu độ mọi người. Người chịu cuộc Thương Khó, chết và sống lại, để được Thiên Chúa tôn vinh và đặt làm anh cả của một đoàn em đồng đúc, tức là nhân loại mới (Rm 8,29).

Điểm thứ ba nói lên ***phương thức giúp mọi người nhận biết và tin vào Đấng Cứu Độ.*** Đó là “nhờ Tin Mừng”. Tin Mừng cứu độ này “những người thuộc các thế hệ trước”, tức là các vị ngôn sứ thời Cựu Ước, không có điểm phúc biết tới. Chỉ có các thánh Tông đồ mới là những người được biết và được Thiên Chúa trao phó cho nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng ấy. Trong thư gửi tín hữu Rô-ma, thánh Phaolô nói về sứ vụ rao giảng Tin Mừng như sau: “Thế nhưng làm sao người ta kêu cầu Đấng họ không tin? Làm sao họ tin Đấng họ không được nghe? Làm sao mà nghe nếu không có ai rao giảng? Làm sao mà rao giảng, nếu không được sai đi?... Nhưng không phải mọi người đều đã vâng theo Tin Mừng; chính ngôn sứ I-sai-a đã nói: Lạy Đức Chúa, ai đã tin khi nghe chúng con giảng? Ấy vậy, có đức tin là nhờ nghe giảng, mà nghe giảng là nghe công bố lời Đức Kitô” (Rm 10,14-17).

3. “Từ phương Đông chúng tôi đến bái lạy Người” (bài Tin Mừng – Mt 2,1-12)

“Nhưng không phải mọi người đều đã vâng theo Tin Mừng”, thánh Phaolô đã phải cay đắng nói lên sự thật phũ phàng ấy. Thánh Gio-an Tông đồ cũng đồng quan điểm khi ngài khẳng định ngay trong lời tựa sách Tin Mừng: “Người đã đến nhà mình, nhưng người nhà chẳng chịu đón nhận” (Ga 1,11). Câu chuyện các nhà chiêm tinh phương Đông đến bái lạy Hài Nhi Giêsu trong khi vua Hê-rô-đê bối rối và dân thành Giêrusalem xôn xao đã chứng thực điều các thánh Tông đồ khẳng định là một sự thật. Chúa Giêsu Kitô được sai đến để cứu độ mọi người và mọi người được mời gọi đón nhận Người, đó là một tin mừng. Nhưng người ta từ chối không tin nhận Người là Đấng Cứu Độ. Như thế Tin Mừng đã trở thành tin buồn đối với họ rồi.

Rõ ràng có hai lớp người khác nhau theo câu chuyện trong bài Tin Mừng. Các nhà chiêm tinh đại diện cho những người tin vào Đức Kitô, còn vua Hê-rô-đê và dân Giêrusalem thay mặt cho những kẻ chối bỏ Đức Kitô. Gặp được Đức Kitô, các nhà chiêm tinh đã thay đổi cuộc đời mình. Hình ảnh các ông “đi lối khác mà về xứ mình” thật có ý nghĩa. “Lối khác” đây chính là con đường Đức Kitô dạy trong Tin Mừng của Người. Còn “xứ mình” không phải là phương Đông nữa, mà là quê hương đích thực của họ, tức nhà Cha trên trời.

Bài Tin Mừng là một kết luận của Phụng vụ Lời Chúa hôm nay, đặt ta trong tư thế phải trả lời dứt khoát: tin Đức Kitô và đón nhận ân sủng cứu độ, hay là chối bỏ Người và hư mất đời đời.

4. Sống Lời Chúa

Thiên Chúa yêu thương ta và muốn tỏ cho ta biết Người yêu thương ta đến ngần nào. Qua biến cố Giáng Sinh của Chúa Giêsu, Thiên Chúa cho ta biết Người là ai và muốn làm gì để ta được làm con cái Người và được cứu độ. Điều đáng mừng nhất, đó là ơn cứu độ đã được ban cho mọi người không trừ ai. Dĩ nhiên ta không phải là người Do-thái, nhưng cũng không bị loại bỏ, trái lại được quyền đến chia sẻ cùng một gia nghiệp của Thiên Chúa. Nhưng điều quan trọng là ta có thực lòng và hăng hái đón nhận Đức Kitô như các nhà chiêm tinh phương Đông hay không.

Suy nghĩ: Các nhà chiêm tinh “đã đi lối khác mà về xứ mình”. Các vị ấy đã từ bỏ lối sống cũ để đi theo lối sống của Đức Kitô. Vậy lối sống cũ của tôi là lối sống nào? Ngôi sao tức là Ánh Sáng Tin Mừng đã soi lối cho tôi bước đi. Vậy tôi có đi theo Ánh sao ấy không hay vẫn “đường xưa lối cũ” từ bao năm nay?

Cầu nguyện: *Lạy Chúa, hôm nay Chúa đã khiến ngôi sao chỉ đường mà mặc khải cho muôn dân nhận biết Con Một Chúa. Phần chúng con đã nhận biết Chúa nhờ đức tin dẫn lối đưa đường, xin đủ lòng thương đưa chúng con về chiêm ngưỡng Thánh Nhan vinh hiển. Chúng con cầu xin nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con. Amen.* (Lời Nguyện Nhập Lễ, Lễ Chúa Hiền Linh).

10. Cuộc hành trình đức tin

(Suy niệm của Lm. Antôn Nguyễn Văn Tiếng)

TỪ MỘT VÌ SAO LẠ...

Có ba thái độ khác nhau khi con người phát hiện ra một vì sao lạ:

Thái độ Thành Tâm Thiện Chí của các nhà chiêm tinh. (thường gọi Ba Vua)

Khi phát hiện ra một vì sao lạ, các nhà chiêm tinh từ phương Đông đã đến Giêrusalem để tìm “Đức Vua dân Do Thái”.

“Vào thời đó mọi người đều tin vào khoa chiêm tinh. Họ tin rằng, dựa vào vì sao họ có thể tiên đoán tương lai. Họ cũng tin rằng số mệnh một người được an bài bởi ngôi sao đã xuất hiện lúc người ấy sinh ra. Điều này cũng dễ hiểu, vì các ngôi sao đi theo một đường cố định, chúng tượng trưng cho trật tự vũ trụ. Nếu thành linh có một vì sao sáng xuất hiện, nếu trật tự của từng trời bị dao động bởi một hiện tượng đặc biệt, thì dường như Thiên Chúa đang can thiệp vào chính trật tự của Ngài để loan báo một sự việc nào đó.” (William Barclay).

Lịch sử cho thấy, vào thời điểm Chúa Giêsu giáng sinh, trong thế giới lúc ấy cũng có sự chờ mong một vị vua sẽ đến. Như ở Roma, sử gia Suetonius đã viết: “Khắp phương Đông có một niềm tin là vào thời đó, nhất định có người từ Giuđa đến cai trị thế giới”, (Suetonius, Đời sống Vespasian 4,5). Sử gia Tacitus cũng đã viết: “Có một xác tin rằng trong chính thời gian này, phương Đông trở nên hùng mạnh và những người cai trị đến từ Giuđê sẽ chiếm được đế quốc toàn cầu” (Tacitus, Biên niên sử 5,13). Người Do Thái cũng tin: “Vào khoảng thời gian đó, một người trong xứ họ sẽ trở thành vua của mọi dân trên mặt đất” (Josephus, Những cuộc chiến tranh của người Do Thái 6,5)...

“Khi Chúa Giêsu đến thì thế gian đang thiết tha trông đợi. Loài người thật đang trông chờ Thiên Chúa. Sự khao khát nung nấu lòng người. Họ đã nhận biết mình không thể tạo được thời đại hoàng kim nếu không có Thiên Chúa. Chúa Giêsu đã ngự đến với một thế gian đang khắc khoải đợi mong và khi Ngài đến, con người từ những phương trời xa xôi nhất đã tề tựu quanh nôi Ngài. Đó là dấu hiệu và biểu tượng đầu tiên Chúa Giêsu chinh phục thế giới.” (William Barclay).

"Đức Vua dân Do-thái mới sinh, hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi đến bái lạy Người." (Mt.2,2).

Họ bái lạy với trọn vẹn lòng thành sau cuộc hành trình xa xôi vất vả. Niềm tin vào “Đức Vua dân Do Thái mới sinh ra” là hoàn toàn chân thật và họ đã dâng lên Hải Đồng Giêsu những lễ vật tượng trưng sự cao trọng và ý nghĩa nhất dành cho Đấng Cứu Thế.

“Vàng là để tặng vua, nhũ hương tặng thầy tế lễ, mộc dục dành cho Đấng phải chịu chết. Đây là những lễ vật của các nhà chiêm tinh dâng ngay trước nôi của Chúa Giêsu. Những lễ vật đó có ý nghĩa Ngài là vua chân thật, thầy tế lễ trọn vẹn và sau hết, Ngài là Đấng Cứu Thế cao cả của loài người” (William Barclay).

Thái độ Ganh Ghét và Thù Địch của vua Hêrôđê.

“Con vua thì được làm vua. Con sãi ở Chùa thì quét lá đũa”.

Vua nào cũng muốn bảo vệ ngai vàng của mình, và cho con cháu sau này. Nên khi nghe nói có một hài nhi sinh ra sẽ là vua thì tất nhiên vua nào cũng lo lắng. Nhưng, đối với con người của Hêrôđê, thì sự lo lắng càng dữ dội hơn nữa, vì cá tính đầy tham vọng của ông.

Lịch sử cho biết ông là một người đa nghi. Về điểm này, ông rất giống Tào Tháo. Sẵn sàng giết chết bất cứ ai mà ông nghi làm tổn hại đến quyền hành của ông. Ông đã giết vợ là Mariamne cùng mẹ nàng là Alexandra. Con cả là Antipater và hai con trai khác là Alexander, Aristobulus cũng bị ông sát hại. Hoàng đế Rôma là Augustus cay đắng nói rằng: “Làm con heo của Hêrôđê còn an toàn hơn làm con trai ông ta”.

Một con người đầy tham vọng như vậy làm sao có thể đón nhận được Thiên Chúa, Vua Tình Thương.

Vì thế, ông tìm cách loại trừ Hài Nhi Giêsu.

Thái độ Dũng Dung như không hay biết gì của các thượng tế và kinh sư.

“Nhà vua liền triệu tập tất cả các thượng tế và kinh sư trong dân lại, rồi hỏi cho biết Đấng Kitô phải sinh ra ở đâu. Họ trả lời: Tại Bê-lem, miền Giu-đê, vì trong sách ngôn sứ, có chép rằng: Phần ngươi, hỡi Bê-lem, miền đất Giu-đa, ngươi đâu phải là thành nhỏ nhất của Giu-đa, vì ngươi là nơi vị lãnh tụ chăn dắt Ít-ra-en dân Ta sẽ ra đời.” (Mt. 2,4-6).

Các thượng tế và kinh sư quả thám nhuần Kinh Thánh, nhưng rõ ràng thái độ của họ xem những gì nói đến trong Kinh Thánh như những chuyện huyền thoại xa xưa không dính líu gì với cuộc đời họ. Và rồi, có hay không có Giêsu cũng không thành vấn đề gì đối với họ.

Họ đang no đầy những lợi lộc và cả quyền lực. Họ không thể thay đổi con đường của họ đang đi. Họ bằng lòng với những gì đang có, cuộc sống của người khác mặc họ. Một Đấng Cứu Tinh không như ý họ thì cần gì phải quan tâm đến.

... ĐẾN VÌ SAO THÁNH GIÁ

Ở quê tôi, tôi quen biết một anh công giáo rất tốt. Anh thường xuyên đi lễ ngày thường, và giúp nhiều việc nhà thờ. Nhưng sau 1975, anh không đến nhà thờ nữa. Một ngày kia, sau khi nhận một chức vụ lớn ở xã, anh dẹp bàn thờ Chúa và Đức Mẹ mà anh đang để nơi trang trọng nhất giữa nhà. Bước vào nhà anh, không còn dấu vết gì là người Công Giáo. Sau ba bốn năm làm việc, rồi anh cũng đã quay về, dựng lại bàn thờ xưa. Đường công danh thấy cũng không đến đâu.

Ở quê tôi, có một anh cũng có một chức vụ quan trọng. Anh này không chỉ xoá dấu vết Công Giáo ở nhà, mà muốn khẳng định mình đã đoạn tuyệt với Đạo. Lúc ấy, tôi chưa biết anh, tôi nghe đồn là anh ta đã kích Đạo dữ lắm. Một hôm, tình cờ tôi đi dự tiệc giỗ cùng với một Cha và ngồi cùng bàn với anh ta, và được một người giới thiệu danh tánh và chức vụ của anh. Đang giữa tiệc, anh xé một miếng bánh mì và nói: “Đây là mình ta...”, rồi anh cầm lấy ly rượu, nói tiếp: “Đây là máu ta...”. Vị linh mục và tôi bước ra khỏi bàn ...Sau này, anh mất chức. Nghe nói có một người có chức vụ lớn đã nói về anh ta: “Là một người Công Giáo được dạy dỗ từ nhỏ mà anh ta còn quay lại xúc phạm đến thế, thì có thể tin anh sẽ là người trung thành khi anh là một người mới gia nhập vào một tổ chức nào đó không?”.

Đã hơn hai ngàn năm qua, Thiên-Chúa-làm-người-và-ở-cùng-chúng-ta vẫn mời gọi con người đến với Ngài sau khi Ngài đi bước trước là “đã đến với nhân loại”. Tình yêu không thể đơn phương, tình yêu cần có sự đáp trả. Con người cần có thành tâm thiện chí để đến với Ngài.

Thành tâm thiện chí như các đạo sĩ phương đông. Không ngừng tìm hiểu dấu chỉ của Thiên Chúa (khám phá ra vì sao lạ). Hành trình Đức Tin (tìm đến với Thiên Chúa). Vượt qua mọi thử thách (khi vì sao lạ khuất bóng). Thờ lạy Chúa hết lòng (dâng lễ vật) và luôn biết khôn ngoan để bảo vệ niềm tin (đi con đường khác trở về quê hương).

Xem đó, chúng ta thấy cần có một con tim yêu thương mãnh liệt để đáp lại tình yêu vô bờ bến mà Thiên Chúa đã dành cho con người.

Nếu không, tiền, tình, danh vọng; tham, sân, si, sẽ là những chướng ngại vật, những rào cản tách con người xa lìa Thiên Chúa, chống lại Thiên Chúa, hờ hững với Thiên Chúa.

Chúng ta có thể tìm thấy trong thế giới hôm nay hình ảnh những Hêrôđê, những thượng tế và biệt phái thời đại, và có khi, chúng ta cũng tìm thấy những hình ảnh ấy ở trong chính ta.

Tôi nhớ ngày xưa có lần tôi xem một câu truyện cổ tích.

Câu chuyện kể về một mối tình thật đẹp của một đôi nam nữ. Nhưng một bà phù thủy ác đã ganh tỵ muốn xé lẻ đôi uyên ương ấy, bà hô lên lời nguyền biến chàng trai thành một con dã nhân trông ghê rợn và chỉ trở lại kiếp người như xưa nếu có một ngày nào đó cô gái

ấy dám nhìn thẳng vào đôi mắt của anh. Chính anh cũng không biết được chiếc chìa khóa ấy để giải lời nguyện của bà phù thủy độc ác. Nhận ra mình mang lối loài thú hoang dã, không còn nói được tiếng người, anh đau buồn và âm thầm lánh xa cô gái. Cô gái không hay biết điều gì. Cô vô cùng đau khổ vì người yêu bỗng dưng bỏ cô đi đâu biệt.

Một bà tiên hiền lành đã thương tình muốn cứu chàng trai và trả lại tình yêu trong sáng cho họ. Bà gặp cô gái và trao cho cô một “viên ngọc dẫn đường” để cô đi tìm người yêu. Cô đặt viên ngọc trước mặt, nó lăn đi qua muôn nẻo đường băng sông vượt núi. Cô gái đáng thương cứ bám theo viên ngọc. Có lúc cô gục ngã và đứng lên tiếp tục cuộc hành trình không có điểm hẹn, không có giới hạn thời gian. Có lúc tưởng như cô bỏ cuộc. Có lúc tưởng như cô không còn đủ sức đứng lên.

Cuối cùng, cô đến một bờ rừng. Cô gặp một dòng suối, cô cố gắng cúi xuống uống vài ngụm nước và mệt mỏi nằm bất động bên bờ suối. Tiếng muôn thú trong rừng về đêm nghe ghê rợn, nhưng cô gái tội nghiệp không hay biết gì. Cô đã chìm sâu trong giấc ngủ.

Cô tỉnh dậy, muôn tiếng chim đua hót líu lo hòa vang khúc nhạc ngày mới. Năng ban mai xuyên qua cành lá như những sợi tơ vàng óng ánh quanh cô. Cô gái đẹp như tiên nữ dạo chơi trần thế, nhưng nỗi sâu trong lòng cô vẫn đang trĩu nặng. Viên ngọc dẫn đường nằm im lìm và cô không biết phải đi đâu nữa.

Chợt cô nghe tiếng vỡ gãy của những nhánh cây cở dại. Cô quay nhìn lại, phía sau cô, nép mình sau gốc cở thụ, một bóng hình đen đúa như ma quái. Một con quái vật! Cô gái hét lên và bỏ chạy. Cô không còn sức nữa, cô ngã xuống và nằm im một lúc. Cô ngồi dậy, đứng lên định chạy nữa, rồi lại té xuống, cứ thế, đôi ba lần. Cô liếc nhìn con quái vật, đầy sợ hãi. Con vật vẫn còn đó. Nó đứng im.

Cuối cùng, cô đứng dậy. Can đảm nhìn về con quái vật. Lúc này, cô thấy rõ đó là con dã nhân. Cô nhìn nó. Nó không có vẻ gì hung dữ. Nó không có vẻ gì đang muốn hãm hại cô.

Con dã nhân tiến lại gần cô. Những ngày tháng đi theo “viên ngọc dẫn đường”, cùng với những giây phút sợ hãi hôm nay đã làm cô kiệt sức. Cô đứng im lặng, thu hết can đảm để nhìn con dã nhân đang tiến lại mỗi lúc một gần cô hơn. Gần hơn... rất gần. Mắt cô nhìn thẳng và đôi mắt nó.

Trong khoảnh khắc tột cùng sợ hãi, cô ngỡ ngàng nhận ra một ánh mắt thật quen không thể nào hòa lẫn với ánh mắt nào khác. Cũng trong khoảnh khắc huyền diệu ấy, cô gái nhận ra người yêu cô đang đứng trước mặt.

Viên ngọc dẫn đường nằm ở đâu đó lóe sáng lên và biến mất.

Nếu Giáng Sinh đầu tiên có một vì sao lạ đã dẫn đưa ba nhà đạo sĩ tìm đến Hang Đá thờ lạy Đấng Cứu Thế, thì ngày nay, vì sao Thánh Giá dẫn đưa nhân loại về với Thiên Chúa để cùng chung tôn thờ Thiên Chúa và xây dựng một thế giới yêu thương huynh đệ.

Cuộc hành trình này còn đầy gian nan thử thách. Còn đòi hỏi nhiều hy sinh. Không có tình yêu thánh giá, con người không thể nào đi đến bến bờ đoàn tụ yêu thương.

Lạy Chúa,

Xin cho mọi người nhận ra một vì sao lạ:

- “Vì sao Thánh Giá”

tỏa sáng muôn nơi,

khắp mọi phương trời,

dẫn đưa con người,

về miền đất hứa:

- “Thế giới đệ huynh

anh em một nhà,

Thiên Chúa là Cha.” Amen.

11. Gọi tên ngày lễ - ĐGM Vũ Duy Thống

(VỚI CÁ TÂM TÌNH – Trg. 31)

Trong dịp tĩnh tâm Mùa Vọng ở một giáo xứ, có người bạn trẻ đã nêu lên câu hỏi liên quan đến Thánh Lễ hôm nay: “Tại sao ngày nay Phụng Vụ không sử dụng tên gọi lễ Ba Vua nữa? Phải chăng rốt cuộc chẳng có ông vua nào đến viếng Hang đá cả?”

Câu hỏi ấy trực tiếp về mặt kiến thức, không khó trả lời; nhưng gián tiếp về mặt tâm linh, lại hé mở cho thấy đức tin hôm nay xem ra đang có nhu cầu tìm hiểu. Đã đành, hiểu chưa phải là tin hay chưa hẳn đã tin, nhưng một phần nào cũng góp phần dẫn tới đức tin cho người chưa tin, đào sâu đức tin cho người đã biết, và cũng quan trọng không kém là củng cố sức mạnh cho những niềm tin đang ở trong tình trạng nhạt nhòa.

Niềm tin là một công trình còn phải dựng xây và là một hành trình còn phải tiếp tục. Trên cơ sở ấy, xin đi vào Thánh Lễ hôm nay.

1) Từ tên gọi “lễ Ba Vua”...

Đây là tên gọi quen dùng đối với tín hữu Việt Nam, để chỉ về việc các Đạo sĩ Đông Phương tìm đến Hang đá viếng Chúa Hài Đồng. Gọi là vua vì họ là những bậc quyền quý đến từ phương Đông theo nhãn giới của bài đọc thứ nhất; và xác định con số ba vì có ba sắc dân được nói đến trong Isaia 60, mà cũng vì lễ vật tiến dâng được liệt kê ba món rành rành là vàng, nhũ hương và mộc dược, như chuyện kể của Phúc Âm. Để rồi cứ thế theo truyền thống, Ba Vua đã trở nên tên gọi cho ngày lễ.

Nhưng điều quan trọng không phải là lo xác định họ là vua hay không phải là vua, họ có ba vị hay có thể có nhiều hơn nữa, mà chính là hãy nhìn họ như hình ảnh sống động của tất cả những ai trong đời đã có một lòng khát khao chân thành tìm kiếm Thiên Chúa khởi đi từ những thiện hảo tốt lành, để rồi với sự trợ giúp của ơn thánh, tới lúc Chúa muốn và bằng muôn ngàn cách thế linh động theo sáng kiến của Ngài, họ sẽ được dẫn tới gặp gỡ Đấng họ nỗ lực tìm kiếm.

Dưới cái tên gọi “lễ Ba Vua”, chính là một thiện chí tìm kiếm đức tin. Nhưng cũng dưới tên gọi ấy, trong bối cảnh của trang Tin Mừng, người ta lại còn thấy cả một đối chứng đau lòng. Trong khi dân ngoại từ xa, dầu chẳng hề biết đến lời hứa để mà hy vọng, chẳng hề có được giao ước để mà tin tưởng, và cũng chẳng hề được dẫn đường bởi lề luật, nhưng lại chân thành tìm kiếm và sẵn sàng vượt qua những chặng đường gian khổ để mà tìm gặp; thì ngược lại, dân Do Thái ở gần, dầu có tất cả thuận lợi của một truyền thống dài lâu chờ mong Đấng Cứu Thế, lại không mấy may kiếm tìm, và tệ hại hơn nữa, còn xôn xao về chính việc Chúa đến, không phải vì hối hận về việc mình không sẵn sàng, mà vì lo ngại rằng Chúa đến sẽ đặt dấu chấm hết cho cả một cơ chế họ đã bao đời gây dựng. Không lạ gì nếu cơ chế ấy đã sản sinh ra những khuôn mặt như Hêrôđê!

Hóa ra, Ba Vua tìm Chúa với lễ vật lòng thành, khi về đã thấy mình là những kẻ tin; còn Hêrôđê tìm Chúa với ác tâm tận diệt, mãi mãi sẽ thấy mình chỉ là một bạo chúa.

2) ... Đến tên gọi “lễ Hiển Linh”...

Mặc dù tên gọi “lễ Ba Vua” vẫn giữ nguyên giá trị cổ kính, nhưng ngày nay Phụng Vụ thích sử dụng tên gọi “lễ Hiển Linh” hơn, chẳng phải vì tên gọi đó nghe kêu hơn hoặc hiem hóc hơn, cũng chẳng phải để tránh né những câu hỏi không cần thiết về những chi tiết nhiều khi chỉ làm cho ngày lễ thêm rườm rà; mà thật ra là để làm nổi bật lên ý định mầu nhiệm chung nhất của Thiên Chúa trong Mùa Giáng Sinh. Đó là: Ngài muốn tỏ mình ra cho tất cả mọi người, mọi thời, bất luận họ là ai và ở đâu, miễn là họ biết chân thành tìm kiếm Ngài.

Nếu “Ba Vua” là tên gọi nói lên thiện chí của con người, thì “Hiển Linh” là danh xưng khẳng định hồng ân của Thiên Chúa. Thiện chí thôi, dầu rất lớn, vẫn chỉ là khởi điểm; nhưng chính hồng ân Hiển Linh mới là kết điểm mở ra những mùa gặp gỡ. Và tới phiên

mình, mỗi lần gặp gỡ tại kết điểm hành trình, lại là một khởi điểm mới cho hành trình tìm kiếm mới, với những thiện chí mới nhằm vươn lên những đỉnh cao mới.

Và gặp gỡ như thế là một cuộc đời. Vì thiện chí luôn tìm kiếm hồng ân, mà cũng vì hồng ân luôn đợi chờ một thiện chí biến đổi cuộc đời. Ba Vua gặp Chúa với cả tâm tình được thể hiện qua những lễ vật tiến dâng, họ đã được soi sáng để theo đường khác mà về nhà. Và ở đó sẽ là những cuộc Hiện Linh mới trong đời sống thường ngày.

Gặp ai thì cũng có thể gỡ ra được, nhưng thiện chí con người một khi đã gặp được Thiên Chúa vốn từ bao giờ đã sẵn tỏ mình ra, thì sẽ không thể gỡ ra được nữa. Người ta thành người nhà của Thiên Chúa, và trong mắt nhìn của Phaolô, người ta dẫu xa cũng hóa gần, dẫu lạ cũng nên quen, dẫu gốc gác thế nào đi nữa “cùng cùng được thừa hưởng gia nghiệp với người Do Thái, cùng làm thành một thân thể và cùng chia sẻ điều Thiên Chúa hứa” (bài đọc thứ hai). Hiện Linh chính là tên gọi khác của mầu nhiệm Nhập Thể, của danh xưng Emmanuel và của bốn mùa gặp gỡ.

3) ... Để dẫn tới sứ điệp đời sống.

“Lễ Ba Vua” hay “Lễ Hiện Linh”, mỗi tên gọi có những bước nhấn riêng, nhưng rốt cuộc cũng chỉ là một mầu nhiệm gặp gỡ mà Thiên Chúa từ bao thuở đã mở ra cho những kẻ biết kiếm tìm. Thế nên đây không chỉ là một biến cố của ngày đã qua, mà còn là một sứ điệp của ngày hôm nay và cho những ngày sẽ tới. Chúa vẫn tỏ mình, nhưng vấn đề là người ta có thiện chí đến gặp Ngài không.

Hôm qua đã có một nghịch lý là những kẻ đến gặp Chúa đều là những kẻ thành tâm như các mục đồng tại Bêlem, như cụ già Simêon tại Đền Thánh, như những Đạo sĩ hôm nay từ xa đến; còn toàn thể xã hội tôn giáo Do Thái lại hầu như vắng bóng, hay nếu có thì chỉ như một lực cản đáng buồn. Thế đấy! điều tưởng như thuận lợi lại là một chướng ngại dẫn tới sự thất bại, còn điều tưởng chừng như bất lợi lại trở nên lợi thế cho việc gặp Chúa. Liệu nghịch lý ấy hôm nay còn có mặt trong đời sống đức tin của cộng đoàn cũng như của mỗi cá nhân?

Trả lời câu hỏi ấy với quyết tâm khởi hành trên con đường mới, thiết tưởng sẽ là một điều tích cực trong Mùa Giáng Sinh. Nhưng điều tích cực hơn của ngày lễ hôm nay không chỉ là sứ điệp hoán cải, mà chính là lời mời gọi mở rộng tấm lòng, mà trân trọng tất cả những người không cùng chia sẻ một niềm tin với mình, bởi lẽ họ cũng có chỗ đứng trong tấm lòng hiện linh của Chúa. Ổn cứu độ là phổ quát. Và nếu nét đặc trưng của lễ Hiện Linh là ánh sao dẫn đường, thì trách nhiệm của những kẻ đã được gặp gỡ Thiên Chúa sẽ không chỉ thu hẹp trong đời sống cá nhân tu thân tích đức, mà còn hướng tới sứ vụ đối với những kẻ lân cận mình. Những chứng tá đức tin cậy mến, những gương sáng đời sống gia đình, những nỗ lực thực thi các giá trị Phúc Âm chính là những ánh sao cụ thể soi đường truyền giáo.

Nếu mỗi kẻ tin là ánh sao, con đường gặp gỡ biết bao sáng ngời, và lời tiên báo của tiên tri Isaia sẽ nên hiện thực hiện linh cho đời.

Tóm lại, khởi đi từ cách hiểu về tên gọi của ngày lễ để dẫn tới đời sống đức tin, đó là chủ đích của những điều chia sẻ trên đây. Nhưng từ hiểu biết đến đức tin, khoảng cách vẫn không nhỏ. Chính Phúc Âm hôm nay là một kinh nghiệm. Xin đừng để kinh nghiệm ấy mãi còn là một nghịch lý không thể vượt qua. Nhưng hãy để kinh nghiệm ấy biến thành những kinh nguyện quyết tâm mở sang cuộc sống mới. Và đó chính là cách gọi tên cụ thể một ngày lễ.

12. Niềm tin: một chuyến đi - ĐGM Vũ Duy Thống

(LÀM NỤ HOA TRẮNG - Trg. 13)

Phúc Âm hôm nay rất sống động. Cứ như cuốn phim mô tả cuộc hành trình đầy kịch tính của những khách lạ phương xa: từ ngạc nhiên khám phá ngôi sao lạ, qua xáo động tại Giêrusalem, tới Bêlem nghiêng mình thờ kính, rồi dốt điu nhau lặng lẽ tìm đường khác về nhà. Cứ như xô đẩy nhau xuất hiện trên màn ảnh những cuộc đối đầu càng lúc càng thêm căng thẳng: giữa chính diện và phản diện, giữa lo sợ của bên này và thanh thản của bên kia, giữa tìm gặp hướng tới và lạc mất nẻo đi. Cứ như í ới cơ man nào là tiếng nhỏ to bàn bạc chen lẫn tiếng ồn ào bàn tán của những kẻ bị xem là xa nhưng lại biết bàn vào và của những người được coi là gần nhưng chỉ biết bàn ra.

Nhưng giữa những chi tiết tưởng như bất ngờ trên hành trình rất dài và rất xa ấy, người ta thấy lấp lánh hình ảnh của niềm tin như một chuyến đi với những đặc tính tiêu biểu:

1) Niềm tin: một chuyến đi biết tiếp nhận hồng ân Thiên Chúa.

Những vai chính trong cuộc hành trình tìm tới Bêlem “triều bái Vua dân Do Thái mới sinh” được truyền thống giới thiệu bằng nhiều kiểu nói khác nhau, lúc thì gọi là Vua, lúc khác là Đạo sĩ hoặc Chiêm tinh gia. Gọi sao cũng được: Vua vì những của lễ tiến dâng, Đạo sĩ vì hành trình tìm kiếm, Chiêm tinh gia vì nhìn thấy ngôi sao và dựa vào ánh sao mà xác định lối đường. Chỉ biết họ là những người thiện chí kiếm tìm chân lý và vận dụng tốt những phương tiện đang có để tìm gặp chân lý bằng cách lên đường không mỏi mệt.

Khởi điểm cuộc hành trình là một ánh sao lạ xuất hiện phía trời Đông, tượng trưng cho ơn thánh dẫn khởi từ Thiên Chúa, để ai biết tiếp nhận, sẽ trở nên ánh sáng soi đường. Nhìn thấy ánh sao hằng hà sa số trên bầu trời đêm là một điều bình thường ai cũng có thể làm được, nhưng nhận thấy giữa muôn vàn lấp lánh ấy chỉ một ánh sao lạ thôi lại là chuyện chẳng bình thường chút nào, nếu không muốn nói là do tổng hợp giữa kiếm tìm và gặp gỡ, hay đúng ra giữa ơn Trời ban và lòng người biết mở ra tiếp nhận.

Tương tự, niềm tin trước hết là hồng ân đến từ tình thương Thiên Chúa dành cho hết mọi người, nhưng chỉ những ai biết tiếp nhận với tâm thành chí thiện, họ mới có thể có được niềm tin vào Chúa để sẵn sàng khăn gói lên đường khởi sự chuyến đi. Ra khỏi nếp nghĩ thường ngày để tiếp nhận ý Chúa, ra khỏi thói quen khô cứng lâu đời do cha ông truyền lại để mạo hiểm một phen bước theo ánh sáng trời cao, ra khỏi những tiện nghi đủ đầy đậm chân tại chỗ để cơm mắm cơm muối gieo bước lữ hành.

2) Niềm tin: một chuyến đi biết chấp nhận những thử thách

Là hồng ân Chúa ban, nhưng đức tin cũng còn là nỗ lực đóng góp không ngơi nghỉ của con người, để vượt qua những thử thách và kinh qua những thử luyện được xem là những thách đố trong chiều dài cuộc sống. Đây không chỉ là chuyện “thức lâu mới biết đêm dài” để con người chứng minh sức bền tin tưởng thảng năm, mà còn là chuyện “lửa thử vàng gian nan thử đức” trong những lúc Thiên Chúa xem ra ần mặt và hồng ân xem ra vắng bóng, như lúc “ba Vua toan mất hướng, ánh sao bỗng vụt lặn”. Đây là chưa kể đến những lúc phải đối diện với âm mưu chủ ý của những người đồng đạo, cũng tin Chúa nhưng không thành tâm, thậm chí còn gài bẫy ngọt ngào giả nhân giả nghĩa như Hêrôđê; hay cũng biết cách quy chiếu Thánh Kinh nhưng không để tìm ra lối sống ngay chính, trái lại, chỉ lợi dụng để toa rập lừa gạt phỉnh phờ người khác như một số thượng tể và kinh sư trong dân.

Đêm Noel Chúa sinh ra đem xuống niềm vui, nhưng thành phố nào đó của Iran chẳng những không có niềm vui mà còn phải chịu động đất làm chết nửa thành phố. Chúa như vắng mặt. Thử thách. Đêm Noel thiên thần hát khúc bình an mà tại Bêlem chính nơi Chúa sinh ra hôm nay vẫn còn chiến tranh, chết chóc. Chúa như vắng mặt. Se lòng.

Thử thách đối với đức tin như gió đối với lửa: gió thổi tắt lửa yếu, nhưng làm bùng lên lửa sáng. Vấn đề là cần biết can đảm và bền chí. Những thử thách trong cuộc sống niềm tin

không phải là dấu hiệu Thiên Chúa bỏ rơi con người, mà là những cơ hội để con người chứng minh phẩm chất niềm tin. Niềm tin không thử thách: niềm tin dễ dàng; niềm tin thất bại trước thử thách: niềm tin dễ dãi; niềm tin chấp nhận thử thách mới là niềm tin đích thực cho dầu nhiều khi chẳng dễ chịu chút nào.

3) Niềm tin: chuyến đi biết đón nhận đồng hành

Không phải vô tình mà lễ Hiền Linh vẫn được truyền thống gọi là lễ Ba Vua, có nơi kể tên các vị đến hàng chục (theo kiểu đồng bằng sông Cửu Long thì còn có cả chục 12, chục 16 cơ đấy), nhưng chừng như hữu ý cho thấy niềm tin không phải là cuộc đơn hành mà là một chuyến đi biết đón nhận đồng hành, không chỉ vì lý do “càng đông càng vui” mà vì giới luật yêu thương là biểu hiện rõ nhất của đức tin cũng là cách cụ thể sống động nhất để diễn đạt đức tin. Con người thời nào cũng thế, không thích bị chinh phục bởi giáo điều nhưng lại tự nguyện buông mình chịu khuất phục vì gương sáng đức tin. Nhớ lại ở Thăng Long thuở hạt giống Tin Mừng mới được gieo vào thửa đất Việt Nam, tín hữu thương nhau quá trời đến nỗi người ngoài đời đã gọi tín hữu là những người theo “Đạo yêu nhau”, tức là những người cùng đi với nhau trên nẻo sáng yêu thương.

“Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn”, tín hữu đồng hành bên nhau còn để nâng đỡ nhau, nhất là trong cơn nguy biến như Ba Vua gặp Chúa tại Hang đá rồi, phải diu nhau lên con đường khác để tránh âm mưu đen tối của Hêrôđê. Ngoài miệng thì bảo là đi triều bái, còn trong hành động lại làm điều trái, tàn sát thê lương, “giết tất cả các con trẻ ở Bêlem và vùng phụ cận, từ hai tuổi trở xuống, tính theo ngày tháng ông đã hỏi cận kề các nhà chiêm tinh”. Con đường khác ấy sẽ mới hơn, lạ hơn và cũng có thể sẽ gặp rủi ro nhiều hơn, nhưng đã có bạn bè thân quen bên cạnh đồng hành, nên cứ an lòng nương tựa vào nhau mà dần bước.

Giống như Kinh Tin Kính, dấu tín hữu tuyên xưng mang tính bản thân cá nhân “Tôi tin”, nhưng không là đơn độc một mình giữa nhà thờ trống vắng mà là giữa cộng đoàn Phụng Vụ một ngày lễ trọng, nên bỗng lấp lánh như thể đồng thanh tuyên tín “Chúng tôi tin”. Tôi và chúng ta chỉ là những cách biểu lộ khác nhau của cùng một niềm tin đón nhận đồng hành.

Tóm lại, dựa vào hành trình của những vai chính ngày lễ Hiền Linh để phác vẽ niềm tin như một chuyến đi biết tiếp nhận hồng ân Thiên Chúa, biết chấp nhận thử thách và biết đón nhận đồng hành là cùng lúc tích cực hòa mình vào biển cố Chúa tỏ mình ra cho muôn dân. Nếu Chúa luôn có cách tỏ mình của Ngài thì tín hữu cũng cần lên đường đúng cách Chúa tỏ ra cho mình biết. Như thế niềm tin mới là chuyến đi đẹp lên ý nghĩa kiếm tìm và gặp gỡ. Và đó cũng là những hình ảnh sinh động mang tính hiền linh của kẻ tin trước mắt người đồng thời, giống như hình ảnh của những vai chính trong chuyến đi hôm nay: ở bước truy tìm họ được mệnh danh là Chiêm tinh gia, khi đã bước lên đường họ được gọi là Đạo sĩ và khi tới đích với lễ dâng thành kính họ được xưng tụng là Ba Vua.

13. Ánh sáng và bóng tối – Thiên Phúc

Nhà đại thiên văn Kepler khám phá ra rằng vào năm Chúa Giáng Sinh, có một hiện tượng bất bình thường xảy ra giữa các vì sao. Ông nói về hai ngôi sao Jupiter và Saturn rằng, bình thường chúng vẫn quay cách đều nhau, năm đó chúng sáp lại gần nhau đến độ ánh sáng của ngôi sao này cộng hưởng với ánh sáng của ngôi sao kia, tạo ra một luồng sáng khác thường và kéo dài đến cả mấy tháng.

Phải chăng đó chính là ngôi sao lạ đã dẫn đường cho Ba Vua tìm ra Chúa Hài Nhi?

“Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông” (Mt 2,2). Người xưa cho rằng ngày ra đời của các vĩ nhân thường được báo hiệu bằng sự xuất hiện của các ngôi sao lớn. Các chiêm tinh gia thường nghiên cứu chuyển động của các vì tinh tú để đoán biết định mệnh con người. Vì thế, khi nhìn thấy ngôi sao lạ, các đạo sĩ đã nhận ra sự sinh hạ của Đấng Cứu Thế, Vua dân Do thái.

Quả thật, người Do thái đã trông đợi Đấng Cứu Tinh từ bao thế kỷ, Đấng ấy được ví như một vì sao từ Giacóp, như có lời trong Kinh Thánh: “một vì sao xuất hiện từ Gia-cóp, một vương trượng trời dậy từ Ít-ra-en” (Ds 24,17). Tiên tri Mikha cũng đã tiên báo: “Hỡi Bêlem Épratha, người nhỏ bé nhất trong các thị tộc Giuđa, từ nơi người, Ta sẽ cho xuất hiện một vị có sứ mạng thống lãnh Ítraen” (Mk 5,1)

Nếu Thiên Chúa đã dùng cột mây cột lửa để hướng dẫn dân Do thái đi trong hoang địa về đất hứa, thì Người cũng có thể dùng ngôi sao dẫn đường cho các đạo sĩ đến Bêlem để gặp Đấng Cứu Tinh.

Nhưng có một sự thật vô cùng trớ trêu: là khi vị Cứu Tinh xuất hiện sau bao thế kỷ đợi chờ, dân Do thái lại thờ ơ lãnh đạm, các thượng tế và kinh sư thì đứng đưng thụ động, cho dù họ thông thạo Kinh Thánh và biết rõ nơi sinh của Đấng Cứu Thế. Hêrôđê lại còn hoảng hốt vì sợ ngại vàng của mình bị lung lay. Chỉ có các đạo sĩ đại diện cho lương dân lại hăng hái lên đường, hăm hở tìm kiếm, cho dù cuộc kiếm tìm đầy phiêu lưu trắc trở. Và khi tìm được rồi, Đấng Cứu Thế cũng chẳng có vẻ gì là một vị quân vương, không uy nghi trong cung điện đèn vàng, nhưng họ vẫn vui mừng đón nhận, xin được bái kiến và dâng lễ vật quý giá với tất cả tấm lòng thành.

Sau này, Chúa Giêsu đã phải thốt lên: “Từ phương đông phương tây, nhiều người sẽ đến dự tiệc cùng các tổ phụ Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp trong Nước Trời. Nhưng con cái Nước Trời thì sẽ bị quăng ra chỗ tối tăm bên ngoài” (Mt 8,11-12)

Lễ Hiển Linh là lễ Chúa tỏ mình cho dân ngoại, **nhắc chúng ta đến việc truyền giáo.**

Nhờ ngôi sao lạ mà các đạo sĩ đã tìm ra Đấng Cứu Thế; chúng ta cũng hãy là những ánh sao sáng thu hút những tâm hồn đang khao khát tìm kiếm Chúa.

Nếu con người đang đi trong bóng tối của gian dối, hận thù; chúng ta hãy là những ánh sao của chân thành, phục vụ và yêu thương.

Nếu thế giới đang chìm đắm trong bóng tối của buồn phiền, thất vọng; chúng ta hãy là những ánh sao của niềm vui, an bình và hy vọng.

Nếu Chúa đã gọi: “Chúng con là ánh sáng thế gian” (Mt 5,14), thì đó là một vinh dự vô cùng lớn lao, nhưng cũng là một trách nhiệm nặng nề.

Chúng ta đừng chỉ lo nguyện rửa bóng tối, nhưng hãy dẫn thân thấp lên những ngọn nến sáng: Nến sáng của tin yêu và hy vọng, của bác ái và vị tha, để cả trái đất này tràn ngập ánh sáng tình yêu Chúa.

14. Những con mắt hiển linh

Trong bài Phúc Âm của lễ Hiển Linh có một từ đáng cho chúng ta suy niệm: **thấy**. Có mắt để phát hiện những điều bí ẩn, những con mắt hiển linh như các nhà đạo sĩ: “*Họ thấy Con Trẻ và Mẹ Ngài và họ liền sắp mình thờ lạy Ngài*”.

Họ thấy gì? Họ tưởng tượng điều gì? Từ bậc quyền cao chức trọng nào họ phải xuống để thích ứng ngay với thực tế rất khiêm hạ này: một cặp vợ chồng và đứa con của họ? Các đạo sĩ đã “**thấy**”.

Lời mời gọi đầu tiên của lễ Hiển Linh là: **thấy Con Trẻ**. Thấy tất cả những gì có nơi Đấng Tuyệt Đối duy nhất này, thậm chí bảo rằng qua Ngài chúng ta có thể thấy Thiên Chúa, như phụng vụ Ac-mê-ni diễn tả rất hay: Hôm nay, Đấng vô hình hiển linh. Đấng mà con người không thấy nay tỏ hiện để chúng ta được thấy.

Làm sao không nghĩ đến câu nói nổi tiếng của thánh Irênê mà luôn luôn phải trích dẫn nguyên vẹn: “*Vinh quang của Thiên Chúa chính là sự sống của con người, và sống đối với con người chính là thấy Thiên Chúa*”.

Thấy Chúa. Thánh Gioan nói trong đoạn mở đầu Phúc Âm của mình: “*Không ai thấy Thiên Chúa; chính Con duy nhất ngự trong lòng Chúa Cha mới tỏ bày Ngài cho chúng ta*”.

Ước gì chúng ta có mắt để thấy những điều này! Con mắt đức tin, con mắt xưa kia, ở Palestine, biết mở ra để nhìn vào mầu nhiệm của Chúa Giêsu, và *cái nhìn nội tâm giờ đây làm chúng ta phải sắp mình trước mặt Ngài*. Thánh nữ Têrêsa thành Avila đã viết: “*Cái gì ngăn cản chúng ta dùng con mắt của tâm hồn để nhìn về Chúa? Ngài chỉ chờ đợi cái nhìn của chúng ta mà thôi*”.

Cái nhìn nội tâm này, sức mạnh của con mắt đức tin này không được đóng kín chúng ta trong một tháp ngà nhỏ: “Anh và tôi!” hoặc trong một tháp ngà lớn hơn: “Chúng ta, những người theo Kitô giáo”. Đây là lời kêu gọi thứ hai của lễ Hiển Linh: nhận rõ ràng **Con Trẻ xuất hiện vì tất cả chúng ta**. Đàng sau các đạo sĩ, ta thấy được những đám đông mà các vị là biểu tượng, những đám đông mà Isaia phát hiện bằng con mắt hiển linh: “*Hãy nhìn xem, hỡi Giêrusalem! Bóng tối bao trùm muôn dân nhưng Chúa sẽ xuất hiện trên ngai, các dân tộc hướng về ánh sáng của ngai. Hãy nhìn xem! Họ đang quy tụ lại*”.

Người ta nói rằng định mệnh hạn chế cái nhìn của chúng ta. Chúng ta được tạo dựng cho những gì là to lớn của một thế giới đang chờ đợi Chúa và chúng ta cúi xuống nhìn vào cuộc sống của chúng ta và nhìn vào giáo xứ của chúng ta. Tỉnh táo, những đám đông hoan hô Đức Thánh Cha làm cho chúng ta cảm nhận làn sóng Công Giáo, nhìn thấy muôn dân họp lại đời đời. Nhưng chúng ta nhanh chóng trở về với chúng ta, những nhóm nhỏ đang hành đạo.

Chúng ta có quá dễ dàng chấp nhận làn sóng những người không tin đang gia tăng hay không? Quen sống trong những khu vực theo Kitô giáo, ở giữa những môi trường mà hai tiếng Thiên Chúa không còn ý nghĩa gì nữa có phải là điều bình thường hay không?

Lạy Chúa, xin khơi dậy nơi chúng con lòng nhiệt thành của những người theo Kitô giáo đầu tiên mà đối với họ lời của Chúa Giêsu vẫn còn sống động: “Các con hãy đi dạy dỗ muôn dân” (Mt 28,19). Ước chi Giáo Hội của Ngài, Giáo Hội vào thời đại có nhiều người không tin này, không ngừng chọn lựa làm những người thừa sai, ước chi trong số mười linh mục người ta không chọn chín vị để nâng niu chiều chuộng các tín hữu và một vị để xông pha những chỗ mà Chúa không còn ở đó nữa.

Trong khi cầu nguyện như thế con cảm thấy con cũng thiếu tinh thần truyền giáo. Hay có lẽ con sợ hãi. Con sống ở giữa những anh chị em không thấy Chúa và con làm như thế con cũng là một người không thấy Chúa. Nhưng làm sao để nói với những người ở ngoài đường, ở trong các cửa hàng và trong nhà máy về Chúa? Và thậm chí đơn giản hơn là nói với anh A chị B mà con thường gặp từ bao nhiêu năm nay nhưng không nói gì với họ về Chúa? Tôn

trọng ý kiến, lương tâm của họ chẳng? Phải tôn trọng rồi. Con coi thường khi người ta nói về những chứng nhân của Giêhôva nhưng con, con làm gì để truyền giáo?

Con làm chứng nhân như thế nào đây? Thật đơn giản khi nhắc lại rằng người ta làm chứng bằng cuộc sống của mình, con biết rõ rằng đôi khi việc loan báo Tin Mừng cần đến lời nói, thế mà con im lặng. Thậm chí sau cùng thì con không còn thấy những người có lẽ đang chờ đợi chứng tá của con nữa. Xin Chúa cho con có những cặp mắt của người tông đồ, những con mắt hiển linh.

15. Tìm Đức Kitô

Ba vua tìm Chúa Giêsu. Có phải họ đã bị đánh động bởi ý tưởng của người Do Thái về một thời đại vàng son do Đấng Cứu Thế mang lại, và niềm tin ấy có thể đã lan tràn ra hàng trăm cây số về phía đông xứ Palestine chăng? Có người đã nêu ra giả thuyết rằng có những cuốn lịch trong các miền nói trên ghi rằng trong thời gian ấy Vị Chúa Tể của thời đại cuối cùng sẽ sinh ra ở Palestine. Dù sao, chúng ta thấy một số người lên đường đi tìm Chúa Giêsu. Về đề tài này, ta có thể nêu lên vài suy nghĩ sau đây:

1) Tìm Chúa Kitô đòi hỏi trước hết phải có một thái độ tinh thần căn bản

Người ta sống trong tình trạng báo động để nhận ra dấu hiệu có thể đưa tới Chúa. Cứ chấp nhận rằng ba nhà đạo sĩ sống trong một bầu không khí mong chờ một ông vua Cứu Thế, dường như một lúc nào đó họ đã nhận thấy một ngôi sao, một dấu hiệu, tâm hồn họ tỉnh thức. Chúng ta có thuộc về hạng người biết nhận ra, giữa trăm ngàn yếu tố tạo nên đời sống mình, cái dấu hiệu dẫn đưa ta đến Đức Kitô không? Dấu hiệu ấy có thể là một khó khăn, mà đột nhiên ta cảm thấy cần phải phó thác cho Chúa, vì chỉ mình Người có sức soi sáng và giải quyết. Có thể là một niềm vui lớn lao, từ đó ta thấy hiển nhiên là cần phải cảm tạ Chúa. Dấu hiệu ấy cũng có thể là một chi tiết đời sống ta, trong đó, nếu biết nhìn, ta sẽ nhận ra sự hiện diện kín đáo của Chúa. Trong các trường hợp như thế, ta cần phải để ý tới những dấu hiệu dẫn ta tới Đức Kitô.

2) Ba đạo sĩ đã lên đường

Muốn tìm Đức Kitô, ta buộc phải ra khỏi tình trạng ‘yên chuyện’ và ‘an tọa’ của mình. Có người ‘an tọa’ trong những hệ thống tư tưởng; kẻ khác, trong một địa vị ‘ngon lành’; một số thì ngồi yên trong một tiện nghi lương thiện v.v... Bằng cách này hay cách khác, dấu hiệu của Đức Kitô mời gọi ta đừng tự đóng kín trong tình cảnh ‘yên thân’, nhưng phải bước ra khỏi đó để khám phá ra một cái gì lạ lùng, chưa hề thấy, một cái gì mà ta cảm thấy là đáp lại được sự mong chờ của ta, với điều kiện là ta chờ đợi Đức Kitô.

3) Ba đạo sĩ tìm kiếm một cách tích cực

Bao lâu ánh sao còn le lói trước mặt, họ để cho ánh sao dẫn đường. Nhưng kia, ngôi sao biến mất, họ buộc phải tự tìm đường. Vẫn hy vọng. Không hề nghi về tính xác thực của ông Vua đã được ngôi sao kia báo hiệu. Thiếu vật chỉ đạo lạ lùng, tức ngôi sao, họ dùng tới những phương tiện thông thường là hỏi han. Họ đi đến những nhà hữu trách tôn giáo. Những người này không muốn bị phiền hà về vụ ông Vua mới sinh ra, nhưng họ cho ba người khách những lời chỉ dẫn đúng. Thế là các đạo sĩ được ‘thưởng công’: họ tìm thấy Chúa Giêsu. Trong đời ta có thể đã có những dấu này, dấu nọ báo tin Chúa Giêsu, rồi tan biến đi. Bồn phận ta bây giờ là tiếp tục nỗ lực tìm kiếm với những phương tiện thông thường sẵn có. Lúc ấy Đức Kitô sẽ không lẫn tránh đâu.

16. Ba vua

Lễ Hiển Linh, đó là ngày Thiên Chúa tỏ mình ra cho dân ngoại, mà đại diện là ba nhà đạo sĩ phương đông, để thực hiện lời tiên tri Isaia đã loan báo:

- Dân ngoại trong tăm tối sẽ được nhìn thấy ánh sáng chói lòa.

Đồng thời đây cũng là ngày trọng đại cho mỗi người chúng ta, vì ơn cứu độ đã được thực hiện cho muôn dân.

Chúng ta hãy nhìn vào cung cách của ba nhà đạo sĩ để rồi từ đó cùng nhau tự vấn lương tâm và kiểm thảo đời sống của mình.

Điểm thứ nhất, đó là ba nhà đạo sĩ đã nhìn thấy ánh sao lạ và trong thình lạng các ngài đã suy nghĩ để tìm ra sứ điệp mà Chúa muốn gửi đến. Trong khi đó những người khác cũng đã nhìn mà chẳng thấy và chẳng hiểu.

Có lẽ chúng ta cũng vậy, chúng ta đã đắp tai ngoảnh mặt làm ngơ trước lời mời gọi của Chúa. Chúng ta để cho tâm trí bận rộn và quay cuồng trước đam mê dục vọng, tiền bạc và lạc thú. Rồi từ đó, ánh sao cuộc đời và tiếng nói của Chúa cứ mờ dần, cứ tắt dần trong cõi lòng chúng ta.

Điểm thứ hai, đó là sau khi nhận ra sứ điệp của Chúa, các ngài đã lên đường mặc cho những khó khăn chờ đón. Các ngài có thể đưa ra 1001 lý do để ở lại nhà, từ chối dấn thân vào một cuộc phiêu lưu mạo hiểm bấp bênh. Tuy nhiên, các ngài đã dứt khoát lên đường, không chần chừ do dự, và đã trung thành với quyết định của mình cho đến cùng. Mặc cho người đời cười chê, các ngài vẫn chỉ nuôi một ước vọng: Tìm gặp và thờ lạy vua dân Do Thái.

Thái độ của các ngài hoàn toàn khác xa với thái độ của dân Do Thái, đã được thánh Augustinô diễn tả như sau:

“Các ngài đến chiêm ngắm Đấng Cứu thế trên quê hương của dân Do Thái, nhưng còn họ, họ lại không biết đến. Các ngài đã tìm thấy Chúa Giêsu dưới hình dáng một hài nhi nằm yên trong máng cỏ. Còn họ, họ đã chối bỏ Chúa Giêsu ngay cả khi Ngài rao giảng công khai, ngay cả khi Ngài làm các phép lạ. Các ngài từ xa mà đến, và đã gặp được Chúa. Còn họ, họ ở rất gần mà cũng chẳng thấy”.

Có lẽ chúng ta cũng không hơn gì những người Do Thái. Chúng ta ở cách nhà thờ đôi ba trăm thước mà chúng ta cũng rất ít khi đến tìm gặp Ngài. Chúa còn hiện diện nơi những kẻ cùng khốn bên cạnh chúng ta, thế nhưng chúng ta cũng rất ít khi nhận ra và giúp đỡ.

Điểm thứ ba, đó là sau khi đã khám phá ra và thờ lạy Hài nhi Giêsu, các ngài đã dâng cho Chúa lễ vật, đó là vàng, nhũ hương và mộc dược, tượng trưng cho tấm lòng quảng đại của mình.

Còn chúng ta, chúng ta sẽ dâng gì cho Chúa trong Mùa Giáng sinh này, cũng như ở chặng cuối cùng của cuộc đời chúng ta? Hay là chúng ta đến gặp Chúa với đôi bàn tay trống trơn, không một chút công nghiệp, và với một tâm hồn nhàu nát vì tội lỗi.

Sau cùng, các ngài định trở lại Giêrusalem để tường trình cho Hêrôđê, nhưng được thiên thần báo mộng, các ngài đã tuân theo, đi một con đường khác mà trở về quê hương xứ sở của mình.

Qua đó chúng ta thấy, mặc dù là những người có thế giá, các ngài vẫn luôn luôn tuân phục lệnh truyền của Chúa một cách tuyệt đối, không bàn cãi.

Còn chúng ta thì sao? Phải chăng cuộc đời của chúng ta là một thảm trạng, trong đó, chúng ta luôn luôn chống lại lệnh truyền của Chúa, bằng những vấp ngã, bằng những phản bội.

Hãy noi gương ba nhà đạo sĩ phương đông, hãy lên đường tìm kiếm và thờ lạy Chúa. Hãy bảo toàn đức tin của mình, dù có phải hy sinh, dù có bị thiệt thòi.

17. Hãy đứng lên, hãy tỏa sáng ra – R. Veritas

(Trích từ ‘Sống Tin Mừng’)

Các bài đọc của lễ Hiện Linh đều hướng về một chủ đề chính: "Chúa Kitô là ánh sáng chiếu soi muôn dân". Nơi bài đọc I được trích từ sách tiên tri Isaia: "Hãy đứng lên, hãy tỏa sáng ra" (Is 60,1-6).

Đó là lời tiên tri Isaia loan báo về tương lai huy hoàng của Giêrusalem. Giêrusalem có được như vậy, được trở thành trung tâm của muôn dân đổ dồn về đó là vì nhờ Giêrusalem có Thiên Chúa hiện diện ở giữa. Không có Thiên Chúa hiện diện thì Giêrusalem vẫn chỉ như bao thành khác. Ánh sáng mà Giêrusalem nhận được từ Chúa đã chiếu soi muôn người, ánh sáng đó lôi kéo tất cả mọi người, không trừ một ai đến với Chúa. Giêrusalem ngày xưa là hình ảnh của Giáo Hội, vì Giáo Hội là nơi qui tụ tất cả mọi dân tộc.

Lời tiên tri Isaia loan báo về tương lai huy hoàng cho Giêrusalem được ứng nghiệm trong biến cố các vua từ Phương Đông tìm đến Vua dân Do Thái mới sinh đã được thánh sử Luca ghi lại (x.Lc 2,1-12).

Gặp được Chúa Giêsu và thờ lạy Ngài, đó là mục đích cuối cùng của đời người chúng ta, và đó cũng là trung tâm của bài Tin Mừng Lễ Hiện Linh hôm nay. Các mục tiêu cuối cùng trên, chúng ta thấy có những nhân vật nổi bật như vua Hêrôđê, các trưởng tế và luật sĩ tại Giêrusalem, các đạo sĩ từ Phương Đông. Mỗi một người trong hoàn cảnh riêng của họ đều được Chúa mạc khải cho, được Chúa mời gọi đến với Ngài bằng những con đường khác nhau. Các đạo sĩ nhờ ngôi sao sáng của thiên nhiên trong vũ trụ, một kỳ công sáng tạo của Thiên Chúa. Các trưởng tế và luật sĩ thì qua con đường mạc khải của Kinh Thánh, qua lời dạy của các tiên tri mà họ biết nằm lòng. Vua Hêrôđê thì qua chứng tá của những kẻ qua con đường gặp Chúa, qua chứng tá của các đạo sĩ và các trưởng tế, luật sĩ tại Giêrusalem. Nhưng rồi chỉ có các đạo sĩ là đi đến cùng con đường, là gặp được Chúa Giêsu và thờ lạy Ngài.

Chúa ban cho mỗi người, cho mọi người con đường để gặp Ngài, nhưng chỉ có những ai thành tâm thiện chí và can đảm đi đến cùng, đi trọn con đường thì mới thành công trong việc gặp gỡ được Chúa.

Trong ngày Lễ Ba Vua hay Lễ Hiện Linh hôm nay, chúng ta trước nhất vui mừng vì thấy rõ hành động Thiên Chúa không dành riêng ân sủng của Ngài cho một nhóm người nào, nhưng Ngài kêu gọi tất cả mọi người đến với Ngài, đồng thời chúng ta cần tự vấn chính mình về thái độ trước Chúa Kitô, chúng ta đã thực sự gặp Chúa và tôn thờ Ngài hay chúng ta cũng có thái độ giống như vua Hêrôđê xem Chúa như là kẻ thù, như là người cản trở sự thành đạt của mình, vì đó mà hành động ngầm ngầm chống lại Chúa.

Lạy Chúa, xin cho con được bắt chước thái độ của các đạo sĩ ngày xưa muốn ra đi khỏi nơi an toàn tự nhiên của mình để gặp Chúa và tôn thờ Chúa tại nơi mà Chúa muốn dùng để mạc khải cho chúng con về Chúa.

Lạy Chúa, xin cho con được gặp Chúa và tôn thờ Chúa là Đấng cứu rỗi duy nhất đời con. Amen.

18. Tìm gặp Chúa

Với lễ Giáng sinh, chúng ta nhận thấy Thiên Chúa đã làm người và ở giữa chúng ta để chúng ta có thể gặp gỡ Ngài. Gặp gỡ Ngài không phải chỉ ở trong đền thờ nguy nga, mà còn gặp gỡ Ngài nơi những con người bình thường. Ngài đó, một Hài nhi bé nhỏ, nằm trong máng cỏ ngoài đồng vắng Bêlem. Đồng thời, không phải chỉ có một hạng người nào đó mới có quyền được gặp gỡ Ngài, mà ngay cả những kẻ tầm thường như những trẻ mục đồng cũng có thể gặp gỡ Ngài.

Đề niềm vui của Chúa Giêsu được trọn vẹn, lễ Hiện Linh hôm nay đã gọi lên cho chúng ta một xác tín mới: Thiên Chúa không phải chỉ đến với dân Do Thái, mà còn đến với cả những người từ phương Đông, nghĩa là những người không thuộc về dân riêng của Chúa, những người vẫn bị liệt vào hàng dân ngoại.

Xác tín này đã được thánh Phaolô diễn tả một cách rõ ràng trong bức thư gửi tín hữu Ephêsô: Nhờ Tin Mừng, các dân ngoại được nên đồng thừa tự, cùng một thân thể và cùng thông phần với lời hứa của Ngài trong Đức Giêsu Kitô.

Với lễ Hiện Linh, Thiên Chúa đã đến với tất cả mọi người, Ngài phá đổ những hàng rào tạo nên sự kỳ thị: Kỳ thị tôn giáo, kỳ thị giai cấp, kỳ thị màu da, kỳ thị tiếng nói. Thực sự thì đó chỉ là những hàng rào do chính con người dựng lên để bảo vệ những quyền lợi cho riêng mình.

Thiên Chúa vẫn là Thiên Chúa của tất cả, và điều Ngài ước mơ vẫn là tập hợp muôn dân nước dưới ánh sáng của Ngài. Ngài đã đến với chúng ta, nhưng điều quan trọng đó là chúng ta có tiến tới để gặp gỡ Ngài hay không? Bàn tay Ngài đã giơ ra, nhưng điều quan trọng đó là chúng ta có nắm lấy để được cứu vớt hay không, bởi vì như lời thánh Augustinô đã nói:

- Khi tạo dựng nên chúng ta Chúa không cần hỏi ý kiến chúng ta, nhưng để cứu độ chúng ta Ngài đòi chúng ta phải ưng thuận và cộng tác với Ngài.

Sự thực đã cho chúng ta thấy: Ánh sáng đã chiếu trong u tối, nhưng u tối lại không tiếp nhận ánh sáng. Ngài đã đến nhà Ngài, nhưng những người thân thuộc đã không tiếp nhận Ngài.

Thực vậy, Ngài đã đến nhưng không phải tất cả mọi người đều tới gặp gỡ Ngài. Một Hêrôđê cũng đã ngó ý muốn đến triều bái Ngài nhưng với một âm mưu thâm độc, ông muốn giết hại Ngài để được ngồi mãi mãi trên chiếc ngai vàng của ông. Các luật sĩ và tư tế thì lại thoả mãn với những hiểu biết của mình, để rồi chẳng biết lên đường tìm gặp Ngài? Còn dân thành Giêrusalem thì lại ngại đổi thay và chuyên biến.

Để đến với Chúa, chúng ta cần phải lên đường như ba nhà đạo sĩ phương Đông, không phải trong tối tăm mò mẫm, bởi vì chúng ta luôn có ánh sao lạ, đó là Tin Mừng, thập giá và sự phục sinh của Ngài soi đường dẫn lối.

Lễ Giáng sinh và lễ Hiện Linh chính là một cuộc gặp gỡ. Thiên Chúa đến với con người và con người nhận biết Ngài nơi hài nhi Giêsu.

Như các nhà đạo sĩ phương Đông, mỗi người chúng ta cũng được mời gọi lên đường đến với hài nhi Giêsu. Lên đường ở đây có nghĩa là từ bỏ những bảo đảm để tiến tới phía trước. Ngài đến trong những cái bất ngờ của những sự kiện diễn ra trong cuộc sống thường ngày. Tuy nhiên chúng ta có sẵn sàng lên đường, đi theo ánh sao là Tin Mừng của Chúa hay không?

19. Từ bỏ

Hôm nay, chúng ta mừng lễ Hiền linh, ngày Thiên Chúa tỏ mình cho muôn dân, mà đại diện là ba nhà đạo sĩ, ba nhà bác học phương đông.

Câu hỏi thứ nhất: các ngài là ai?

Phúc âm đã dùng danh từ “magi” để nói về các ngài. Magi có nghĩa là các vị tư tế, ngoài việc tôn giáo, họ còn chuyên môn về khoa học, nhất là thiên văn, vì thế họ thường được triều đình tôn làm cố vấn. Ngoài ra, magi còn có nghĩa là các nhà đạo sĩ, dùng phép thuật của mình như một kế sinh nhai. Phúc âm không xác định rõ các ngài thuộc vào hạng người nào.

Tuy nhiên, chúng ta có thể tin chắc chắn các ngài là những người học rộng biết nhiều và thông thạo về thiên văn. Bởi đó, gọi các ngài là những nhà bác học, thiết tưởng cũng không sai cho lắm.

Ngoài ra, dựa vào những lễ vật dâng tiến, cũng như dựa vào thánh vịnh 71:

- Từ Tác-sít và hải đảo xa xăm,
Hàng vương giả sẽ về triều cống.
Cả những vua Á-rập, Xơ-va,
Cũng đều tới tiến dâng lễ vật.
Mọi quân vương phủ phục trước bệ rồng,
Muôn dân nước thấy đều phụng sự.

Tertulianô đi tới kết luận: các người là những bậc vương đế. Vì thế, từ xa xưa người ta thường gọi lễ này là lễ Ba Vua. Tuy nhiên, lập luận trên không được xác thực cho lắm.

Câu hỏi thứ hai: các ngài có bao nhiêu người?

Những bức bích họa dưới các hoang toại đạo vào những thế kỷ đầu, có bức vẽ hai vị, có bức vẽ ba vị, có bức vẽ bốn vị, thậm chí có bức vẽ tới...mười hai vị. Ngày nay, chúng ta thường nói tới ba vị, vì dựa vào ba thứ lễ vật các ngài dâng tiến.

Câu hỏi thứ ba: các ngài từ đâu mà tới?

Magi là hạng người xuất hiện đầu tiên tại Ba Tư. Các họa sĩ cổ xưa thường vẽ các ngài với y phục Ba Tư, nên nhiều người đã xác quyết các ngài từ Ba Tư mà đến. Tuy nhiên, lý luận này cũng không được ổn cho lắm. Phúc âm chỉ nói các ngài từ phương đông mà tới. Và phương đông là tên người Do Thái thường dùng để gọi xứ Á Rập. Hơn nữa, những lễ vật như vàng, nhũ hương và mộc dược, là thổ sản của xứ này. Như vậy, các ngài từ Á Rập mà đến thì có lẽ đúng hơn.

Sau cùng, câu hỏi thứ bốn: đâu là bài học chúng ta cần ghi nhận?

Bài học chúng ta ghi nhận hôm nay, đó là sự từ bỏ. Thực vậy, các ngài là những người giàu sang, có một địa vị lớn trong xã hội thời bấy giờ, thế nhưng một khi đã nhận biết ý Chúa qua ánh sao lạ, các ngài đã can đảm, dám liều, dám từ bỏ tất cả để lên đường tìm đến với vị vua mới sinh ra.

Đúng thế, các ngài đã để lại sau lưng nào vợ đẹp con khôn, nào tiền bạc giàu sang, nào địa vị chức auyền, để dấn thân vào một cuộc phiêu lưu vô định, dưới sự soi dẫn của một ánh sao. Các ngài đã phải vượt qua biết bao nhiêu khó khăn, đã phải chấp nhận biết bao nhiêu nguy hiểm: nào là những nụ cười mỉa mai của bà con bè bạn, nào là những vất vả cực nhọc suốt khoảng đường dài... Thế nhưng, các ngài vẫn cất bước tiến lên với một lòng tin tưởng vững chắc.

Nếu suy nghĩ chúng ta sẽ thấy bất kỳ ơn gọi nào cũng đều đòi hỏi chúng ta phải từ bỏ, phải hy sinh, như lời Chúa đã phán:

- Ai muốn theo Ta, phải từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo Ta.

Tôi xin đưa ra hai trường hợp tiêu biểu. Trước hết, đó là trường hợp của Abraham. Ông đang sống yên ổn với gia đình trong cảnh giàu sang, thế nhưng Thiên Chúa đã hiện ra bảo

ông phải lên đường tới một vùng đất nào đó mà Ngài sẽ trao ban làm sản nghiệp. Abraham liền cúi đầu vâng nghe. Rồi khi tới tuổi già và có được một mụn con trai để nối dõi tông đường, thế mà Thiên Chúa lại truyền phải sát tế mà dâng kính Ngài. Abraham cũng đã cúi đầu vâng nghe.

Tiếp đến, đó là là trường hợp của các tông đồ. Các ông đang sống yên ổn bằng nghề chài lưới, thế rồi một hôm Chúa Giêsu đi ngang qua và lên tiếng gọi:

- Hãy theo ta.

Lập tức các ông từ bỏ ghe thuyền, chài lưới và những người thân yêu để bước theo Chúa.

Với Mathêu cũng vậy, đang làm giàu với nghề thu thuế, nhưng sau khi nghe tiếng gọi của Chúa, ông cũng đã từ bỏ tất cả để đi theo Ngài.

Từ mẫu gương của ba nhà ba nhà bác học phương đông, của Abraham và của các tông đồ, chúng ta đi tới một kết luận: Muốn theo Chúa, muốn chu toàn thánh ý của Ngài, chúng ta cũng phải dám liều, dám từ bỏ mọi sự, dám hy sinh tất cả, dám dấn thân vào một cuộc phiêu lưu đầy bấp bênh. Thế nhưng liệu chúng ta có đủ quảng đại để đáp trả tiếng gọi của Chúa và có đủ can đảm để thực hiện những điều ấy không?

20. Tỏ mình

Các bài đọc trong thánh lễ hôm nay đều qui về một điểm chính là: “Thiên Chúa mạc khải chính Ngài cho tất cả mọi người”, không phân biệt ai, cho dù người Do thái hay kẻ ở ngoài Kitô giáo, như các đạo sĩ từ Phương đông đến. Nhưng đáp lại, không phải tất cả mọi người đều đáp lại ơn Chúa mà chấp nhận từ bỏ cuộc sống của mình, từ bỏ cuộc sống theo tính hư nết xấu của mình để đến gặp và sấp mình khiêm tốn thờ lạy Chúa. Thiên Chúa mạc khải cho con người, cho tất cả mọi người bằng nhiều cách khác nhau.

Các bài đọc trong thánh lễ hôm nay, nhất là bài Phúc âm trình bày cho chúng ta thấy hai con đường, hai thái độ đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa. Con đường thứ nhất là con đường mạc khải chính thức trong lịch sử cứu độ do Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử của dân Chúa. Con đường thứ hai có thể nói là con đường tự nhiên qua các biến cố xảy ra trong thiên nhiên, trong vũ trụ, trong sinh hoạt hàng ngày của con người. Và chúng ta cũng nhìn thấy hai thái độ chấp nhận của các đạo sĩ từ phương xa và thái độ từ chối lơ là không màng chi đến việc đón nhận Chúa như vua Hêrôđê và các thầy thượng tế tại Giêrusalem.

Kinh Thánh đã chỉ cho họ biết, và họ thuộc lòng Kinh Thánh để biết rằng: Con Thiên Chúa sẽ Giáng sinh tại Belem, nhưng họ lơ là hoặc quá say mê hưởng thụ những lợi lộc vật chất mà không chấp nhận từ bỏ, không chấp nhận ra đi đến nơi Thiên Chúa chờ sẵn để gặp họ, để gặp Con Người. Tệ hơn nữa, vua Hêrôđê lại sợ rằng Chúa đến để chiếm lấy quyền của ông, làm cho ông mất danh vọng, mất quyền hành, mất địa vị. Chính vì thế mà ông đã ngấm ngấm muốn hại Chúa, nên ông đã cho triệu tập riêng các đạo sĩ lại để hỏi cặn kẽ về ngày giờ, để rồi như chúng ta đã biết là sau đó, khi vua Hêrôđê đã thấy các đạo sĩ không trở lại với mình nữa, thì nhà vua đã tức giận và ra lệnh giết tất cả các hài nhi trong vùng, trong khoảng từ hai tuổi trở xuống. Ông hy vọng rằng trong số các hài nhi bị giết chết đó có Con Thiên Chúa, có Đấng mà người ta gọi là Đấng Thiên sai, Đấng đến để hướng dẫn dân tộc Do thái, để cứu rỗi nhân loại.

Mùng lễ ba vua hôm nay hay nói được là lễ Hiền linh, lễ Chúa tỏ mình ra cho các dân tộc, cho tất cả mọi người. Lễ này chúng ta có thể nói là bỏ túc cho lễ Giáng sinh mà chúng ta đã mừng trước đây.

Lễ Giáng sinh nhìn trên một phương diện nào đó chúng ta có thể nói đó là lễ Chúa mạc khải chính mình Chúa, Chúa đến với dân tộc của Ngài là dân tộc Do thái, và lễ Hiền Linh là Chúa đến với dân tộc ngoài Do thái, với tất cả mọi người và cách thức Chúa đến với họ khác với điều họ mong ước. Chúa đến với họ bằng một đứa trẻ mới sinh nghèo hèn, không ai chấp nhận. Chúa đến với họ trong nghèo hèn, trong khiêm tốn, trong âm thầm ngoài tưởng tượng của những người đáng lẽ ra phải nhận biết Chúa như vua Hêrôđê, các đạo trưởng, luật sĩ trong dân Do thái thời đó.

Thiên Chúa dùng mọi phương thế, mọi con đường, để đến với mọi người ở trong cũng như ở ngoài Giáo Hội Chúa. Con đường của mạc khải Lời Chúa qua lời giảng dạy của Giáo Hội cũng như con đường của các biến cố trong thiên nhiên, trong cuộc sống hằng ngày để nhắc chúng ta rằng, Ngài đang đợi ở nơi đó, Ngài đã hẹn trước với chúng ta để mong gặp chúng ta. Nhưng chúng ta có đáp lại lời mời gọi của Chúa hay không? Ta có đủ can đảm như các nhà đạo sĩ thực hiện một cuộc phiêu lưu từ bỏ nếp sống hưởng thụ vật chất, từ bỏ ngôi nhà vinh quang để đi gặp Chúa hay không?

Trở về cách đây hơn 2000 năm thì chúng ta thấy rằng, phương tiện di chuyển thời đó đường xa và không có nơi cư ngụ tiện nghi như ngày nay. Và để đi đường xa như vậy, từ một vùng đất xa lạ đến một xa lạ khác, và đi tìm một con người mà không ai trong ba nhà đạo sĩ này có thể biết trước là ở đâu, thì các vị đạo sĩ này hẳn đã phải cố gắng thật nhiều, và có lòng can đảm khác thường để liều lĩnh chấp nhận những cuộc hành trình và đích điểm còn mơ hồ chưa xác định được. Các ngài đã chứng tỏ cho chúng ta thấy là ơn Chúa đã chiến

thắng nơi các ngài. Để lên đường đi tìm Chúa, các ngài đã can đảm chấp nhận những hy sinh, những liều lĩnh, cốt sao là tìm được trẻ thơ như trong giấc chiêm bao.

Nhìn về mỗi người chúng ta, chúng ta cũng có thể nói: mỗi người chúng ta đã được Thiên Chúa dựng nên để hướng về Ngài, tâm hồn luôn khao khát hướng về Thiên Chúa và khi Thiên Chúa cho ta biết Ngài đến gặp gỡ chúng ta, muốn gặp ta qua những biến cố trong cuộc sống hàng ngày, thì liệu chúng ta có đủ can đảm chấp nhận hy sinh như các nhà đạo sĩ để ra đi để gặp gỡ Chúa hay không? Chúa đến với chúng ta, Chúa tìm chúng ta trước với những ơn lành của Ngài, những ơn soi sáng trực tiếp cũng như dấu chỉ mời gọi xảy ra trong cuộc sống, trong lịch sử của chính chúng ta cũng như lịch sử của dân tộc, của quốc gia và cả trong những biến cố lịch sử thế giới.

Thiên Chúa đi tìm con người để đưa con người trở về với Ngài. Nhưng mỗi người chúng ta có thành tâm thiện chí, có can đảm đủ để nhìn ra những dấu chỉ, những lời mời gọi của Chúa hay không? Hay chúng ta nuôi dưỡng những thiện chí đó trong suốt cuộc hành trình giữa những khó khăn mà chúng ta gặp phải hoặc chúng ta bỏ dở nửa chừng vì những khó khăn đủ loại cản bước chúng ta tìm Chúa. Hay chúng ta sợ Chúa đến tách mất khỏi chúng ta những lợi lộc vật chất, những vinh quang, những uy quyền mà chúng ta đang hưởng như vua Hêrôđê.

21. Suy niệm của JKN

Câu hỏi gợi ý:

1. Các thượng tế và kinh sư Do Thái biết rõ Đấng Cứu Thế sinh ra ở đâu lại không đến gặp Ngài, còn các nhà chiêm tinh ở mãi tận đâu đâu, phải nhờ các thượng tế và kinh sư Do Thái chỉ cho, thì lại gặp được Ngài. Tại sao lại có chuyện mỉa mai và nghịch lý như vậy?

2. Rút kinh nghiệm từ bài Tin Mừng thì để gặp được Thiên Chúa, điều quan trọng nhất là gì? Cần phải có tôn giáo chân chính, hay phải có thiện chí và quyết tâm đi tìm Ngài? Cái nào là yếu tố quyết định để gặp được Ngài?

3. Động lực gì khiến vua Hêrôđê muốn giết hài nhi Giêsu, cho dù biết hài nhi ấy là người của Thiên Chúa? Tuy Kinh Thánh không đề cập đến, nhưng ta thử đoán xem các thượng tế và kinh sư Do Thái – với bản chất của họ như ta đã thấy trong các Tin Mừng – đã có thái độ nào trước tội ác của Hêrôđê: can đảm ngăn cản nhà vua hay mặc kệ Đấng Cứu Thế mà họ mong chờ ra sao thì ra? Suy tư gợi ý: Bài Tin Mừng hôm nay cho thấy ba hạng người khác nhau với ba thái độ khác nhau đối với Đức Giêsu mới sinh ra. Trước hết là các nhà chiêm tinh đến từ phương Đông, sau là các thượng tế và kinh sư tại Giê-ru-sa-lem, và cuối cùng là vua Hêrôđê.

Suy Niệm

1. Thái độ của các nhà chiêm tinh đông phương

Các nhà chiêm tinh được nói đến như những người thuộc dân ngoại, không phải là người Do Thái giáo. Họ đại diện cho các dân tộc, các quốc gia trên thế giới đến thờ lạy Đức Giêsu, Đấng trong tương lai và vĩnh cửu sẽ là vua của toàn thể thế giới và vũ trụ. Thái độ của các nhà chiêm tinh là thái độ của những người tìm kiếm, khắc khoải đối với Thiên Chúa, với tha nhân, với chân lý, công lý và tình thương. Và chính vì họ quyết tâm lên đường và ra công tìm kiếm nên họ đã gặp, đúng như Đức Giêsu nói: «Ai xin thì sẽ được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở ra cho» (Mt 7,8). Khi ngôi sao biến mất, việc tìm kiếm bị thử thách, họ không nản chí bỏ cuộc, vẫn tiếp tục tìm kiếm, vì họ đã quyết tâm và hết lòng tìm kiếm: «Các người tìm Ta thì các người sẽ thấy, bởi vì các người hết lòng tìm kiếm Ta» (Gr 29,13); «Kể yêu Ta sẽ được Ta yêu lại, người tìm Ta ắt sẽ gặp Ta» (Cn 8,17).

2. Thái độ của các thượng tế và kinh sư tại Giê-ru-sa-lem

Các thượng tế và kinh sư Do Thái là những bậc thông thái, hiểu biết Kinh Thánh, thông thạo các lễ đạo của tôn giáo chân chính do chính Thiên Chúa thiết lập. Vì thế, họ đại diện cho những người có chính đạo. Họ là những người có Kinh Thánh trong tay, nắm vững những kiến thức thần học, họ rao giảng và bảo vệ chân lý của Thiên Chúa. Nhưng khi Đức Giêsu đến, những hiểu biết rộng rãi và sâu xa của họ chẳng giúp ích gì cho họ trong việc tìm gặp Ngài. Họ biết rất rõ Đấng Cứu Thế sinh ra tại Bêlem, vì Kinh Thánh cho biết như thế. Nhưng họ biết để mà biết, để mà dạy người khác, để mà tự hào rằng mình hiểu biết, chứ không phải biết để áp dụng vào đời sống, để đem ra thực hành. Vì thế, cái biết của họ trở nên vô ích cho họ.

Cũng vậy, rất nhiều Kitô hữu hiểu biết rất sâu xa về Thiên Chúa, về chân lý, nhưng họ biết chỉ để biết, để khoe, để dạy người khác, để rao giảng, chứ không phải để áp dụng sự hiểu biết ấy vào đời sống thực tế. Vì thế, sự hiểu biết ấy không đem lại sự cứu rỗi cho họ. Đức Giêsu nói: «Ai nghe những lời Thầy nói đây mà đem ra thực hành, thì ví được như người khôn xây nhà trên đá... Còn ai nghe những lời Thầy nói đây, mà chẳng đem ra thực hành, thì ví được như người ngu dại xây nhà trên cát» (Mt 7,24.26). «Mẹ tôi và anh em tôi chính là những ai nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành» (Lc 8,21); «Anh em đã biết những điều đó, nếu anh em thực hành, thì thật phúc cho anh em» (Ga 13,17); «Phúc thay kẻ lắng nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa» (Lc 11,28). Dụ ngôn người gieo giống (Lc 8,11-15) cho thấy những người nhận được Lời Chúa mà không đem áp dụng vào đời sống thực tế

cũng giống như những mảnh đất «vê đường», đầy «đá sỏi», đầy «bụi gai», khiến Lời Chúa không phát triển được. Còn những ai đem Lời Chúa ra thực hành, giống như mảnh đất màu mỡ khiến Lời Chúa sinh hoa kết trái.

3. Bài học cho những ai đang theo chính đạo

Câu chuyện về hai mẫu người trên cho chúng ta bài học quý giá. Những người tưởng rằng mình đang nắm được Thiên Chúa cùng với chân lý, công lý và tình thương trong tay, đồng thời ngủ say và an tâm trong sự lầm tưởng ấy, họ sẽ chẳng bao giờ gặp được Ngài và thực thi được những giá trị kia. Vì Thiên Chúa, chân lý, công lý và tình thương là những thực tại sống động, không phải thứ đồ vật tĩnh lặng có thể nắm được trong tay, nên chỉ có thể tìm kiếm và gặp được trong từng thời điểm, chứ không thể nắm bắt một lần cho mãi mãi. Cho nên muốn gặp Thiên Chúa, muốn sống trong chân lý, công lý và tình thương, ta phải không ngừng lên đường tìm kiếm, ra sức thực hiện trong từng thời điểm. Ngừng tìm kiếm, ngừng nỗ lực, thì những thực tại cần thiết ấy sẽ vượt khỏi ta ngay, và sự ngừng nghỉ ấy sẽ tạo cho ta một ảo tưởng rằng mình đang nắm được Thiên Chúa, chân lý, công lý và tình thương ở trong tay. Trong khi ấy, thực tế là ta đang xa rời Thiên Chúa và thường hành động ngược lại với chân lý, công lý và tình thương. Thật vậy, những ai dù đang theo chính đạo, tự hào tự mãn về chính đạo của mình, tưởng mình đang nắm được chân lý trong tay, nhưng trong thực tế lại không sống đạo của mình, lại còn khinh chê người khác, họ sẽ trở thành những kẻ tự lừa dối chính mình: «Anh em hãy đem Lời ấy ra thực hành, chứ đừng nghe suông mà lừa dối chính mình» (Gc 1,22). Những ai chỉ biết rao giảng Lời Chúa cho người khác, còn chính bản thân mình lại không thêm áp dụng, hãy lo ngại cho số phận mình như thánh Phaolô: «Tôi phải bắt thân thể tôi chịu cực và phục tùng, kéo sau khi rao giảng cho người khác, chính tôi lại bị loại bỏ» (1Cr 9,27).

Chuyện các nhà chiêm tinh – mà truyền thống Giáo Hội coi là đại diện cho người ngoại và các dân tộc – cho thấy: dù là người ngoại giáo hay không có tôn giáo chân chính, nhưng nếu người ta thật sự nỗ lực tìm kiếm Thiên Chúa thì họ sẽ gặp được Ngài, nếu thật sự muốn thực thi chân lý, công lý và tình thương thì họ sẽ thực hiện được. Còn những người có tôn giáo chân chính, nhưng lại thờ ơ với việc tìm kiếm Thiên Chúa, với việc thực thi chân lý, công lý và tình thương, người ấy sẽ chẳng gặp được Ngài, và trong người ấy không có chân lý, công lý và tình thương. Tôn giáo chân chính được ví như một chiếc xe hơi tốt, có thể giúp ta đi đến nơi cần đến một cách an toàn, nhanh chóng và bảo đảm. Còn các tôn giáo khác như những loại xe kém hơn. Nhưng có đi đến nơi hay không, không tùy thuộc vào loại xe cho bằng ý chí quyết tâm muốn đi đến nơi. Người không có xe, phải đi bộ mà quyết tâm đi thì chắc chắn sẽ tới nơi, còn có xe tốt và bảo đảm đến đâu, nhưng chính bản thân lại không quyết tâm đi, thì không thể đến nơi cần đến được. Thiên Chúa vẫn luôn luôn tôn trọng đồng thời đòi hỏi sự tự do và quyết định của con người.

4. Thái độ của vua Hêrôđê, nhà cầm quyền

Nói tới Hêrôđê, ta thấy ông có một nỗi sợ hãi khi nghe các nhà chiêm tinh cho biết: «Đức Vua dân Do-thái mới sinh». Ông sợ hãi bởi vì mới sinh ấy sẽ lật đổ vương quyền của ông. Và dù biết hài nhi ấy đến từ Thiên Chúa, ông vẫn quyết tâm trừ khử. Như thế, tính tham quyền cố vị – ngoài xã hội cũng như trong Giáo Hội – có thể làm người ta mất hết lương tri, sẵn sàng gây nên tội ác, hay ít ra là im lặng để mặc sự ác phát triển. Hêrôđê quyết tâm tìm giết con trẻ Giêsu bằng cách «sai người đi giết tất cả các con trẻ ở Bêlem và toàn vùng lân cận từ hai tuổi trở xuống» (Mt 2,16). Tin Mừng không nói đến thái độ của các thượng tế và kinh sư trước tội ác của nhà cầm quyền. Như đã nói trên, sự hiểu biết của họ về việc sinh ra của Đấng Cứu Thế chỉ là thứ hiểu biết để mà hiểu biết, để mà rao giảng, chứ không hề làm cho họ trở nên lo lắng cho số phận của Đấng Cứu Thế hài nhi. Đối với họ, sinh mạng của Đấng Cứu Thế chẳng là gì cả, chuyện quan trọng đối với họ là sự an toàn bản thân và giữ cho vững những «chiếc ghế» của họ trong tôn giáo Do Thái. Theo họ, lên tiếng để làm gì cho

liên lụy đến bản thân, cho mất quan hệ tốt đẹp với nhà cầm quyền? Im lặng cho mọi sự qua đi, bất chấp tốt xấu, đó không phải là thái độ của những ngôn sứ hay mục tử đích thật. Nếu họ sẵn sàng «bỏ chiên mà chạy khi thấy sói đến» (Ga 10,12) thì họ cũng sẵn sàng im lặng bỏ mặc Đấng Cứu Thế mà họ rao giảng ra sao thì ra, dẫu có nguy hiểm đến tính mạng.

Cầu nguyện

Lạy Cha, con tưởng cứ theo chính đạo do Cha sáng lập là bảo đảm được cứu rỗi. Nhưng bài Tin Mừng hôm nay cho thấy, kẻ ngoại giáo quyết tâm tìm kiếm Cha – là chân lý, công lý và tình thương – thì lại bảo đảm gặp được Cha hơn là người có chính đạo mà lãnh đạm với Cha. Xin Cha đừng để con say ngủ trong chính đạo mà thờ ơ với những gì là chân lý, công lý và tình thương. Amen.

22. Lễ Hiển Linh

Khi ngôi sao chiếu sáng trên bầu trời Bêlem, là lúc tình trạng dân Israel như thầy tư tế già Dacaria phát biểu “ngôi trong nơi tối tăm và trong bóng tử thần” (Lc 1,79). Tuyển dân của Chúa mà còn như thể huống nữa là dân ngoại. Thánh Phaolô phác họa tình trạng thuộc linh của dân ngoại: “Thuở ấy anh em không có Đức Kitô, không được hưởng đặc quyền của Israel, xa lạ với các Giao Ước dựa trên lời hứa của Thiên Chúa, không có niềm hy vọng, không có Thiên Chúa ở trần gian này” (Ep 2,12). Tóm lại, lúc Đấng Kitô giáng thế là lúc thế gian suy đồi cùng cực, đang đứng trên bờ vực thẳm, thì ngay khi ấy ngôi sao xuất hiện ở Đông Phương đem theo lời hứa vĩ đại Tin Mừng.

1. Ngôi sao của hy vọng.

Trong quan niệm của người Đông Phương, sự xuất hiện của một vì sao trên trời có quan hệ tới một nhân vật dưới trần, nhất là các vị đế vương, người ta vẫn gọi đó là ngôi sao chiếu mạng. Các nhà chiêm tinh Đông Phương đều tin như vậy, vì thế nảy sinh hẳn một môn học chiêm tinh với các khoa tử vi. *Lịch sử Trung quốc ghi lại truyện hoàng đế Quang Vũ đời Đông Hán rất kính trọng ông Nghiêm Tử Lăng, sai sứ đi nhiều lần mời mời được ông vào triều, nhà vua tiếp đón ông rất mực kính trọng và thân thiết, giữ ông lại trong cung đến đêm và nằm chung một giường. Nửa đêm, Tử Lăng gác một chân lên bụng nhà vua, nhà vua không nỡ làm ông thức giấc, cứ để yên cho ông làm như vậy. Sáng hôm sau liền có quan thái sử tâu lên vua rằng hồi hôm xem điềm trời, thấy sao của khách xâm phạm sao nhà vua rất gấp, xin hoàng thượng nên để ý. Vua Quang Vũ cả cười nói rằng: “Ta biết rồi, việc này xảy ra chỉ vì ta và Tử Lăng cùng nằm chung một giường, và chân của Tử Lăng gác lên bụng ta mà thôi, các khanh chớ lo!”*. Đối với các nhà bác học Đông Phương, sự xuất hiện của một ngôi sao như thế là thực hiện một mong ước từ lâu, vì khi nghiên cứu các tinh tú, họ nhận thức rằng ngôi sao là đại biểu cho “ý muốn vĩnh cửu”. Quan niệm của họ cũng tương hợp với lời tiên tri của Kinh Thánh: “Một vì sao hiện ra từ Giacóp, một vương trượng trời dậy từ Israel” (Ds 24,17). Vì vậy khi họ thấy ngôi sao xuất hiện, liền biết thời giờ đã đến, nên chẳng ngần ngại lặn lội đường xa rủ nhau đi tìm cho thấy “vì sao xuất hiện từ Gia cốp” hầu tìm ra con đường sáng cho mình trong một thế giới u minh.

2. Ngôi sao thần bí

Khi nghe được tin này Hêrôđê hết hồn, với tầm óc hiểm độc và quỷ quyết nhà vua coi đây là một điều rất dữ. Sự xuất hiện của ngôi sao cũng như sự xuất hiện những chữ viết trên bức tường của cung điện vua Benxatxa ngày xưa, dự báo sự diệt vong của nhà vua. Điều đó có nghĩa là sẽ có một vua Giuđa thay cho mình ngôi trên ngai vàng. Do đó nhà vua phải sử dụng đến mọi thủ đoạn ác độc để diệt trừ hậu hoạ khi còn trong trứng nước. Nhưng mưu độc của loài người làm sao phá hỏng được kế hoạch của Thiên Chúa. Con Trẻ mà Hêrôđê tìm giết lại là Con Trẻ thoát khỏi tai hoạ.

Một điều lạ kỳ ấy là ngôi sao một đàng là hy vọng, là niềm vui lớn cho mọi người thiện tâm, lại nên điềm dữ báo nguy cho hạng người tàn ác. Ý nghĩa cao đẹp của nó được những tấm lòng ích kỷ tham lam nhận ra. Sự xuất hiện của ngôi sao báo hiệu ngày tàn của họ đã tới!

3. Ngôi sao dẫn đường.

Ngôi sao trên bầu trời Bêlem đã dẫn các đạo sĩ Đông Phương trải qua cuộc lữ hành xa lạ, đầy khó khăn nguy hiểm đã đem các ông tới nơi Con Trẻ mà các ông muốn kiếm tìm. Chính ngôi sao đã bảo tồn cho họ niềm hy vọng, ước nguyện, đức tin mà Thiên Chúa đã mặc khải cho. Cũng chính ngôi sao đã cho họ thấy Con Trẻ cũng là vua của họ để họ chuẩn bị lễ vật triều kính Ngài.

Ngôi sao trên bầu trời Bêlem vẫn luôn là ngọn đuốc soi đường cho tất cả những ai cần tìm chân lý, muốn được cứu rỗi linh hồn, và mong nhận được lòng yêu thương vĩ đại của Thiên Chúa.

4. Ngôi sao của vui mừng.

“Khi thấy ngôi sao dừng lại chỗ Con Trẻ, các hiền sĩ hết sức vui mừng”. Vì đối tượng mà họ khổ công tìm kiếm nay đã thấy rồi, lòng khao khát chân lý với nếp sống quang minh chính trực nay đã được hoàn toàn thoả mãn. Niềm vui của họ là điềm báo ân phúc lớn lao sau này Chúa dành cho các môn đệ: “Thầy nói điều đó với anh em để niềm vui của Thầy ở cùng anh em và niềm vui của anh em nên trọn vẹn” (Ga 15,11).

Trong những năm sau khi Chúa Giêsu giáng thế, sự vui mừng mà các hiền sĩ Đông Phương đã được hưởng, thì bao nhiêu người khác cũng được hưởng nhờ ngôi sao chỉ đường dẫn lối. Lòng khao khát chân lý của họ cũng được đền đáp vì họ nhận được lòng yêu thương vĩ đại của Thiên Chúa dành cho mọi người thiện tâm.

Và nếu ngôi sao trên bầu trời Bêlem này như ngọn đuốc soi đường dẫn các hiền sĩ tới mục tiêu, thì cái thế giới mà chúng ta đang sống đây mới tìm ra được ý nghĩa mới, vui mừng và hy vọng mới thay vì tuyệt vọng và sầu thảm của những ngày cũ.

23. Lễ Giáng Sinh của muôn dân

Henry van Dyke có thuật lại câu chuyện nhan đề: “Còn một nhà đạo sĩ khác nữa” (*The Other Wise Man*), kể về một nhà đạo sĩ thứ tư là người đáng lẽ đã cùng ba nhà đạo sĩ kia đi tìm vị Vua vừa sinh ra ở Bêlem. Nhà đạo sĩ này tên là Artaban. Trong lúc chuẩn bị lên đường, Artaban đã chọn ba viên ngọc quý nhất trong kho tàng của ông để dâng tặng Hài Nhi Giêsu. Thế nhưng trên đường đến gặp ba nhà đạo sĩ kia để cùng đi, gặp bất cứ ai xin, ông cũng đem ra tặng hết. Người thứ nhất mà ông đã gặp được là một bà cụ già rét run vì lạnh. Động lòng trắc ẩn, ông đã tặng cho cụ già viên ngọc thứ nhất. Đi thêm một đoạn đường nữa, ông gặp một toán lính toan làm nhục cô gái. Ông đành đem viên ngọc thứ hai ra thương lượng với chúng để chuộc lại cô gái. Cuối cùng khi tiến vào địa hạt Bêlem, ông gặp một người lính do vua Hêrôđê sai đi để tàn sát các hài nhi trong một ngôi làng lân cận. Ông đành phải rút ra viên ngọc cuối cùng để tặng cho người lính và thuyết phục anh từ bỏ ý định gian ác.

Tim được Hài Nhi Giêsu, nhà đạo sĩ thứ tư này chỉ còn lại hai bàn tay trắng. Ông bối rối và kể lại cuộc hành trình của mình. Nghe xong câu chuyện, Hài Nhi Giêsu mỉm cười đưa bàn tay bé nhỏ ra nhận quà của ông. Nó không phải là vàng bạc châu báu, nhưng là tấm lòng vàng được dệt bằng những nghĩa cử đối với tha nhân, nhất là những người túng thiếu, đói khổ, những người cần giúp đỡ. Chính nhờ những nghĩa cử này mà Thiên Chúa mới được tỏ mình ra cho mọi người.

Lễ Hiện Linh là lễ Thiên Chúa tỏ mình ra cho mọi người. Thiên Chúa không chỉ tỏ mình ra cho riêng Dân của Ngài mà còn cho muôn dân. Bởi đó, mọi người trong chúng ta phải cộng tác với Thiên Chúa để làm bừng sáng lên ánh sáng đã xuất hiện từ Phương Đông. Chúng ta phải là ánh sao dẫn đường cho mọi người đến với Chúa. Tiên tri Isaia trong bài đọc thứ nhất hôm nay đã mở ra cả một viễn tượng lớn lao: đó là ngày và thời vinh quang của Thiên Chúa chiếu trên Dân Chúa và biến Dân Chúa thành điểm thu phục muôn dân. Mọi người từ mọi phương hướng sẽ cùng quy về một mối trong tiếng ngợi ca Thiên Chúa.

Nội dung của lòng tin tưởng này đã được Thánh Matthêu diễn tả một cách sống động qua câu chuyện về Ba Vua, đúng hơn là ba nhà đạo sĩ đi tìm gặp Chúa Giêsu mới sinh tại Bêlem. Xưa chúng ta quen gọi đây là Ba Vua, do đó Lễ Hiện Linh này cũng gọi là lễ Ba Vua. Nhưng điều mà đoạn Tin Mừng ở đây muốn nhấn mạnh đến là: các đạo sĩ, có thể là các nhà bác học hay thiên văn học, đã từ Phương Đông mà tới (Phương Đông vẫn thường được coi là phương trời của những dân ngoại), họ là những người ở ngoài Dân riêng của Chúa, không thuộc dân Do Thái nhưng họ đã tìm đến và được lãnh nhận ơn cứu độ. Có thể nói, đoạn Tin Mừng này đã diễn tả tất cả tấn bi kịch của công cuộc cứu chuộc đối với Dân riêng của Chúa và đồng thời cũng nói lên tấm lòng đại độ của Thiên Chúa: Hêrôđê tượng trưng cho quyền lực, một thứ quyền lực xảo quyệt chỉ biết khư khư giữ lấy ngai vàng của mình như một lễ sống. Còn dân thành Giêrusalem đáng lý ra phải vui mừng khi hay tin “Vua người Do Thái mới sinh”, Đáng họ trông chờ như Vị Cứu Tinh, thì trái lại, họ đã hoảng hốt cùng với Hêrôđê người cai trị trên họ. Dường như họ ngại phải dấn mình vào một sự đổi thay, dù họ tin rằng sự đổi thay đó đem lại sự giải thoát cho họ. Còn những Tư Tế và những nhà thông luật, biết rõ nơi Vị Cứu Tinh ra đời, nhưng chẳng ai màng đến với Ngài. Để rồi cuối cùng, chỉ có những người bị liệt vào hàng “dân ngoại” lại hăm hở đến với “Vua người Do Thái”, cũng là Vị Cứu Tinh của nhân loại.

Thưa anh chị em,

Lễ Hiện Linh là lễ Thiên Chúa tỏ mình ra. Chúng ta biết được qua bài Tin Mừng, Thiên Chúa đã tỏ mình ra cho muôn dân. Thánh Gioan viết: “Thiên Chúa nào có ai thấy Ngài bao giờ, và làm sao thấy Ngài được? Nhưng người Con duy nhất của Ngài đã làm người, và cho ta thấy được Thiên Chúa mang bản tính con người, làm người như chúng ta và ở giữa chúng

ta”. Từ khi Ngôi Lời nhập thể, ai tin nhận Đức Kitô là tin nhận Thiên Chúa, ai từ khước Đức Kitô là từ khước Thiên Chúa.

Vấn đề được nêu lên hôm nay, là ai làm cho người ta biết Đức Kitô, nếu không phải là mỗi người chúng ta? Tuy nhiên, hãy tự vấn rằng bản thân chúng ta đã biết Đức Kitô đến mức độ nào? Nhất định chúng ta chỉ biết Ngài với một mức độ thật giới hạn. Xét về việc giảng giải bằng lời nói, chúng ta có thể bập bẹ đưa ra một số chi tiết về con người của Đức Kitô, về giáo thuyết, về thân thể và sự nghiệp của Đức Kitô; những điều mà người thiện chí không thể không nhìn thấy. Còn nếu chứng minh bằng chính đời sống, để nói được với bất cứ ai, như Thánh Phaolô đã nói: “Xin ông bà, anh chị, hãy bắt chước tôi, như tôi đã sống noi gương Đức Kitô”, thì lắm kẻ không dám nói, và không được phép nói. Bởi vì cuộc sống hiện tại của họ, mọi người đều biết nó như thế nào rồi! Nói cách khác, bản thân tôi chưa gặp được Thiên Chúa, mặc dù miệng tôi luôn nói: Thiên Chúa ở khắp mọi nơi, Thiên Chúa ở trong tôi, Thiên Chúa ở trong mọi người. Nhưng thực sự, tôi không thấy Thiên Chúa nơi ai cả, ít là trong những cử chỉ tôi đối với những người chung quanh đã nói lên rõ rệt như vậy. Và cũng thế, chưa ai thấy Thiên Chúa ở nơi tôi cả vì chính cuộc sống của tôi đã nói lên rõ ràng như vậy.

Thật vậy, còn có biết bao người đang sống trong tăm tối thiêng liêng; họ đang làm lùi bước đi trong lầm lạc; họ đang khao khát chân lý; họ không ngớt đặt vấn nạn với chúng ta: “Đức Vua Dân Do Thái sinh ra ở đâu?” hoặc: “Đức Giêsu là ai vậy?”. Vậy thì, hỡi các Kitô hữu, hãy trả lời cho họ đi: “Đức Kitô là ai?”. Nhưng xin đừng mở cuốn Kinh Thánh ra nói như một nhà thông thái. Chắc chắn họ không xin chúng ta một Đức Kitô đóng khung trong sách vở, nhưng là một Đức Kitô sống động qua con người của chúng ta. Không có con đường nào khác đưa người ta trở về hoặc khám phá ra Chúa Kitô ngoài con đường Tin Mừng đã vạch, đó là con đường yêu thương. Thật vậy, chính tình yêu là sức mạnh khiêm tốn nhất nhưng lại mãnh liệt nhất để đưa con người đến với nguồn chân lý.

Khi người Kitô hữu chỉ đóng khung đời sống đạo của mình trong nhà thờ, giữa những nghi lễ, mà không nhận ra những nhu cầu, những đòi hỏi của xã hội chung quanh; khi một cộng đoàn Kitô hữu quá bám víu vào những thứ gọi là quyền lợi tôn giáo của mình mà làm ngơ trước những đau khổ, bất hạnh của kẻ khác thì chính họ đang làm dập tắt những ánh sáng dẫn đường tới Chúa Kitô.

May mắn là vào thời đại chúng ta, có Mẹ Têrêsa Calcutta. Qua chính cuộc sống đầy hy sinh vì mọi người, Mẹ Têrêsa đã làm cho mọi người thấy Thiên Chúa. Thật kỳ diệu: ngay Cuba rồi Liên Xô cũng mời Mẹ Têrêsa đến thăm và cho phép lập Dòng các chị em Thừa Sai Bác Ái với quyền thu nhận tập sinh, đang khi các Dòng khác đã có mặt từ lâu, vẫn chưa được phép này. Tại sao? Cuộc đời hy sinh của Mẹ Têrêsa, từ khi là nữ tu trẻ, từ năm 1918, đã dám mạo hiểm, mạo hiểm trong khiêm tốn nhưng lòng đầy tình yêu Thiên Chúa và con người. Sống trong tập thể tu viện với đầy đủ tiện nghi của một Dòng chuyên dạy con gái nhà giàu, được bảo đảm hơn là cô đơn giữa xóm ổ chuột. Thế mà, trong thời gian dài, nữ tu Têrêsa là con người lang thang trên các nẻo đường ở Calcutta, vì Têrêsa thấy rõ Chúa Giêsu đang sống trong những người nghèo bên các vỉa hè của những người dư giả, giả vờ quên rằng có Lazarô đang nằm chết đói ngoài cửa nhà mình, đang chờ một phần ăn rất nhỏ, vất đi từ một bàn tiệc linh đình sang trọng. Tình yêu, yêu Thiên Chúa, yêu Chúa trong mọi người, đã biến đổi sự yếu hèn của nữ tu Têrêsa nên sức mạnh vô địch. Không bao lâu, căn nhà nhỏ của Mẹ Têrêsa phải nới rộng, nới rộng đến nhiều quốc gia trên thế giới, cả đến nước Liên Xô. Đoàn Thừa Sai Bác Ái chưa đầy 40 năm đã chóng lớn như phép lạ, và Mẹ Têrêsa được trao tặng cả vinh dự lớn nhất của người đời: “giải thưởng Nobel Hoà Bình”. Mẹ Têrêsa đã làm cho mọi người thấy thế nào là Thiên Chúa.

Thiên Chúa của những năm cuối thế kỷ 20 là như thế đó. Thiên Chúa trong viễn tưởng năm 2000 phải như thế đó. Thiên Chúa của những cá nhân ích kỷ, của những tập thể ích kỷ,

Thiên Chúa của người “tôi” ích kỷ đã chết, và phải chết đi với cái người “tôi” ích kỷ. Như thế sẽ chiếu tỏ một Thiên Chúa, thực sự là Thiên Chúa tình thương, hy sinh Con Một cho nhân loại phản bội. Thiên Chúa là Đức Kitô dám chết cho kẻ mình yêu tuy chúng ta không đáng yêu.

May mắn là trong xã hội chúng ta, ngay giữa chúng ta, trong những giờ này, có những mẫu người hy sinh, quên mình, lo cho người đau khổ, nghèo đói, bệnh tật, trong các bệnh viện, đặc biệt ở những trại cùi. Những con người Kitô hữu đó được công khai bầu lên là người mẫu của tình yêu vị tha, những nhân chứng đích thực của Chúa Kitô.

Có những người, giờ này, đang âm thầm vào các bệnh viện, tìm thăm những bệnh nhân bại liệt tại giường, không gia đình thăm viếng, chăm sóc; anh chị em đó đã đến, hỏi thăm sức khỏe, chạy dùm một số việc, giặt giũ, vệ sinh cá nhân... Xin Chúa ban cho có nhiều tông đồ, nhân chứng của tình yêu Chúa với những việc làm cụ thể như thế để tạo được sự Hiện Linh, làm cho đồng bào được thấy Thiên Chúa, và ước gì những chứng nhân ấy lại là chính chúng ta. Ước gì được như vậy!

24. Ánh sao lạ

Hôm nay chúng ta mừng lễ Hiên Linh, ngày Thiên Chúa tỏ mình cho dân ngoại. Câu chuyện đã xảy ra như sau:

Bấy giờ một ngôi sao lạ xuất hiện trên bầu trời và ba nhà đạo sĩ phương Đông, là những người nghiên cứu về những hiện tượng thiên nhiên, đã hiểu được ý nghĩa của ngôi sao lạ. Họ đã lên đường, bước đi dưới sự soi dẫn của ánh sao và cuối cùng đã gặp được Hài Nhi Giêsu nơi máng cỏ Bêlem, mà họ tin rằng Ngài chính là vua dân Do Thái. Trước khi trở về quê cũ, họ đã thờ lạy và dâng lên Hài Nhi lễ vật của địa phương mình, đó là vàng, nhũ hương và mộc dược.

Từ câu chuyện trên, tôi muốn rút ra một kết luận: Ngoài ánh sao lạ đã soi đường cho ba nhà đạo sĩ tới máng cỏ Bêlem, thì mỗi người chúng ta cũng phải trở nên một ánh sao, dẫn lối cho những người chung quanh, nhất là những người thân yêu cùng sống trong một mái ấm gia đình tìm gặp được Thiên Chúa.

Thực vậy, như chúng ta thường xác quyết:

- Gia đình là mái trường đầu tiên dạy cho chúng ta những bài học làm người.

Dưới mái nhà thân yêu này, trước hết chính cha mẹ phải là một ánh sao dẫn đưa con cái đến cùng Chúa, bởi vì tại đây, ngoài cái nền giáo dục nhân bản, tức là đào luyện cho con cái trở nên những người biết sống tự lập và biết sống với người khác, hầu đem lại lợi ích cho quốc gia, cho xã hội, là người tín hữu, chúng ta còn phải cho con cái một nền giáo dục Kitô giáo, tức là uốn nắn chúng để chúng trở nên những người con cái Chúa.

Vì thế, ngay từ hồi còn tấm bé, cha mẹ đã dạy cho chúng qua đôi tay vụng dại lên làm dấu thánh giá, còn môi chúng bập bẹ những lời kinh đơn sơ.

Hơn thế nữa, đời sống gương mẫu của cha mẹ sẽ có được một sức lôi cuốn hấp dẫn con cái đến cùng Chúa, vì lời nói như gió lung lay, còn việc làm thì như tay lôi kéo.

Augustinô là một chàng trai chơi bời trác táng, thế nhưng nhờ lời cầu nguyện và gương sáng của bà mẹ là thánh nữ Monica, cuối cùng Augustinô đã trở lại cùng Chúa và trở nên một vị giám mục thánh thiện và khôn ngoan,

Tiếp đến vợ chồng cũng phải trở nên một thứ ánh sao cho nhau, có nghĩa là vợ chồng phải biết giúp nhau tìm đến cùng Chúa bằng lời nói và việc làm của mình. Tôi xin đưa ra một thí dụ: Người chồng là một tân tòng, nếu không được gương sáng của người vợ thúc đẩy, thì đức tin vừa mới nảy mầm, chẳng bao lâu cũng sẽ bị thui chột.

Có một ông bố rệu chè cờ bạc, thường bỏ nhà để đàn đúm ăn nhậu với bè bạn. Ngày kia, khi ông trở về thì trời đã khuya, nhìn vào nhà ông thấy vẫn còn ánh đèn, lại có cả những tiếng thì thầm. Tiếng thì thầm ấy chính là tiếng người vợ đang dạy cho đứa con cầu nguyện cho ông. Như được một luồng ánh sáng chiếu soi, ông bừng tỉnh, từ bỏ con đường tội lỗi để trở về cùng Chúa.

Một khi mọi người trong mái ấm thân yêu có được một đời sống gương mẫu, thì chắc hẳn gia đình của chúng ta sẽ trở nên như một ánh sao lạ, qua đó người khác sẽ nhận ra sự hiện diện đầy yêu thương của Thiên Chúa.

25. Dân ngoại đứng trước Đức Vua của người Do thái

(Suy niệm của Lm. FX Vũ Phan Long)

Đọc bài Tin Mừng này, chúng ta nhận ra có sự đối đầu của hai vương quyền, vương quyền của Thiên Chúa và vương quyền của loài người. Bản văn cũng nêu bật hai nỗi lo lắng: nỗi lo của những con người đói khát ơn cứu độ, đang ra sức đi tìm; nỗi lo của con người sợ cuộc sống mình bị đặt thành vấn đề.

1.- Ngữ cảnh

Chương 2 của Tin Mừng Máthêu là một bài tường thuật đầy đủ, hoàn toàn dễ hiểu dù không có chương 1. Chính điểm này cho thấy có nhiều tài liệu có trước Mt được ráp nối với nhau. Đề tài “sự hoàn tất các sấm ngôn” cũng được nhắc tới đều đặn (x. 2,6.15.18.23). Có bốn truyện kết cấu chặt chẽ với nhau tạo nên diễn tiến của chương này, nhưng dường như các biến cố ấy đã được chọn cho phù hợp với các bản văn ngôn sứ mà truyện được xây dựng xoay quanh. Các sấm ngôn này đều có một đặc điểm chung là nhấn mạnh trên một hoàn cảnh địa dư. Trong chương này, chúng ta lại có thể phân biệt ra hai khối, nhưng khối thứ nhất được liên kết với khối thứ hai bằng nhiều từ móc, và nếu không có khối thứ nhất, thì không thể hiểu được khối thứ hai:

- 2,1-12: Truyện kể nhiều chi tiết; những nhân vật chính là các nhà chiêm tinh; ngôi sao là phương tiện Thiên Chúa dùng để hướng dẫn các vị này.

- 2,13-23: Ít chi tiết kể truyện, và chỉ nhắm cho thấy các bản văn ngôn sứ được hoàn tất; nhân vật chính là Giuse (không hề được nhắc tới trong phân đoạn trước); Giuse được thiên thần Chúa ban lệnh trong mộng (y như trong 1,18-25).

Về phương diện truyện kể, vua Hêrôđê là sợi dây liên kết hai phân đoạn.

Chương 2 đưa vào một đề tài quan trọng của TM Mt: người Do Thái khước từ ơn cứu độ Đức Kitô ban tặng, còn Lương dân thì đón nhận. Vua Hêrôđê, hoàng tử Áckhêlao và dân chúng Giêrusalem tượng trưng cho người Do Thái; các nhà chiêm tinh tượng trưng cho Dân ngoại. Dân ngoại sẽ chiếm chỗ mà người Do Thái bỏ trống trong lòng dân Thiên Chúa, khi họ không chịu tin. Dân ngoại sẽ là dân Israel chân chính của thời đại cuối cùng, được kêu gọi chia sẻ hạnh phúc của cuộc sống tương lai. Hai chuyển động tương phản này chạy xuyên suốt cả chương 2 cũng như xuyên suốt cả Tin Mừng cho đến cuộc Khổ nạn (x. 27,39-44.54). Nhìn như thế, có thể nói truyện các nhà chiêm tinh tóm tắt toàn thể Tin Mừng Máthêu.

Về việc các nhà chiêm tinh đến Bêlem, chúng ta có thể đặt ra nhiều câu hỏi không dễ trả lời: Các ngài từ đâu đến? Các ngài đã thấy xuất hiện ngôi sao gì? Làm thế nào mà các ngài nhận ra đó là ngôi sao của Đấng Mêsia? Tại sao vua Hêrôđê không xử sự theo cách hợp lý hơn?

Cũng như trong nhiều đoạn khác của Tin Mừng, thay vì đặt ra những câu hỏi về những chuyện không được nói tới, chúng ta nên để ý đến những gì đã được nói ra. Sau khi băng gia phả đã cho thấy Đức Giêsu cắm rễ trong lịch sử dân Israel, và bản văn về nguồn gốc đích thực của Người đã chỉ nói đến những người có liên can trực tiếp, ở đây tác giả giúp chúng ta nhìn xem cách tiếp đón Đức Giêsu của những người mà vì họ Đức Giêsu đã đến. Tác giả không nêu ra một hành động nào của Hải Nhi, Đức Maria và Giuse. Những nhân vật hành động là Thiên Chúa và người ta, và đều nhắm tới Hải Nhi. Trong quan hệ với Hải Nhi, ta phân biệt ra ba nhóm người: các nhà chiêm tinh, các kinh sư và vua Hêrôđê. Hoạt động công khai của Đức Giêsu và lời loan báo hậu Phục Sinh về Đấng chịu đóng đinh và phục sinh cũng được vây quanh bởi những hạng người như thế. Nhận biết trong niềm vui, lãnh đạm không quan tâm và bách hại liên tục, ba yếu tố này đi theo mọi giai đoạn của cuộc đời Đức Giêsu.

2.- Bố cục

Bản văn này có thể được chia ra làm hai phần, với một đoạn Mở:

1) Mở (cc. 1-2): Giới thiệu các nhân vật và hoàn cảnh, với câu hỏi mở đầu của các nhà chiêm tinh.

2) Phần 1 (cc. 3-9a): Gặp gỡ Hêrôđê, vị vua “giả hiệu” của người Do Thái. Cốt lõi là sấm ngôn về Đấng Mêsia.

3) Phần 2 (cc. 9b-12): Gặp gỡ Ấu Vương “chân chính” tại Bêlem. Cốt lõi là hành vi tôn thờ Đấng Mêsia.

3.- Vài điểm chú giải

- **Bêlem** (Bethlehem) miền Giuđê (1): Bêlem (Bethlehem) có nghĩa là “nhà bánh mì”, hoặc cũng có thể là “nhà của thần Lah(a)mu” (thần của dân Akkad). Thành này cách Giêrusalem 7 cây số về phía nam, là quê hương của Bôát, của Isai (Giê-sê), và nhất là của vua Đavít (x. 1 Sm 16; 20,6). Xem Lc 2,4.11; Ga 7,42. Tác giả nói rằng Bêlem thuộc miền Giuđê không chỉ là vì trong Cựu Ước, có một Bêlem thuộc Dovulun (x. Gs 19,15), nhưng là vì ngài còn lặp lại (c. 5; x. c. 6) nhằm nêu bật chủ đề của ngài: Đức Giê-su, vua người Do Thái, xuất thân từ miền Giuđê, và cũng tại Giuđê mà Người sẽ bị giết.

- **Vua Hêrôđê (Cả)**: Vua này cai trị miền Giuđê (năm 37-4 tCN). Bởi vì ông xuất thân từ miền Idumê, ở về phía nam xứ Giuđê, và ủng hộ nền văn hóa Hy Lạp, nên ông bị người Do Thái ghét bỏ, cho dù ông đã cho sửa lại Đền Thờ thật huy hoàng. Đến cuối đời, ông thường rơi vào trạng thái kinh hoàng, nên chỉ một chút nghi ngờ, là có thể hạ lệnh tàn sát, dù là tàn sát cả gia đình ông. Khi ông qua đời, nhiều tai ương đổ xuống trên xứ, đặc biệt là một cuộc suy sụp về kinh tế. Do đó, đất nước đầy những nhóm người bất mãn và nổi loạn.

- **Đức Giê-su ra đời**: Cộng đoàn tín hữu tiên khởi lúc đầu không có thứ lịch như ngày nay đang được sử dụng hầu như khắp nơi: chia thành hai phần trước và sau cuộc chào đời của Đức Giê-su. Thời ấy, người ta tính năm dựa theo các Đại hội thể vận Hy Lạp (Đại hội đầu tiên được tổ chức năm 776 tCN), hoặc dựa theo năm thành lập thành Rôma (ngày 21-4-753 tCN), hoặc dựa theo những hoàng đế cai trị ở Rôma. Sau một thời gian, các Kitô hữu có thói quen tính thời gian khởi đi từ hoàng đế Dioclétianô (284-305 CN), ông này đã bách hại họ tàn khốc, và họ gọi thời này là kỷ nguyên các thánh tử đạo. Kiểu lịch chúng ta đang sử dụng hiện nay là do văn sĩ Denys le Petit xác định, ông này sống tại Rôma vào tiền bán thế kỷ vi (mất trước năm 555). Để cho những năm cứu độ không phải gọi bằng tên của bạo chúa bách hại, Denys thay thế kỷ nguyên các thánh tử đạo bằng kỷ nguyên Đức Kitô. Ông là người đầu tiên cho kỷ nguyên Kitô giáo khởi đầu với cuộc chào đời của Đức Kitô, mà theo các tính toán của ông, ngày ấy là ngày 25 tháng 12 năm 753 sau khi Rôma được thành lập. Theo TM Mt, “Đức Giê-su ra đời tại Bêlem, miền Giuđê, thời vua Hêrôđê trị vì” (2,1), mà chúng ta biết rằng vua Hêrôđê qua đời vào năm 750 của thành Rôma. Như vậy, cuộc chào đời của Đức Giê-su phải được đẩy lùi lại 6 hoặc 7 năm: hẳn là Đức Giê-su đã ra đời vào thời gian giữa năm 8 và 6 tCN.

- **mấy nhà chiêm tinh** (HL. magos): Đây là những vị hiền giả Đông phương, thông thạo chiêm tinh. Rất có thể họ là những nhà chiêm tinh Babylon, đã được tiếp xúc với trào lưu chờ đợi Đấng Mêsia nơi dân Do Thái. Có thể họ sống bên kia bờ sông Giôđan, nên có cơ hội tiếp xúc thường xuyên với thế giới Do Thái. Dưới ảnh hưởng của Tv 72,10; Is 49,7; 60,10, truyền thống sau này đã nghĩ rằng họ là những vị vua. Bởi vì có ba loại lễ vật, người ta cho rằng họ là ba vị (thế kỷ v), và còn gán cho các vị ấy tên Gaspar, Balthasar và Melchior (thế kỷ viii). Sang thế kỷ xiv, ông Gaspar được coi là một người da đen...

- **chúng tôi đã thấy vì sao** (2): Vào thời thượng cổ, người ta thường cho rằng cuộc chào đời của các nhân vật quan trọng được loan báo bởi các ngôi sao mới. Các nhà chiêm tinh cho rằng họ có thể đoán được vận mệnh của người ta nhờ quan sát chuyển động của các tinh tú. Do Thái giáo cũng nối kết niềm hy vọng thiên sai vào ngôi sao được nói tới ở sách Dân

số (24,17). Có thể nói, vào thời Đức Giêsu và các Tin Mừng, ngôi sao là hình ảnh ưu tiên để tượng trưng Đấng Mêsia, đặc biệt Đấng Mêsia vương giả, xuất thân từ nhà Đavít.

- **xuất hiện** (2): Người ta đã tìm cách xác định ngôi sao ấy là một hiện tượng thiên văn hay là một ngôi sao chổi. Thật ra nỗ lực này cũng không đưa đến đâu, bởi vì hoặc tác giả Mt muốn kể lại một hiện tượng lạ lùng duy nhất trong lịch sử, hoặc chi tiết này chỉ là một đặc điểm văn chương, được gợi hứng bởi Kinh Thánh, nhưng không có hiện tượng tương ứng thế giới vật lý, nên cố gắng tìm ra một giải thích tự nhiên đều là chuyện vô ích.

- **Cả thành Giêrusalem** (3): Đây là một kiểu nói phóng đại, như để báo trước việc toàn dân Do Thái loại trừ Đức Giêsu (x. 21,10). Một sự tương phản đáng kinh ngạc: những người ngoại giáo, được hướng dẫn bởi những kiến thức hời hợt, pha trộn mê tín dị đoan, đã đáp trả tiếng gọi của Thiên Chúa, thực hiện một hành trình và điều tra kỹ lưỡng, để có thể bãi kiến vị tân vương; ngược lại, các nhà lãnh đạo Do Thái có ánh sáng Kinh Thánh, lại chỉ phản ứng bằng sự sợ hãi và vô tâm (cc. 4-6).

- **Các thượng tế** (archiereis, 4): Archiereis đây là các thành viên của các gia đình mà vào lúc quy định nào đó, vua Hêrôđê có thể chọn ra người mà bổ nhiệm làm thượng tế.

- **kinh sư trong dân** (4): dịch sát grammateis tou laou là “các kinh sư của dân chúng”: một kiểu nói phóng đại.

- **Phản người, người đầu phải** (6): Câu trích này là một tổng hợp Mk 5,1-3 với 2 Sm 5,2 theo cách rất độc đáo, không tương ứng với bản văn Cựu Ước Híp-ri lẫn Hy Lạp. Tác giả đã đưa những thay đổi đó vào với mục tiêu huấn giáo. Đặc biệt, với trạng từ oudamôs (Pháp: pas du tout; Anh: by no means) thêm vào bản văn Mikha, ngài cho thấy ngài chú tâm đọc Cựu Ước dưới ánh sáng của đức tin Kitô giáo của ngài: sau khi Đức Giêsu đã chào đời, Bêlem không còn có thể là một thành không đáng kể nữa. Nghịch lý lạ lùng: các kinh sư loan báo nơi Đấng Mêsia chào đời cho những người ngoại giáo (dù sao, họ cũng vẫn là những cái máng chính thức truyền đạt mạc khải mà!), thế mà họ lại không thể nhận ra được Người!

- **mừng rỡ vô cùng** (10): Niềm vui của các nhà chiêm tinh được nhấn mạnh (so với Lc 2,10). Trong TM Mt, đây là niềm vui của những quốc gia ngoại giáo đã khám phá ra nơi Đức Giêsu ơn cứu độ họ vẫn trông chờ cách mơ hồ. Đối lại với niềm vui này là sự bối rối hoang mang của vua Hêrôđê và thành Giêrusalem, cũng như sau đó là cơn giận dữ điên cuồng của nhà vua (c. 16). Cũng có thể so sánh niềm vui lớn lao của các phụ nữ vào sáng ngày Phục Sinh (28,8) với cơn kinh hoàng của đám lính canh khiến họ ra như chết (28,4).

- **Họ vào nhà** (11): Tác giả nối kết chặt chẽ niềm vui của những người ngoại giáo và việc họ đi vào “nhà”, là hình ảnh báo trước Giáo Hội, nơi người ta gặp được Đức Kitô và bái thờ Người.

- **hài nhi và thân mẫu**: Công thức này được nhắc lại ở các câu 13, 14, 20 và 21, là do tác giả cố tình chọn đề nhắc lại cuộc sinh hạ do mẹ đồng trinh (1,18-25).

- **sấp mình thờ lạy** (= bái lạy: cc. 2.8.11): “Bái lạy” hay “sấp mình thờ lạy” (proskyneô) được tác giả Mt dùng động từ này 13 lần (toàn Tân Ước: 57 lần). Đây là hành vi sấp mình trên nền nhà để tôn thờ thần thánh hoặc những người có địa vị cao, chẳng hạn các vua. Tác giả Mt hầu như chỉ dùng động từ này để diễn tả lòng tôn kính đối với Đức Giêsu bởi những người khấn cầu (8,2; 9,18; 15,25; x. 20,20) và bởi các môn đệ (14,33: liên kết với việc tuyên xưng niềm tin vào Con Thiên Chúa), đặc biệt dành cho Đấng Phục Sinh (28,9.17).

- **lấy vàng, nhũ hương, mộc dược mà dâng tiến**: Sau khi bái lạy một vị vua, thường có việc dâng lễ vật (x. St 43,26; 1 Sm 10,27; 1 V 10,2; Tv 72,10). Ba thứ lễ vật này đều xứng đáng với một vị vua: x. Tv 72,15 (vàng); Is 60,6 (vàng và nhũ hương); Tv 45,8 (xức mộc dược cho vua); Dc 3,6 (nhũ hương và mộc dược). Truyền thống các Giáo Phụ coi các lễ vật này là những biểu tượng về vương quyền (vàng), thần tính (nhũ hương) và việc mai táng (mộc dược) của Đức Giêsu.

4.- Ý nghĩa của bản văn

* *Giới thiệu các nhân vật và hoàn cảnh, với câu hỏi mở đầu của các nhà chiêm tinh* (1-2)

Chỉ trong một câu duy nhất, tác giả đã giới thiệu được khung cảnh địa lý, hoàn cảnh chính trị, và các nhân vật sẽ được đề cập đến trong bản văn. Chủ đề của chương 2, “vương quyền của Đấng Mêsia”, đã được gián tiếp gợi lên qua tước hiệu “vua” gán cho Hêrôđê, một danh từ liên tục được nhắc lại suốt bài này.

Chủ đề lại được nêu lên trong câu hỏi của các nhà chiêm tinh (c. 2). Các vị này là những nhà chiêm tinh văn, chứ không phải là “vua”. Đặc biệt trong môi trường Mêsôpôtamia, hai ngành thiên văn và chiêm tinh đã có từ lâu đời và rất được trọng dụng. Các biến cố xảy ra trên bầu trời và trong thế giới loài người được coi là có liên hệ chặt chẽ với nhau. Người ta xác tín rằng ai hiểu các hiện tượng của bầu trời thì cũng hiểu lịch sử loài người và có thể ban các lời khuyên và những định hướng về lịch sử này. Các nhà chiêm tinh này có khả năng giải thích các giấc mộng và thấy trước tương lai bằng cách nhìn xem các vì tinh tú và quan sát cánh chim bay. Các vị cũng có khả năng biện phân ra ý muốn của Thiên Chúa.

Tuy nhiên, làm thế nào mà các nhà chiêm tinh vừa ngoại quốc vừa ngoại giáo lại có thể đi tìm vua dân Do Thái như thế, trên đất Palétina? Vào thời cổ, có một niềm tin nói rằng cuộc chào đời của một nhân vật quan trọng sẽ được báo cho biết bởi một ngôi sao trên trời. Trong lãnh vực nghiên cứu của họ, các nhà chiêm tinh nhận được một thông tin cho biết Đấng Mêsia đã chào đời và họ được thúc đẩy lên đường. Các nhà chiêm tinh đã thấy ngôi sao được Kinh Thánh nhắc tới, chứ không phải là một ngôi sao chổi hay một ngôi sao nào trong bầu trời vật lý. Các vị biết rằng, một đàng, Ds 24,17 khẳng định về Đấng Mêsia xuất thân từ nhà Giacóp, đàng khác, có một truyền thống song song, dựa trên Ds 24,7 (bản dịch Hy Lạp LXX), khẳng định rằng Đấng Mêsia sẽ trị vì trên nhiều dân tộc. Các vị biết rằng dân Do Thái đang chờ đợi Đấng Mêsia. Từ thời Lưu đày Babylon, đã có nhiều người Do Thái sống trên đất Mêsôpôtamia; nhờ họ, người ta biết tôn giáo và các niềm chờ mong Do Thái.

Khi kể câu chuyện Các nhà chiêm tinh, tác giả Mátthêu không quan tâm đến cuộc hành trình của các vị ấy; ngài chỉ chú ý đến cuộc đối đầu của các vị ấy với vua Hêrôđê. Ngài cũng muốn nói với chúng ta rằng cuối cùng Đấng giải phóng nhà Giacóp đã tới. Các nhà chiêm tinh nhận ra Người và thờ lạy Người. Đức Giêsu chính là ngôi sao ấy. Chúng ta đọc diễn tiến câu chuyện.

Đến Giêrusalem, các vị ấy tưởng là đã đạt mục tiêu, nhưng lại được gửi đi đến một nơi khác. Nhưng bây giờ các vị ấy đã biết mục tiêu cách chính xác hơn. Các kinh sư là những chuyên viên Kinh Thánh (x. 23,2t), đã có thể suy ra là Đấng Mêsia chào đời tại Bêlem xứ Giuđê. Trong Mk 5,1-3, Đấng Mêsia được giới thiệu như là Thủ Lãnh và Mục tử của dân Israel. Người sẽ chỉ cho dân Người biết con đường ngay thẳng và sẽ lo lắng chăm sóc họ, như một mục tử săn sóc các chiên mình. Chúng ta lưu ý là các nhà chiêm tinh hỏi nơi sinh của “vua dân Do Thái”, chứ không phải là “vua Israel”. Các kinh sư của dân (Mt 2,4) được Đấng Mêsia đến chiếu cố, đã ở lại Giêrusalem; trong khi đó, các nhà chiêm tinh, là những người ngoại giáo, đã kiên trì theo đuổi mục tiêu, họ tiếp tục cuộc hành trình.

Hai phần sau đây tương ứng với hai “chương trình xung đột” (cũng có trong cc. 13-23) tác giả muốn tường thuật: sự đối lập giữa hai nơi, Bêlem/Nadarét và Giêrusalem; một bên là chiến lược của vua Hêrôđê tại Giêrusalem, bên kia là chiến lược của Thiên Chúa; vua Hêrôđê không những đối lập với Đức Giêsu, mà cũng đối lập với các nhà chiêm tinh nữa. Sự đối lập giữa hai vị vua được nêu bật bởi ngôi sao: ngôi sao không được nhắc đến ở Giêrusalem, nhưng dẫn đường cho các nhà chiêm tinh sau khi họ rời Giêrusalem.

* *Gặp gỡ Hêrôđê, vị vua “giả hiệu” của người Do Thái* (3-9a)

Sự việc xảy ra ở đền vua Hêrôđê gián tiếp giới thiệu Đấng Mêsia vương giả bằng câu sấm Mk 5,1-3 kết hợp với 2 Sm 5,2. Bây giờ vua Hêrôđê và “cả thành Giêrusalem” được đặt

trong thế đối lập với các nhà chiêm tinh. Phản ứng bối rối dao động của họ là một bằng chứng cho thấy họ hiểu tính nghiêm trọng của hoàn cảnh. Vua Hêrôđê và toàn dân Giêrusalem thuộc nhóm loại trừ vị tân ấu vương.

Một vài điểm không thật (vua Hêrôđê và dân Giêrusalem không ưa gì nhau nên hẳn là dân chúng hẳn phải vui mừng khi biết Đấng Mêsia vừa chào đời thì mới hợp lý – Nhà vua phải hỏi về nơi Đấng Mêsia sinh ra, mà nơi này thì mọi người đều biết, vậy mà không một ai tò mò đi với các nhà chiêm tinh đến Bêlem cả – Vua Hêrôđê triệu tập toàn thể Thượng Hội Đồng Do Thái chỉ để xin một thông tin – Ngôi sao chỉ đứng nhà của Đức Giêsu – Dân cư Giêrusalem “xôn xao”...) khiến nhiều tác giả cho rằng đây chỉ là một sáng tác văn chương mà thôi. Nhưng dù được tưởng tượng hay không, câu chuyện này minh họa thật rõ việc dân Do Thái loại trừ Đức Giêsu và Dân ngoại đón tiếp Người. Đối với tác giả Mt, Giêrusalem là thành sẽ xảy ra cuộc đóng đinh; dân Giêrusalem là những người sẽ nói về cuối quyền Tin Mừng, “Máu hấn cứ đổ xuống đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi” (27,25). Sự bối rối của vua Hêrôđê và dân Giêrusalem ở đây báo trước thái độ thù nghịch trong cuộc Thương Khó (x. 27,11.29.37.42). Ở đây, vua Hêrôđê, các thượng tế và kinh sư đã hiểu “Vua dân Do Thái” chính là “Đấng Kitô [Mêsia]”.

Câu trả lời về “Đức Vua dân Do Thái” là câu trích Mk 5,1, nhưng tác giả đặt trên môi các kinh sư, chứ không dùng công thức về hoàn tất Lời Chúa. Câu này cung cấp một nền móng Cựu Ước cho khởi đầu cuộc đời của Đức Giêsu về mặt lịch sử và tiểu sử. Nhưng đây không phải là điều ngài quan tâm đầu tiên. Điều ngài chú ý hơn, đó là dùng hai lần từ “Giuda” và thêm 2 Sm 5,2 (x. 1 Sbn 11,2) vào với từ móc laos (“dân chúng”) để khẳng định quan điểm chống Do Thái của ngài: các kinh sư Do Thái nhìn nhận rằng đây là vấn đề về vị mục tử thiên sai vẫn từng mong đợi của dân Thiên Chúa là Israel, nhưng họ không rút ra các hệ luận; vì vậy họ gián tiếp trở thành đồng lõa của vua Hêrôđê.

Thế là vua Hêrôđê “hỏi cặn kẽ về ngày giờ ngôi sao đã xuất hiện”. Câu 7 này đưa chúng ta đến với câu 16 được viết tương tự. Độc giả có linh cảm một chuyện chẳng lành sắp xảy ra, khi thấy nhà vua hỏi chi tiết về nơi Hải Nhi ở. Câu trả lời chính là sự tàn bạo bí hiểm của nhà vua được chứng tỏ sau đó. Câu 8 lại cho độc giả nhận ra nhà vua là một kẻ đạo đức giả. Đồng thời, nền tảng của c. 12 được cung cấp: vua Hêrôđê muốn kéo các nhà chiêm tinh vào trò chơi của ông; nhưng ý định xấu xa của ông sẽ bị Thiên Chúa can thiệp tiêu hủy.

* *Gặp gỡ Ấu Vương “chân chính” tại Bêlem (9-12)*

Các nhà chiêm tinh ra đi ngay ban đêm, không phải vì đó là thói tục của Đông phương, nhưng để tác giả lại có cơ hội nói về ngôi sao. Tại đây, độc giả lại nhận ra Thiên Chúa ra tay hướng dẫn toàn thể biến cố, và được mời gọi chia sẻ niềm vui chan hòa các nhà chiêm tinh đang trải nghiệm.

Chủ đề của bài Tin Mừng được trình bày rõ ràng qua việc các nhà chiêm tinh bái lạy Hải Nhi Giêsu và dâng các lễ vật (c. 11). Đây mới là vị vua chân chính mà muôn dân vẫn trông đợi, dù tước “vua” không hề được dùng mà gọi Người. Nhưng chủ đề “vị vua thật” chạy xuyên suốt bản văn do các từ ngữ (“Vua dân Do Thái”: c. 2; “vì sao của Người”: cc. 2.7.9.10; “vua Hêrôđê”: c. 3; “Hêrôđê”: cc. 7.12; “bái lạy”: c. 8; “nhà vua”: c. 9) và các cụm từ (“vì người là nơi vị lãnh tụ chân dất Israel dân Ta sẽ ra đời”: c. 6; “sắp mình thờ lạy”: c. 11; “lấy vàng, nhũ hương, mộc dược mà dâng tiến”: c. 11)[1] liên hệ.

Các nhà chiêm tinh, là những người khôn ngoan và giàu kinh nghiệm, đã phủ phục (proskyneô) trước Hải Nhi, một trẻ sơ sinh không hề tỏ ra có chút uy hùng hay quyền lực gì. Đây là cách người Đông phương nhìn nhận Đấng có quyền trên mình, mình lệ thuộc phần nào hay hoàn toàn vào đấng ấy (là vua chúa hay thần linh). Nhưng chúng ta nhớ Đức Giêsu đã được giới thiệu là “con cháu vua Đavít” (1,1), “Con Thiên Chúa” (x. 1,21; 2,15) và Emmanuel (1,23). Hải Nhi không nói gì với các vị ấy và cũng chẳng cho các vị ấy món gì cả. Các vị không thấy vẻ huy hoàng chúa tể của Người, cũng chẳng trải nghiệm về quyền

lục của Người, nhưng các vị nhận biết Người nhờ lòng tin. Tác giả bỏ qua ông Giuse để nêu bật địa vị đặc biệt của bà Maria theo chiều hướng của Mt 1,18-25. Các lễ vật quý giá (vàng, nhũ hương và mộc dược) các vị dâng là một dấu chỉ khác chứng tỏ các vị nhìn nhận Hài Nhi là Chúa tể.

Chủ đề được khóa lại với tên “Hêrôđê”, vị vua đương trị, được nhắc lại lần nữa và với việc các nhà chiêm tinh từ biệt Hài Nhi. Vua Hêrôđê đã muốn nối kết các nhà chiêm tinh vào các kế hoạch của ông, và các kế hoạch này là thế nào thì cuộc sát hại các hài nhi Bêlem sẽ cho biết; và hẳn là các nhà chiêm tinh sẽ chịu cùng một số phận như các hài nhi. Tuy nhiên, Thiên Chúa đã can thiệp, để đưa các nhà chiêm tinh về quê theo đường khác.

+ **Kết luận**

Đọc bài Tin Mừng này, chúng ta nhận ra có sự đối đầu của hai vương quyền, vương quyền của Thiên Chúa và vương quyền của loài người. Bản văn cũng nêu bật hai nỗi lo lắng: nỗi lo của những con người đói khát ơn cứu độ, đang ra sức đi tìm; nỗi lo của con người sợ cuộc sống mình bị đặt thành vấn đề. Hai bên đều tiến đi, để rồi đến cuối con đường, một bên được hưởng niềm vui cứu độ, một bên co quắp lại trong thái độ thù nghịch. Chỉ khi vương quyền của con người biết nhìn nhận mình phát xuất từ vương quyền của Thiên Chúa, khi đó mới có sự “bình an dưới thế cho loài người Chúa thương”.

5.- Gợi ý suy niệm

1. Truyện này gây ra hai ấn tượng. Một bên, chúng ta muốn coi toàn bộ như một huyền thoại: cuộc hành trình dài ngày của các nhà chiêm tinh, ngôi sao dẫn đường, nỗi bối rối của nhà vua và toàn thể dân thành Giêrusalem, mưu mô của vua Hêrôđê, cuối cùng lệnh của Thiên Chúa ban cho các nhà chiêm tinh trong mộng, tất cả những nét này khiến chúng ta có ấn tượng là truyện không thật. Nhưng ngược lại, nếu so sánh truyện này với những gì ta biết về vua Hêrôđê và xứ Palétina thời ấy, chúng ta lại phải nhìn nhận truyện có màu sắc lịch sử: sự lưu tâm của các nhà chiêm tinh phương Đông về một vị vua cứu thế và những con điên khùng bệnh tật của vua Hêrôđê hoàn toàn phù hợp với truyện. Nhưng “đúng” không nhất thiết là “thật” về lịch sử. Cho dù các biến cố đã xảy ra thật, các truyện trong chương 2 Mt cũng không mang tính lịch sử theo nghĩa hẹp. Dường như tác giả đã sử dụng thể văn midrash haggada để giải thích các sự kiện có thật hầu rút ra một áp dụng Kinh Thánh, để đi tới việc ca tụng Thiên Chúa, khám phá ra một mạc khải về những chương trình của Thiên Chúa trong quá khứ và cho tương lai, nhằm xây dựng cộng đoàn.

2. Có những điểm “khôi hài” trong bài: Sự khôn ngoan của Dân ngoại mà người Do Thái vẫn loại trừ hoặc khinh bỉ cũng có thể đưa người ta đến với Đức Kitô. Đây là khi các nhà chiêm tinh đến đền vua Hêrôđê và hỏi về nơi trú ngụ của “Đức Vua mới sinh”. Đàng khác, chính một vị vua gian ác ngoại quốc (vì Hêrôđê thuộc gốc dân Idumê) cũng có thể trở thành trung gian cung cấp cho người ta những thông tin chính xác. Đây là khi vua Hêrôđê triệu tập các thượng tế và kinh sư lại để hỏi cho biết Đấng Kitô sinh ra ở đâu.

3. Có hai chuyển động ngược chiều trong bài: Vua Hêrôđê càng ngày càng co quắp lại trong thái độ cứng tin và từ khước, và cùng với nhà vua là Thượng Hội Đồng Do Thái và dân Giêrusalem, còn các nhà chiêm tinh thì đã từ những bước mò mẫm mơ hồ đi đến chỗ bày tỏ tất cả lòng tin kính đối với Đấng Mêsia. Vì thế sau đó, các vị “đã đi lối khác mà về xứ mình” (c. 12). Cũng nên dừng lại suy nghĩ về lối ứng xử của các kinh sư: họ đã có thể trích và giải thích đúng Kinh Thánh, nhưng họ không hề lên đường. Thánh Âutinh bảo rằng họ là “những cột cây số”; họ chỉ đứng đường, nhưng họ không di chuyển!

4. Các nhà chiêm tinh đã nhận được sự thúc đẩy đầu tiên khi nghiên cứu thiên văn. Đến Giêrusalem, các vị lại nhận được một thông tin chính xác hơn rút từ Kinh Thánh. Các vị đã can đảm lách quyết định lên đường và cứ dò dẫm từng bước, và Thiên Chúa đã dẫn dắt các vị đạt tới mục tiêu bằng “ngôi sao” dẫn đường. Bởi vì các vị không kháng cự lại và không quản ngại mệt nhọc, trái lại đã chấp nhận được hướng dẫn, các vị đã vui sướng đạt tới mục

tiêu. Thiên Chúa luôn đáp ứng những ai tha thiết tìm ơn cứu độ, dù đôi khi người trong cuộc cảm thấy đường đi không rõ và mục tiêu mịt mù.

5. Các nhà chiêm tinh không thấy vinh quang hay uy quyền của Hải Nhi Giêsu, nhưng các vị đã bái lạy mà nhìn nhận Người là Chúa tể, là Đức Vua và vị Mục Tử của Dân ngoại, vì các vị tin. Đức tin cần thiết cho từng bước đi tới chỗ nhận biết Đức Chúa, ở đây được các nhà chiêm tinh diễn tả ra trong tình trạng tinh trong. Dựa vào ba lễ vật, qua các thời đại, người ta đã tưởng tượng là có ba nhà chiêm tinh, có tên rõ ràng, một vị trẻ tuổi, một vị đứng tuổi và một vị đã già; một vị là người châu Á, một vị là người châu Âu và một vị châu Phi. Cách làm này không tương ứng với chữ viết của bản văn nhưng phù hợp với tinh thần của Tin Mừng. Tất cả các lứa tuổi và con người của mọi châu lục đều đạt tới mục tiêu khi gặp Hải Nhi này, nhất là khi nhìn nhận Người là Đức Vua và Đức Chúa của họ. Người đã đến cho mọi người, cho người trẻ cũng như cho người già, cho người thông thái cũng như người chất phác ít học, cho mọi màu da và mọi lối sống, để giúp họ nhận biết Thiên Chúa là Cha và đưa vào cuộc đời họ một ánh sáng chói chan. Như các nhà chiêm tinh, loài người không được để mình đi trệch đường về với Đức Giêsu, mà phải để cho Thiên Chúa hướng dẫn, cho đến khi tới đích.

6. Phải chăng nên gỡ bỏ các ngôi sao tại các máng cỏ? Không cần! Chúng ta cứ việc ngắm nhìn ngôi sao ấy, cứ chỉ cho con em thấy, nhưng bảo các em rằng ngôi sao đích thật là Đức Giêsu. Người chính là ánh sáng soi chiếu mọi dân tộc. Cũng giải thích cho chúng biết rằng các nhà chiêm tinh là đại diện cho các dân tộc trên thế giới đang để cho sứ điệp hòa bình và tình yêu của Đức Giêsu hướng dẫn. Họ chính là hình ảnh của Hội Thánh, được tạo nên do các dân tộc thuộc mọi giống nòi và mọi ngôn ngữ. Trở nên một thành viên của Hội Thánh không có nghĩa là đánh mất hoặc bỏ đi chân tính của mình, không có nghĩa là phải quy phục một thứ “đồng nhất” giả tạo và bất công. Các dân tộc cần phải duy trì nền văn hóa của họ và làm giàu cho Hội Thánh bằng nền văn hóa riêng này.

26. Chú giải của Noel Quesson

Khi Đức Giêsu ra đời tại Bêlem, miền Giudê, thời vua Hêrôđê trị vì

Đó chỉ là những từ duy nhất, rất ngắn ngủi mà Matthêu dùng để nói về lễ Giáng sinh. Ít thật! Thực sự, Matthêu có vẻ chú ý quá ít đến biến cố đơn thuần, khác với Luca. Trái lại, một cách rõ rệt, Matthêu chú ý trình bày với các độc giả của mình ý nghĩa của sự sinh ra. Và ông cho họ hiểu ý nghĩa trong câu truyện này về các nhà chiêm tinh. Chính câu truyện được triển khai tối đa, và được trình bày, nếu chúng ta lưu ý, như một thứ dẫn nhập cho toàn bộ Tin Mừng theo Thánh Matthêu.

Có mấy nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giêrusalem, và hỏi: "Đức Vua dân Do thái mới sinh, hiện ở đâu?"

Matthêu so sánh, như hai chất nổ, hai danh hiệu: Vua Hêrôđê, vua dân Do Thái. Câu hỏi này mà những người nước ngoài sắp nhắc lại trên các phố phường chật hẹp ở Giêrusalem, đã vang đến tai những người Do Thái như một sự mĩa mai cay độc. Người ta hiểu rằng nó cũng làm cho Hêrôđê vốn đa nghi phải giao động. Qua lịch sử, người ta biết rằng cả đời ông bị ám ảnh vì sợ mất quyền bính, và ông thấy chỗ nào cũng có âm mưu, nên chỉ luôn luôn sống trong các thành lũy, và cho giết chết ba người con trai, bà mẹ vợ và thậm chí chính người vợ riêng của mình.

Đây là về chuyện lịch sử. Nhưng ý nghĩa mà Matthêu dành cho danh hiệu "Vua dân Do Thái" này lại sâu xa hơn nhiều; Nước trời sẽ là một trong những đề tài ông ưa thích. Matthêu, ngay từ đầu loan báo về Đức Vua của Vương quốc này. Ngay trang đầu trong sách Tin Mừng của ông, có một vương miện đang tranh chấp: ai thực sự là "vua" dân Do Thái? Hêrôđê, một nhà vua chuyên chế, hiếu sát và tàn bạo? Hay là Giêsu, người bé nhỏ, yếu hèn, không có vũ khí sẽ chết như nạn nhân vô tội? Chính ở trang cuối cùng sách Tin Mừng của mình, theo một phương thức viết hàm ý quen dùng trong văn chương Sê-mít, mà Matthêu đã đặt lại cho Đức Giêsu "Vua dân Do Thái" này. Những binh lính sẽ nói "Ngự tâu, Vua dân Do Thái" (Mt 27,29). Philatô sẽ cho ghi "Đây là Vua dân Do Thái" ở trên đầu Đức Giêsu chịu khổ hình thập giá, để chỉ rõ cái "lý do khiến người bị kết án" (Mt 27,37). Tất cả các kinh sư và đại giáo trưởng sẽ cười nhạo "Nếu y là Vua dân Do Thái, thì y cứ xuống khỏi thập giá đi" (Mt 27,37).

Từ khi đưa ra, Thánh Matthêu gợi ý, Đức Giêsu chỉ là một vua khiêm tốn, hình ảnh của "Người đầy tớ chịu đau khổ" của Isaia, vị vua này sẽ chỉ cưỡi trên lưng lừa (Mt 21,5) trong cuộc khải hoàn chóng qua với những tàu lá, vị vua đến không Phải để được phục vụ, nhưng để phục vụ (Mt 20,28), và sẽ yêu cầu các bạn hữu của mình "đừng thống trị, mà hãy làm cho mình trở thành những đầy tớ" (Mt 20,25-26). Vương quyền của vị vua này không thuộc về thế gian này, nó không hề giống vương quyền của Hêrôđê: nó chỉ được tiết lộ một cách nghịch lý trong ngày Người thụ nạn, chúng ta sẽ hàm ý gì dưới những từ lặp lại trong lời kinh của chúng ta: "Xin cho Nước Cha trị đến!. Người trị đến với Chúa Cha và Chúa Thánh Linh đến muôn muôn thế kỷ".

Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông.

Ngày nay, Giáo Hội so sánh câu truyện Hiên Linh này với bản văn của Isaia được chọn lựa giữa vô số bản văn Kinh Thánh loan báo Đấng Mê-si-a đến như một ánh sáng. "Hãy đứng lên hỡi Giêrusalem, ánh sáng của người đã đến và vinh quang của Đức Chúa xuất hiện trên ngươi. Hãy nhìn xem: bóng tối lại bao trùm mặt đất, nhưng Đức Chúa xuất hiện trên ngươi, và vinh quang của Người chiếu tỏ trên ngươi. Các dân nước sẽ tiến về phía ánh sáng của ngươi, và các vua, về phía luống sáng bình minh ngươi (Is 60,1-6) Người ta nhớ lại ánh sáng của Đấng Cứu Độ được hát vào Mùa Vọng và trong lễ đêm Giáng sinh: người đi trong bóng tối đã trông thấy xuất hiện một ánh sáng lớn lao, bởi vì một Hài nhi đã sinh ra cho chúng ta" (Is 9,1-5).

Trong chủ đề về ngôi sao, có cả một ý nghĩa mà Thánh Phêrô chỉ rõ khi người nói về đức tin như "sao Mai xuất hiện trong lòng chúng ta" (2 Pr 1,19). Ngôi sao tượng trưng cho ánh sáng của Chúa, ân sủng của Chúa, tác động của Chúa trong tâm trí của mọi người, và dẫn dắt mọi người hướng về Đức Kitô. Vâng, Thiên Chúa nhìn ngắm với tình yêu những nhà chiêm tinh ngoại giáo tiến về Đức Giêsu. Trong đời tôi, cũng có một ơn hướng dẫn tôi khám phá ra Đức Giêsu. Tôi có can đảm đi theo ơn đó cho đến nơi mà ơn huệ hướng dẫn tôi không? Xin hãy dẫn dắt con trong ánh sáng này một bước, một bước, chỉ một bước hướng tới Chúa!

Nên chúng tôi đến bái lạy Người.

"Bái lạy". Động từ này được Matthêu sử dụng ba lần trên trang này chỉ thái độ sâu xa của các nhà chiêm tinh ngoại giáo này. Họ đến để thờ lạy. Còn tôi? Đôi khi tôi có bái lạy không? Trước cái gì? Trước ai? Tôi gán cho một ý nghĩa gì về việc bái lạy của tôi lúc dâng Thánh Thể trong thánh lễ không? Nhiều bạn trẻ ngày nay, tìm lại được cái cử chỉ bái lạy lớn lao, ở đó có người nhận biết sự bé mọn của mình, đã hoàn toàn phục dãi trên mặt đất trong lòng tôn thờ của tất cả vạn vật.

Nghe tin ấy, vua Hêrôđê bối rối, và cả thành Giêrusalem cũng xông xao. Nhà vua liền triệu tập tất cả các thượng tế và kinh sư trong dân lại

Giữa câu truyện Hiền Linh, Matthêu đưa ra hai thái độ mà chúng ta luôn luôn thấy lại trong sách Tin Mừng cha ông: "Một đảng là sự khước từ của các lãnh tụ chính trị và tôn giáo Do Thái. Đáng lẽ họ phải là những người đầu tiên nhận ra Đấng Mêsia Thế mà, họ làm gì? họ sợ hãi, họ lo âu. Họ không động tĩnh. Ngay từ đầu họ tìm giết Đức Giêsu. Người ta tưởng đã nghe thấy tiếng kêu buồn rầu to lớn Đức Giêsu thốt ra về Giêrusalem: "Khôn thay! Các kinh sư và các Phariseu... Hỡi Giêrusalem! Giêrusalem! Người giết chết những người Ta sai đến với ngươi, bao nhiêu lần ta đã muốn tập hợp các con cái Ta! Và các ngươi đã không muốn" (Mt 23,27-37).

Đảng khác, trái lại, sự "đón tiếp" của những nhà chiêm tinh ngoại giáo. Dù không được chuẩn bị bao nhiêu để nhận biết Đấng Mêsia, chính họ lại đi tìm kiếm Người, họ năng động, và không chút lo âu, họ cảm thấy "một nỗi vui mừng lớn lao Người ta tưởng chừng nghe thấy câu kết luận của sách Tin Mừng Matthêu: Các ông hãy đi và hãy làm cho tất cả các dân nước trở thành môn đệ (Mt 28,19).

Thực ra, trang Tin Mừng này, trong những thế kỷ đầu tiên, được dành để cổ giải thích cho các Kitô hữu gốc Do Thái (Matthêu muốn nói trực tiếp cho chính họ) hiểu tại sao Giáo Hội gồm có đa số là những Kitô hữu gốc ngoại giáo khi mà Thiên Chúa lại gán bó quá mạnh mẽ với Do Thái. Matthêu, chứng minh, nơi Giêsu. một Đấng Cứu Độ được mong đợi. Người đến vì tất cả mọi người: và nước Do Thái mới gồm có những người Do Thái hay ngoại giáo, bái lạy trước Đức Giêsu. Điều đó được tất cả những lại phát ngôn "có tính chất phổ độ" loan báo trước: Giêrusalem phải trở nên kinh đô của tất cả các dân tộc. "Lạc đà từng đàn che rợp đất, lạc đà Madian và Êpha: tất cả những người từ Saba kéo đến, đều mang theo vàng với trầm hương, và loan truyền lời ca tụng Đức Chúa" (Is 60,1-6). Người ta nhớ đến, bên Israel. nữ hoàng Saba, đến từ xa, bà đã lên Giêrusalem để gặp gỡ Salômôn. Thánh Vịnh 71, được hát ngày lễ Hiền Linh, lặp lại cùng một chủ đề của phần mở đầu: "Các vua xứ Tacsì và các hải đảo sẽ mang các tặng phẩm đến". Và cũng chính Matthêu sẽ nói lại trong sách Tin Mừng của ông rằng các dân tộc "sẽ đến từ Phương Đông và Phương Tây, an phần vào bữa tiệc với Abraham" (Mt 8,11). Một lần nữa, người ta thấy sách Tin Mừng này được cấu tạo như thế nào. Vâng, các "nhà chiêm tinh" tượng trưng cho tất cả những người ngoại giáo (và những người không tin) ở mọi thời đại Và trong những từ này, chúng ta không đưa vào đó một ý nghĩa xấu nào cả. Trái lại! trong số các bạn bè của chúng ta, có đông người như thế, tất cả những người này hoàn toàn chân thành trong các xác tín của họ, họ có một cuộc sống ngay thẳng, có một ý thức về công lý, và về việc phục vụ tha nhân, họ

có một đời sống gia đình gương mẫu, và làm trọn một cách hoàn hảo những nghĩa vụ nghề nghiệp của họ. Dầu vậy, họ không biết Đức Giêsu Kitô theo nghĩa mạnh.

Lễ Hiển Linh là lễ của tất cả những người không biết Đức Giêsu, của tất cả những người có niềm tin khác với chúng ta. Và Thiên Chúa yêu mến họ, soi sáng cho họ, Thiên Chúa dùng ân điển vô hình để lôi kéo họ đến với Người. Nhưng, chúng ta, chúng ta phê phán họ như thế nào?

Và đây là điều ngôn sứ đã viết: "Phần người, hỡi Bêlem, miền đất Giuđa, người đâu phải là thành nhỏ nhất của Giuđa, vì người là nơi vị lãnh tụ chăn dắt Israel dân Ta sẽ ra đời".

Tại sao, hãy nói cho tôi hay, ngôi sao lại không trực tiếp dẫn lối những nhà chiêm tinh, nếu phải làm, đến Bêlem, gần Đức Giêsu? Tại sao có đường vòng qua Giêrubalem, qua các "kinh sư và thượng tế" Bởi vì Thiên Chúa trung thành với những lời người hứa, và vì, nếu ơn cứu độ được đưa đến cho tất cả mọi người, thì ơn đó đến qua trung gian những người Do Thái (Rm9, 10-11).

Rồi họ mở bảo tráp, lấy vàng, nhũ hương và mộc dược mà dâng tiến... Sau đó, họ được báo mộng là đừng trở lại gặp vua Hêrôđê nữa, nên đã đi lối khác mà về xứ mình.

Việc thờ phượng là một trong những chức năng chính yếu của Giáo Hội: sự thờ phượng thật, chính là dâng tiến lên Thiên Chúa kết quả lao động của con người và của đất. Như vậy cuối cùng tất cả mọi giá trị mà nhờ đó các nền văn minh sinh tồn được. Cuộc gặp gỡ Đức Kitô biến đổi cuộc đời: một con đường mới mở ra... Tin Mừng vui biết bao, lạ Chúa!